

Nhiệm
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN
(TẬP 2)

MỘ VÂN CƯ
Người dịch: LÊ HẢI ĐĂNG

Những
CÂU CHUYỆN
VỀ THIÊN
(TẬP 2)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BỒ THÍ CÓ MỨC

Thiền sư Phật Quang vì muốn phát triển Phật giáo, khai sáng ra rất nhiều sự nghiệp trong Phật giáo, đệ tử vì muốn hoàn thành lý tưởng của thiền sư, cố gắng, cố vũ tìn đồ quyên góp, bồ thí, làm công đức.

Có một lần thiền sư Phật Quang ra ngoài hoằng pháp trở về, các đệ tử đua nhau tới thông báo về thành tích của mình trong việc quyên góp công đức. Đệ tử Phổ Đạo rất đặc ý nói: “Thầy ạ! Hôm nay có một vị đại thí chủ, bồ thí cả trăm lượng bạc, người ấy nói là để làm phí xây dựng Đại hùng bảo điện của chúng ta.”

Đệ tử Phổ Đức nghe xong, cũng thông báo rằng: “Thầy ơi! Cư sĩ Trần ở trong thành tới thăm thầy, con đưa tới Điện đường khắp nơi để cúng lễ, thí chủ ấy cúng lương thực cho chúng ta cả năm trời!”

Thầy Hương Đăng, thầy Tri Khách trong chùa đều nói về việc hỷ xả phát tâm của các tín đồ với thiền sư Phật Quang, chỉ thấy thiền sư Phật Quang chau mày, ngăn mọi người phát ngôn, đồng thời nói với các đệ tử rằng: “Các con đều vất vả rồi, nhưng đáng tiếc là hóa duyên nhiều quá, chẳng có được công đức!”

Mọi người không hiểu, hỏi: “Tại sao hóa duyên nhiều ngược lại chẳng còn tốt nữa?”

Thiền sư Phật Quang nói: “Đề của cái cát nơi tín đồ, khiến cho tín đồ giàu có lên, Phật giáo mới có thể giàu có được! Không thể cứ thường xuyên yêu cầu tín đồ hiến công đức này để giúp Phật sự nọ, giết gà lấy trứng, chẳng phải việc ngu si sao! Chờ tới một ngày các tín đồ không gánh vác nỗi lo toan, Phật giáo còn gì để hộ pháp Trường Thành nữa?”

Lời nói sâu sắc ẩn ý đó của thiền sư Phật Quang thực đáng để mọi người ngẫm nghĩ!

Việc bố thí mà thiền sư Phật Quang nói phải được tiến hành trên nguyên tắc “bất tự khổ, bất tự nã”, đồng thời việc bố thí phải kiên trì bền bỉ, không được gượng ép xin bố thí. Người học Phật nếu có Thiền, không chỉ suy nghĩ cho mình, mà còn suy nghĩ cho người, đều có thể nói Thiền giả chỉ trọng ngộ đạo, không trọng từ bi chứ?

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Bố thí có mức, kiên trì bền bỉ”, cuộc đời con người nếu có thể biết điều tiết về “lượng”, tự nhiên mọi việc sẽ thông suốt, tâm thái an lành.

ĂN CƠM, NGỦ NGHỀ CŨNG LÀ TU HÀNH

Các thiền sư sau thiền sư Huệ Năng đi theo lối tu thiền “Đán hành trực tâm, bất chấp pháp tướng” của Huệ Năng, ngày càng đưa mùi vị Thiền thâm thúy vào trong đời sống thường nhật, làm hình thành một thái độ tùy duyên nhậm vận.

Thiền tông đề cao bản tâm chẳng phải thứ trống rỗng, việc ăn, ở, ngủ hằng ngày, kiến văn giác tri đều là hình tướng, biểu hiện, tác dụng của bản tâm. Hành vi thông thường thuận theo tự nhiên, vừa là phương pháp của Thiền, cũng là cảnh giới của việc tu Thiền.

Có đệ tử hỏi thiền sư Huệ Năng rằng: “Thầy ạ, thầy rốt cuộc có gì khác với mọi người mà có thể sống được thanh thoi, tự tại như vậy chứ?”

Huệ Năng trả lời: “Cũng chẳng có gì cả. Nếu nói nhất định phải có, vậy chỗ ta và mọi người khác nhau chính là buồn ngủ thì đi ngủ, đói thì ăn.”

Đệ tử kinh ngạc hỏi lại: “Điều đó có gì khác với mọi người chứ? Mọi người đều vậy mà.”

Huệ Năng nghe rồi cười ha hả, nói: “Khi ta ăn cơm thì là ăn cơm, chẳng hề nghĩ gì tới chuyện khác, ăn một cách thoải mái, an lòng. Khi ta ngủ thì ngủ, bởi vậy xưa nay chẳng bao giờ mơ ác mộng, ngủ một cách thoải mái, tự tại.”

Thiền sư Huệ Năng ngừng một lát rồi nói tiếp: “Còn chúng sinh nông nổi trong thế gian, khi ăn cơm tính chuyện làm sao đề phòng người khác cướp tài sản của mình, ăn mà chẳng cảm nhận được vị ngọt. Khi ngủ tại suy tính làm sao đoạt được thứ của người khác, suy nghĩ miên man. Như thế xem ra mọi người đâu có vậy?”

Đệ tử nghe xong hết sức cảm ngộ, nói: “Như thế, chúng ta hằng ngày làm việc còn phải giữ nhiều một phần tâm bình thường để cảm nhận thế giới này bằng tâm!”

“Ừ, có lý,” thiền sư vui mừng nói, “Con có thể sở hữu được trái tim bình thường, điều đó nói rằng con bắt đầu nhập môn rồi đấy. Chờ tới khi con có thể làm được cái việc không giữ trái tim bình thường, lúc nào cũng ở trạng thái đó, vậy mới thực sự ngộ đạo.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Vật đến thì đón, vật đi chẳng giữ, an nhiên với hiện tại, không bỏ chẳng cầu. Trí tuệ của Thiền tông không nằm ở việc niệm kinh lễ Phật, mà ở sự cảm ngộ từng phút từng giây trong công việc, cuộc sống thực tại.

THIÊN SƯ HÓA DIÊM

Mục đích của tham Thiền chính là khai ngộ, nhưng khai ngộ có gì tốt chứ? Phật giáo cho rằng, đối với một người khai ngộ, bất cứ việc gì cũng có thể buông, tai nạn lớn hơn cũng chẳng sợ, có thể tùy duyên mà chẳng thay đổi, không để bản tính lầm lạc, đồng thời đạt tới hạnh phúc, sung sướng bền lâu giữa hồng trần cuộn trôi.

Có một Học tăng tới pháp đường thỉnh thị thiền sư: “Thiền sư! Con thường gõ mõ, đọc kinh, ngủ, dậy sớm, trong lòng không có tạp niệm. Ở chỗ thầy chẳng người nào chăm chỉ bằng con, tại sao chẳng thể khai ngộ được chứ?”

Thiền sư cầm một chiếc hồ lô, một tảng muối cục đưa cho Học tăng, nói: “Con cầm lấy chiếc hồ lô này, đi múc đầy nước, rồi hòa tan tảng muối vào đó, như thế con có thể khai ngộ được đấy!”

Học tăng làm theo, sau một lát, chạy về nói: “Chiếc hồ lô nhỏ quá, muối nhiều quá. Con bỏ muối vào chẳng thể nào hòa tan được, con vẫn không thể khai ngộ.”

Thiền sư cầm chiếc hồ lô đổ ra ít nước, chỉ lắc vài cái, muối tan ra hết. Thiền sư hiền từ nói: “Chăm chỉ cả ngày, không để một chút lòng bình thường, giống như đựng

nước, lắc không được, đảo chẳng xong, hòa muối như thế làm sao khai ngộ được?”

Học tăng hỏi: “Chẳng lẽ chẳng cần chăm chỉ thì có thể khai ngộ được chăng?”

Thiền sư nói: “Dây căng quá sẽ đứt, dây chùng quá không phát ra được tiếng, tâm hòa trung dung mới là gốc của đạo.”

Học tăng cuối cùng hoặc nhiên đại ngộ: người lúc nào cũng muốn khai ngộ thật nhanh thì mãi mãi chẳng thể nào khai ngộ được.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mọi việc nơi thế gian đừng có cố chấp phải tiến bộ, học hành mà chẳng linh hoạt, không thể nào thu được kết quả. Giữ lại chút khoảng trống để cho mình xoay chuyển; dành một chút thời gian để cho mình suy xét, chẳng gấp chẳng chậm, không căng không chùng, đó chính là ngưỡng cửa nhập đạo.

TÂM TĨNH MỚI ĐẠI NGỘ

Một hôm, có vài đệ tử vì ý nghĩa của “Đại ngộ” mà tranh luận mặt đỏ tía tai.

Vì thế, mấy người họ cùng nhau tới chỗ của đại sư Trí Thiên, hỏi: “Trên thế gian này, cái gì là Đại ngộ chứ?”

Đại sư Trí Thiên nghe rồi cười nói: “Đại ngộ vốn ở chỗ tâm tĩnh...”

Bấy giờ, mấy đệ tử đó hơi có chút mê hoặc.

Trước giờ ăn trưa, đại sư Trí Thiên dẫn mấy đệ tử đó tới chỗ rừng lê sau núi. Lê trên cây đa phần đều chín, mọng đỏ toát ra mùi hương thơm hấp dẫn người ta.

Đại sư Trí Thiên dặn dò hai đệ tử, hái xuống một làn lê từ trên cây. Sau đó, ông cho các đệ tử thưởng thức ngay tại đó, nước lê ngọt lịm như mật ong vậy.

Sau khi ăn xong, đại sư Trí Thiên dẫn đệ tử tới trước một đầm nước nhỏ, ông cúi người múc lên gáo nước đầm để uống. Sau, ông để các đệ tử cũng thử chút.

Các đệ tử lần lượt làm theo thầy, sau khi uống vài ngụm nước đầm bèn tắc tắc miệng.

Đại sư Trí Thiên hỏi: “Nước đầm thế nào nhỉ?”

Các đệ tử lại liêm liêm môi, trả lời rằng: “Nước ở dưới đầm nhỏ ngọt hơn nước chúng ta đi gánh từ xa về rất nhiều. Từ nay trở đi, chúng ta có thể tới chiếc đầm nhỏ này gánh nước uống rồi!”

Bấy giờ, đại sư Trí Thiên bèn gọi một đệ tử xách một thùng nước đầm. Sau đó, họ trở về tự viện. Sau bữa ăn trưa, đại sư Trí Thiên cho các đệ tử thử lại nước xách về từ đầm sau núi.

Sau khi các đệ tử thử xong, mọi người hầu như đều nhổ ra hết, từng người một đều chau mày. Vì, nước đó rất chát, và có mùi ngái của cỏ.

Đại sư Trí Thiên giải thích: “Tại sao cùng một thứ nước trong chiếc đầm nhỏ lại có hai vị khác nhau chứ? Vì, trước khi các con thử nước lần đầu đều từng ăn lê, trong miệng còn dư vị của lê, bởi thế nó mới làm tan đi vị chát này.”

Các đệ tử đều gật đầu đồng ý.

Đại sư Trí Thiên nhìn các đệ tử trước mặt mình, nói sâu sắc rằng: “Trên thế gian này có những sự việc, dù rằng các con và ta đích thân kiểm nghiệm, cũng chưa chắc tiếp cận được với bản chất của chúng.”¹

1. Một trong bốn ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo Trung Quốc – núi Nga Mi

Núi Nga Mi là một trong bốn ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo Trung Quốc. Nó nằm ở vùng đất lòng chảo của Tứ Xuyên, kéo dài

TRÍ TUỆ THIÊN:

Có những sự việc nhất thời bị mê hoặc bởi hiện tượng giả phù hoa của nó, “Đại ngộ” chính là lý lẽ này - vứt bỏ những hư vinh và phồn hoa của nó với một trái tim bình tĩnh.

hàng mấy trăm dặm, thuộc khu vực tây nam thành phố Nga Mi Sơn, tỉnh Tứ Xuyên. Vì thế núi uốn khúc “như mây ngài, nhỏ và dài, đẹp và xinh” nên có tên gọi đó. Núi Nga Mi là một cụm núi, bình địa dâng trào trên bình nguyên, xanh thắm cao vời, đỉnh chính Vạn Phật cao 3099m so với mực nước biển. Núi Nga Mi kỳ vĩ hiểm trở, chùa miếu và khu phong cảnh chủ yếu có hơn mười công trình, gồm: chùa Báo Quốc, Vạn Niên, Phục Hổ, Thanh Âm Các, Hắc Long Giang trạm đạo, Hồng Xuân Bình, chùa Tiên Phong, ao Tẩy Tượng, Kim Đỉnh... Núi Nga Mi là đạo tràng của Phổ Hiền Bồ Tát, vì thế mà càng nổi tiếng hơn trong giới Phật giáo.

ĐẠO TÍN CHỐNG THÁNH CHỈ

Thời Đường, đại sư Đạo Tín tổ thứ 4 ở Hoàng Mai Nhất Trụ hơn 30 năm. Năm Trinh Quan, Đường Thái Tông ngưỡng mộ tiên phong đạo cốt của đại sư Đạo Tín, phái sứ thần tới mời, hy vọng đại sư Đạo Tín có thể vào Kinh gặp mình.

Sứ thần tới Hoàng Mai, nói với đại sư Đạo Tín về ý chỉ của vua Thái Tông. Sau khi đại sư Đạo Tín nghe xong, chỉ nói nhạt rằng: “Nhờ anh gửi lời cảm tạ của ta đến với nhà vua. Ta già rồi, đã sống quen với núi rừng, không còn muốn vào thành phố phồn hoa nữa.”

Sứ thần nói lại ý của đại sư Đạo Tín với Thái Tông. Thái Tông chẳng thối chí, lần sau lại phái sứ thần tới mời đại sư Đạo Tín. Đại sư Đạo Tín lại từ chối sứ thần nói: “Xin báo lại với hoàng thượng, ta tuổi già nhiều bệnh, không thể vào Kinh được.”

Đại sư Đạo Tín kiên quyết như thế, sứ thần cũng hết cách, chỉ biết lại về bẩm báo ý của đại sư Đạo Tín với Đường Thái Tông.

Đường Thái Tông thấy đại sư Đạo Tín từ chối hết lần này tới lần khác, trong lòng rất không vui, cảm thấy đại sư Đạo Tín đã làm tổn thương đến lòng tự tôn của mình.

Mặc dù vậy, Đường Thái Tông vẫn phái sứ thần dùng kiệu cung kính tới đón tiếp đại sư Đạo Tín vào Kinh. Nào ngờ lại bị đại sư Đạo Tín cự tuyệt.

“Một lần đã là quá, đâu có thể để như vậy mãi được”, cuối cùng Thái Tông nổi giận, lệnh cho sứ thần tới Hoàng Ma, dùng dao uy hiếp đại sư Đạo Tín: “Nếu không chịu ứng chiếu vào Kinh, sẽ đem đầu đi đấy!”

Bấy giờ đại sư Đạo Tín không những chẳng hề run sợ, ngược lại còn bình tĩnh đưa cổ vào đao, khiến cho sứ thần vô cùng kinh ngạc. Sứ thần cũng không dám lỡ mãng, bèn thu đao nhắc đại sư Đạo Tín lên, bày tỏ hối hận với đại sư. Sau khi về Kinh thuật lại tình hình với Đường Thái Tông.

Sau khi Đường Thái Tông nghe xong, vô cùng kính trọng chí hướng của đại sư Đạo Tín, đồng thời dâng lên lụa quý để làm thỏa chí hướng tu hành của đại sư nơi núi rừng.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mỗi cây mỗi hoa, mỗi người một chí hướng, tất cả đều không giống nhau. Có người nghiêng lòng về hướng vinh hoa phú quý, có người lại chỉ muốn tu hành nơi núi rừng. Chí hướng của họ làm sao có thể mong cầu miễn cưỡng chứ? Đặc biệt là những bậc thánh hiền có chí hướng lớn, dù rằng nhà vua cũng không thể làm lay chuyển được.

ĐÁ RỬA CHÂN CỦA THIỀN SƯ

Quốc sư Mộng Song ở chùa Thiên Long đảm nhận chức Đệ sư Thất triều, nhận được ân điển của triều đình lâu dài, càng được mọi người và các tín đồ Phật giáo yêu quý. Một hôm, trên đường vào kinh đi qua chùa Diệu Tâm, tiện thể vào thăm thiền sư Quan Sơn.

Thiền sư Quan Sơn nghe thấy quốc sư Mộng Song tới thăm, vội khoác chiếc áo cà sa cũ nát, vá chằng vá đụp chạy ra đón tiếp. Hai người gặp nhau hàn huyên hớn hở. Nhưng, trong ngôi chùa nghèo của Quan Sơn, thực chẳng có gì ngon để chiêu đãi quốc sư, bất đắc dĩ, thiền sư Quan Sơn lấy đồng tiền trong chiếc hộp đá, gọi thị giả đi mua ít bánh nướng gần đó để cúng dường quốc sư. Quốc sư vô cùng cảm kích tấm lòng của thiền sư Quan Sơn, cũng chẳng khách khí ăn hết chiếc bánh nướng rồi mới cáo từ.

Thông thường khi quốc sư Mộng Song vào hoàng cung, thường có rất nhiều tùy tùng đi theo, cảnh tượng vô cùng uy nghiêm. Một hôm, trong cung tuyên chiếu, khi Mộng Song ngồi kiệu đi ngang qua chùa Diệu Tâm, trông thấy thiền sư Quan Sơn đang quét sân một mình, ông không vứt hết lá rụng đi, mà gom lại làm củi đốt.

Sau khi Mộng Song thấy tình cảnh đó, không dùng được than thở với thị giả cạnh mình rằng: “Tông môn của ta bị Quan Sơn đoạt mất rồi.”

Thiền sư Quan Sơn mỗi lần tới gặp quốc sư Mộng Song, trước tiên phải rửa chân ở con suối nhỏ trước chùa để chân không bị lấm đất và làm dơ điện đường hoa lệ của chùa Thiên Long. Về sau, quốc sư Mộng Song dặn dò Học tăng ở chùa Thiên Long đem đến một viên đá to bằng phẳng, đặt ở nơi rửa chân bên con suối, để tiện cho thiền sư Quan Sơn rửa chân.

Rất lâu sau, thiền sư Quan Sơn mới biết viên đá đó là do quốc sư Mộng Song sai người đặt ở đó, mới không dùng được cảm thán rằng: “Quốc sư rốt cuộc vẫn là quốc sư. Cơ sở Tông môn của ngài còn bền và cứng hơn viên đá to này.”

Phật pháp coi trọng sự tôn nghiêm, Phật pháp tu từ trong cuộc sống, thiền sư Quan Sơn phụng hành tới cùng. Tự mình quét sân, đương nhiên là mệt nhọc, không bỏ đi lá rụng, cũng chính là biết tiếc phúc, quý của cải. Đối với con người thì thật lòng, tôn kính như vậy, thậm chí khi thăm hỏi cũng phải rửa chân xong mới được vào, hành vi của thiền sư Quan Sơn đáng được người đời cung kính.

Hiện giờ, trong chùa Đại Long trong núi Diệu Tâm vẫn còn giữ “Viên đá rửa chân của thiền sư Quan Sơn.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tu Thiền kỳ thực chính là học làm người, biết làm người, Thiền tính cũng từ đó mà nảy sinh ra.

BÀ KHÓC TRỞ THÀNH BÀ CƯỜI

Khi thiên sư vân du tứ phương, một lần ở nhờ nhà một bà lão tới vài ngày. Bà lão này cứ khóc tỉ tê, trong lòng thiên sư rất buồn phiền, bèn hỏi bà: “Tại sao bà khóc lóc suốt ngày thế? Có chuyện gì đau lòng sao, có thể để ta giảng giải cho bà được chứ?”

Bà già nói: “Tôi có hai người con gái, con lớn gả cho người bán giày, con nhỏ gả cho người bán dù. Khi trời nắng, tôi nghĩ tới đứa con nhỏ bán dù thì cảm thấy rất khổ sở; khi mưa tôi nghĩ đến giày của đứa con lớn chắc chắn bán được. Vì thế ngày nào tôi cũng khóc vì chúng.”

Thiên sư nói: “Thì ra là vậy, bà nghĩ thế không đúng rồi!”

Bà già nói: “Mẹ lo lắng cho con gái, có gì không đúng chứ? Tôi biết lo lắng chẳng có tác dụng gì, nhưng không kiềm chế được mình.”

Thiên sư dẫn dụ bà nói: “Lo lắng cho con vốn chẳng sai, nhưng tại sao không sung sướng vì con chứ? Bà đừng ngại khi trời nắng nghĩ tới việc buôn bán ở tiệm giày của người con cả nhất định rất tốt, trời mưa nghĩ tới dù của con

gái nhỏ chắc bán chạy. Hằng ngày bà phải vui vẻ vì chúng, chứ sao lại khổ sở vậy?”

Bà già nghe thiền sư nói liền tỉnh ngộ. Từ đó, bất kể trời mưa hay nắng bà đều cười tít mắt, từ một bà già khóc trở thành bà già cười.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Góc nhìn thay đổi, sự việc cũng hoàn toàn thay đổi. Cuộc đời con người chẳng phải cũng vậy sao? Tương phản với đau khổ là sung sướng, ngược lại với khóc là cười, con người có hai con mắt phải xét sự việc ở hai góc nhìn khác nhau.

1. Một trong bốn ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo Trung Quốc – núi Phổ Đà

Núi Phổ Đà là một trong bốn ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo Trung Quốc, nằm ở phía đông bắc tỉnh Triết Giang, là một hòn đảo nhỏ trong quần đảo Châu Sơn. Hòn đảo có hình thể dài, hẹp, chiều dài 8,6km, rộng 3.5km, diện tích 12,5m². Thế núi rất đẹp, núi Phật Đỉnh trên đỉnh cao nhất cao 29,03m so với mực nước biển. Trên núi Phổ Đà có ba ngôi chùa nổi tiếng nhất là Phổ Tế, Pháp Vũ và Huệ Tế, quy mô hoành tráng, sau khi trải qua nhiều đời tu sửa dần dần trở thành thánh địa Phật giáo của biết bao tăng ni Phật tử, mệnh danh là Nước Phật Biển Trời, thắng cảnh Nam Hải. Núi Phổ Đà là đạo tràng của Quan Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn đại từ đại bi.

LỤC THỨC XÓA LỤC TRẦN

Thiền sư Nguỡng Sơn có một lần thỉnh thị thiền sư Hồng Ân rằng: “Tại sao chúng ta không thể nhận thức được bản thân một cách nhanh chóng?”

Thiền sư Hồng Ân đáp: “Tôi ví thế này với thầy, giống như một ngôi nhà có sáu cái cửa sổ, trong nhà có một con khi đột, nhảy nhót không thôi, lại có 5 con khi đột khác từ khắp nơi đuổi theo con tinh tinh, tinh tinh phản ứng lại giống như sáu cái cửa, vừa hô vừa ứng. Sáu con khi đột, sáu con tinh tinh, thực chẳng dễ dàng nhận ra được đâu là mình.”

Sau khi thiền sư Nguỡng Sơn nghe xong, biết là thiền sư Hồng Ân nhắc đến lục thức trong chúng ta (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đuổi theo lục trần ở bên ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), làm inh ỏi, ỏm tỏi, đôi bên không ngừng tranh giành, giống như sao kim lấp ló trên không, như thế làm sao có thể nhận thức được đâu là chính mình chứ? Vì vậy bèn lễ tạ nói: “Hòa thượng Thích Mông lầy ví dụ để khai thị, chẳng có gì là không biết được cả, nhưng nếu khi đột nội tại ngủ, tinh tinh bên ngoài muốn gặp nó, thì thế nào?”

Thiền sư Hồng Ân bèn xuống giường, kéo thiền sư Nguỡng Sơn, nói gấp rằng: “Giống như trên cánh đồng,

muốn đề phòng chim sẻ ăn hạt lúa thì dựng một người rơm, cái gọi là “tường như người gõ trống hoa điều, làm sao tránh được vạ vật giả vật vờ?”¹

Cuối cùng Ngưỡng Sơn đã khế ngộ.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tại sao chúng ta không thể nhận thức được mình? Chủ yếu là vì chân tâm chúng ta lâu ngày bị phong tỏa bởi sự mê mải hồng trần. Giống như chiếc gương sáng bị bụi trần che lấp thì làm gì còn có thể chiếu sáng được.

1. Một trong bốn ngọn núi nổi tiếng trong Phật giáo Trung Quốc – núi Cửu Hoa.

Núi Cửu Hoa là một trong bốn ngọn núi Phật giáo nổi tiếng của Trung Quốc, nằm ở phía tây nam huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy, cách đường Cửu Hoa trung tâm huyện Thanh Dương 30km. Thời cổ gọi là núi Lăng Dương, thời Nam Bắc triều đổi tên thành núi Trách, trước đời Đường gọi là núi Cửu Từ. Vì, khi Lý Bạch du lãm Thu Phố nhìn từ xa thấy ngọn núi này đã viết nên câu thơ nổi tiếng “Diệu hữu phân nhị khí, Linh sơn khai Cửu Hoa” mà được đổi tên thành núi Cửu Hoa. Trong đó nổi tiếng nhất là 9 đỉnh núi: Thiên Đài, Thiên Trụ, Thập Vương, Liên Hoa, La Hán, Độc Tú, Phù Dung. Miếu hiện tồn ở núi Cửu Hoa có 78 ngôi, tượng Phật có hơn 6.000 pho, hơn 300 tầng ni, là ngọn núi Phật giáo nổi tiếng được gìn giữ khá tốt ở Trung Quốc. Chùa khá nổi tiếng còn có Chiền Đàn Lâm, chùa Hóa Thành, điện Nguyệt Thân Bảo, cung Bách Tuế, Thiên Đài Chính Đỉnh... Văn vật quý giá Phật giáo có hơn 1.300 thứ, như: kinh Bối điệp, kinh Huyết, Nhục thân Bồ Tát... Sau khi tăng Kim Kiền Giác nước Tân La (nay là Triều Tiên) qua đời được các tăng đồ coi là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát, coi Cửu Hoa là đạo tràng của Địa Tạng Vương.

TÂM TỨC LÀ PHẬT

Thiền sư Đại Mai học Thiền rất nhiều năm, mặc dù xưa nay học hành hết sức cố gắng, nhưng lại không thể nào ngộ đạo. Một hôm, thầy tới thỉnh giáo thiền sư Mã Tổ: “Phật là gì?” Thiền sư Mã Tổ trả lời: “Phật tức là tâm, tâm tức là Phật.” Thiền sư Đại Mai hoắc nhiên đại ngộ.

Sau khi khai ngộ, Đại Mai rời khỏi thiền sư Mã Tổ, xuống núi hoằng dương Phật pháp, khi thiền sư Mã Tổ nghe nói Đại Mai khai ngộ, không thể tin nổi, trong bụng nghĩ: “Trước kia thầy ấy học Phật pháp bao nhiêu năm, làm gì khai ngộ được nhanh thế? Ta phải cho người đi thử xem sao!” Vì thế bèn sai đệ tử của mình tới dò hỏi Đại Mai.

Người này gặp thiền sư Đại Mai bèn hỏi: “Su huynh! Sư phụ nói gì mà sư huynh đốn ngộ liền thế?”

Đại Mai trả lời: “Phật tức là tâm, tâm tức là Phật.”

Người này nói: “Nhưng giờ sư phụ đã chẳng nói Tức tâm, tức Phật nữa rồi!”

Đại Mai lấy làm lạ hỏi: “Ừa, vậy giờ thầy nói sao?”

Người đó nói: “Thầy bây giờ thường nói phi tâm, phi Phật”

Sau khi Đại Mai nghe xong cười nói: “Lão hòa thượng đó chẳng phải có lòng tìm người ta quấy rối sao? Tôi mới là người chẳng để tâm tới gì là phi tâm phi Phật của ông ấy! Ta vẫn kiên trì “tức tâm tức Phật” của ta!”

Đệ tử này trở về kể lại sự việc với thiền sư Mã Tổ, thiền sư cảm động nói: “Quả mai thực đã chín rồi!”, ý nói, thiền sư Đại Mai thực đã khai ngộ.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Con người ta phải có chủ kiến của mình, tin tưởng rằng mình đúng đắn, làm một người tự tin, tự chủ, tự tôn, đừng để người khác nói gì tin ấy, bị người khác xỏ mũi.

LINH QUANG ĐỐN NGỘ

Đệ tử hỏi thiền sư rằng: “Thầy ơi, làm thế nào có thể làm cho thân tâm thanh tịnh nhỉ?”

Thiền sư cười, nói: “Có người nghe thầy đoán số, nói rằng may của anh ta ánh sáng tràn trề, hôm đó có thể trở thành phú ông, vì thế anh ta liền tới Ngân lâu của người ta, thò tay lấy vàng bạc châu báu trong két, bị người bắt tống vào Nha môn, Thái gia huyện hỏi anh ta: “Tại sao anh dám trộm tài sản của người khác giữa ban ngày?” Người đó đáp: “Tôi chỉ trông thấy tiền, chẳng nhìn thấy người đâu cả!”

Thiền sư nói tiếp: “Người có lòng thiền, trong mắt chỉ nhìn thấy trần ai!”

Đệ tử lại hỏi: “Vậy làm sao mới có thể thành Phật được?”

Thiền sư nói nghiêm giọng: “Con ra ngoài vân du, rong ruổi giữa chùa và rừng rậm, nhưng đã từng tìm được chốn an thân cho mình chưa? Nếu chỉ biết lội suối vượt non, vậy chẳng qua là hồng giày công cốc, chờ lão Diêm Vương thu tiền giày dép của các con thôi!”

Đệ tử gặng hỏi: “Làm sao mới có thể thành Phật?”

Thiền sư vỗ tay cười lớn, nói: “Được! Người có ý chí kiên định, hãy ném chiếc giày hồng đi, chạy chân đất, chẳng hề bị bất cứ ràng buộc nào, cũng không có bất kỳ phiền não gì, chẳng phải lo lắng vì giày hồng mà mòn chân, cũng chẳng cần lo lắng vì tiền giày; người ý chí không kiên định, trong lòng nghĩ quá nhiều, ưu tư quá nhiều, chất chứa đầy bụng, trăm nhà nghìn hộ đều khóa cửa, còn an thân vào đâu, lập mạng gì chứ!”

Đệ tử nhìn giày cỏ của mình, ánh sáng đạo vàng vọt lên, đốn ngộ.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Ý chí kiên định quan trọng nhất, có nó, những ràng buộc bên ngoài chẳng để trong lòng, suy tưởng và tư lự không chiếm được lòng mình, tự nhiên sẽ tìm được chốn an thân lập mạng nơi chùa chiền.

CHỈ CÓ THOÁT RA NGOÀI VẬT

Một tối, trăng sáng trên trời, thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất cùng ba đệ tử ruột là Tây Đường Trí Tàng, Bách Trọng Hoài Hải và Nam Tuyền Phổ Nguyên cùng đi thưởng nguyệt.

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất hỏi: “Các con thấy tám gương này thế nào?”

Tây Đường Trí Tàng đáp: “Lúc này thích hợp cho việc dâng hương, giảng kinh, thuyết Pháp, cúng Phật.”

Bách Trọng Hoài Hải đáp: “Giờ này đúng là lúc tốt nhất để gõ mõ tham Thiền.”

Nam Tuyền Phổ Nguyên trầm ngâm chẳng đáp, phủi tay áo bỏ đi.

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất than rằng: “Kinh nhập tạng, Thiền về biển, chỉ có Nam Tuyền Phổ Nguyên vượt ra ngoài vật.”

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất mượn tâm cảnh lúc thưởng nguyệt giúp cho ba đệ tử lãnh ngộ được yếu chỉ của Thiền pháp. Tây Đường Trí Tàng bị mê hoặc bởi việc giảng giải kinh điển, Bách Trọng Hoài Hải chấp bởi việc tu hành đối với Thiền, chỉ có Nam Tuyền Phổ Nguyên không chấp,

chẳng mê mọi Pháp tướng, một mình vượt ra khỏi vật, đạt tới tinh thần vô ngại tuyệt đối. Sau, ba đệ tử lần lượt khai ngộ, trở thành những thiền sư nổi tiếng và phân hóa thành các tông phái, hoằng dương Thiền pháp của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Nguyên tắc hành sự đương nhiên không thể cố chấp vào một việc một vật, mới có thể bao trùm được trên mọi sự vật, người có được tâm cảnh đó tất có thể vượt ra ngoài sự việc, lấy thiên pháp để đối với một đề, vạn sự có thể tự ngộ đắc giải.

THIÊN VÔ SINH TỬ

Vương Điền giỏi về y thuật, nhưng trông thấy nhiều người bị bệnh mà chết đâm bị ám ảnh bởi cái chết. Một lần gặp một vị tăng tên là Vân Thủy, Vương Điền thỉnh thị hỏi: “Thiền là gì?” Tăng Vân Thủy trả lời: “Điều này ta cũng khó giải thích cho con được, nhưng một ngày hiểu Thiền thì chẳng còn lòng sợ chết nữa.”

Vi thế, Vương Điền tới thỉnh giáo thiền sư Nam Ân. Thiền sư Nam Ân lại nói: “Đã là bác sĩ, thì phải chăm sóc bệnh nhân tốt, đó chính là Thiền!” Bác sĩ Vương Điền bán tín bán nghi trước sau tới gặp thiền sư Nam Ân ba lần. Thiền sư Nam Ân vẫn nói câu đó với ông.

Lần thứ tư tới, Vương Điền oán trách rằng: “Thiền sư chỉ muốn con chăm sóc người bệnh, điếm này con rất hiểu. Nếu Thiền là thế, sau này con bắt tất lại tới thỉnh giáo thầy nữa.”

Thiền sư Nam Ân cười, sau muốn Vương Điền lĩnh hội lời của “Triệu Châu Vô”. Vương Điền khỏ sở lĩnh hội công án có chữ “Vô” này, rông rã hai năm, khi ông nói lại tâm cảnh của mình cho thiền sư Nam Ân, vẫn được trả lời rằng: “Còn chưa nhập cảnh giới Thiền”. Lại tham cứu một năm rưỡi, cuối cùng tự làm trong sáng lòng mình, nạn đê

dần dần tiêu tan. “Vô” đã trở thành chân lý. Ông giỏi chăm sóc người bệnh mà chẳng biết đó là giỏi chăm sóc; ông đã thoát khỏi nỗi băn khoăn về cái chết.

Cuối cùng, khi ông khẩu kiến thiền sư Nam Ân. Thiền sư chỉ cười nói một câu với ông: “Từ chỗ quên mình tới không có mình, đó chính là biểu hiện của tâm Thiền.”

Bác sĩ Vương điển thường tiếp xúc với bệnh nhân già sắp chết, vì thế, mắt thấy người khác qua đời, trong lòng nóng như lửa đốt, như vậy chẳng những làm tổn thương người khác, mà còn hù dọa cả bản thân mình bởi cái chết. Thiền sư Nam Ân muốn ông chăm sóc người bệnh tốt, thì phải tham Thiền, vì một người bỏ đi trách nhiệm, bỏ đi lòng yêu thương, làm sao nhập Thiền được chứ? Từ có lòng tới vô tâm, từ có mình tới không còn mình, từ sinh tới bất diệt, đó chính là cảnh Thiền vô tử vậy.¹

1. Tam bảo trong Phật giáo – Phật là Phật Tổ, Pháp là lời dạy của Phật, Tăng là người xuất gia hoằng dương Phật pháp, quy y dựa vào ba đối tượng lớn này có thể đạt được thân tâm bình an và giải thoát khỏi sinh tử trong vị lai là báu vật vô cùng quý giá trong đạo Phật, bởi vậy gọi là Tam bảo, vì thế tín ngưỡng Phật giáo cũng gọi là Quy y Tam bảo.

Phật Tổ tại thế, Phật giáo lấy Phật Tổ là trung tâm của quy y, sau khi Phật Tổ nhập diệt, Phật giáo bèn lấy tăng đoàn làm trung tâm quy y; quy y Tam bảo là phải học Pháp bảo, muốn học Pháp bảo phải có tăng bảo chỉ dẫn, bao gồm việc truyền thụ về tư tưởng và những ảnh hưởng về hành vi. Bởi vậy, Phật giáo sau khi Phật Tổ nhập diệt, đối tượng cúng dường Tam bảo chính là hơi nghiêng về tăng bảo.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trông thấy cảnh sinh tử mà làm tổn hại bản thân, đó là kẻ chẳng biết Thiên là thế nào, sợ chết mà bỏ đi chức phận thì sao gọi là Thiên? Đạt tới cảnh giới quên ta và chẳng có ta, mới có thể biểu hiện được tâm Thiên.

THIÊN HÓA ĐÁ CỨNG

Hàn Dụ là một người kiên quyết nhất trong nhóm chống lại Phật giáo xưa nay. Đường Hiến Tông sùng tín Phật pháp, nghênh tiếp Xá lợi Phật vào điện cúng dường. Một hôm, ánh sáng chiếu sáng ban đêm trong điện, quần thần đều chúc mừng nhà vua, chỉ có Hàn Dụ không chúc, và nói: “Ánh sáng đó là ánh sáng Thiên Long hộ vệ, chẳng phải ánh sáng của Phật.” Ông nhấc móc Phật là Di Địch, xúc phạm tới nhà vua, vì thế bị giáng chức làm Thích sử Triều Châu.

Thiền sư Đại Điền Triều Châu đạo hạnh siêu hạng, được mọi người sùng bái. Vì thế, Hàn Dụ tới gặp với tâm thái đùa giỡn vận mạng. Khi tới, thiền sư nhập thất tọa thiền, vì vậy, phải chờ đợi rất lâu, thị giả thấy Hàn Dụ không chịu đựng nổi, bèn giống khánh ba tiếng bên tai thiền sư, nói nhỏ với thiền sư rằng: “Hãy định động trước, sau mới trí bạt!”

Ý nói Thiền định của thiền sư đã lay động tâm ngạo mạn của Hàn Dụ, song giờ nên dùng trí tuệ mới có thể bứt trừ chấp chước của ông. Hàn Dụ nghe thấy lời của thị giả, liền ra lễ cáo từ.

Về sau, Hàn Dụ trong bụng vẫn bán tín bán nghi, lại tới chỗ thiền sư Đại Điền, hỏi: “Xin hỏi hòa thượng đã bao nhiêu xuân thu rồi?” Thiền sư tay lần tràng hạt đáp: “ Bao nhiêu?” Hàn Dụ không hiểu ý nói: “Không biết!”

Hàn Dụ vẫn không thể hiểu được hàm ý bên trong, ngày sau lại tới thỉnh giáo. Trong thấy một tiểu Sa Di bèn hỏi: “Hòa thượng đã bao nhiêu xuân thu rồi?” Tiểu Sa Di chẳng mở miệng đáp, lại chặc lưỡi ba cái, Hàn Dụ như lạc trong mù, lại nhập Kê gặp thiền sư Đại Điền, xin khai thị. Thiền sư vẫn chặc ba cái, Hàn Dụ mới như chợt tỉnh ngộ nói: “Thì ra Phật pháp không có hai, mà đều vậy cả.”

Hàn Dụ hỏi xuân thu bao nhiêu? Là đứng ở phương diện kinh nghiệm thường thức muốn tính toán về thời gian, thực tế, thời gian luân chuyển không ngừng, vô thủy vô chung, đó có thể nói bao nhiêu? Trong thời gian, không gian vô hạn, sinh mạng không ngừng luân hồi, chặc ba cái, nhằm biểu thị trong sinh mạng vô tận, không chỉ có năng lực khoa môi múa mép, ngoài ngôn ngữ, chữ viết, phải thể chứng Phật pháp bằng thực tế, nhận thức sinh mạng vô tận của bản thân, thấy được diện mục bản lai của mình, tìm kiếm tính vĩnh hằng trong thế giới Đại Thiên.

Người vốn coi thường Phật giáo là Hàn Dũ từ đó thay đổi thái độ của mình đối với Phật giáo, đồng thời quan hệ rất tốt với thiền sư Đại Điền, hai người thường đàm Thiền luận đạo với nhau. Khi sắp rời Triều Châu, ông từng viết tặng thiền sư câu thơ: “Lại bộ văn chương nhật nguyệt

quang, Bình sinh trung nghĩa chước nam hoang. Khẳng nhân nhất chuyên sơn tăng thoại, Hoán khước tùng lai thiết tâm tràng.” Đủ thấy thiền có sức cảm hóa sâu sắc, làm chuyển hóa thân thiết đức tính của con người.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền cũng có thể khiến cho đá phải gập đầu, biển sắt thép thành nước mềm, đó chính là sức mạnh của Thiền.

-
1. Nguyên tắc ẩm thực của tăng lữ Phật giáo – “Lý luận Thuận chính” nói, thân thể dựa vào ăn, sinh mạng nhờ vào ăn để tồn tại, ăn khiến cho thân tâm thấy sáng khoái. Những thức ăn chính có cơm, mạch, bánh, những đồ ăn phụ có thân cây, lá cây, hoa quả... Phật gia cho rằng, cháo có mười cái lợi về: sắc, lực, thọ, lạc, Từ thanh, Biện, dễ tiêu, trừ phong, tiêu cơ, tiêu khát. Trong quá trình ăn, cũng có quy tắc: giới hạn ba thìa một miếng, thìa thứ nhất mặc niệm: “Nguyện đoạn mọi cái ác”; thìa thứ hai: “Nguyện tu mọi điều thiện”; thìa thứ ba: “Tu thiện căn, hồi hướng chúng sinh, phổ cúng thành Phật”. Trong quá trình ăn còn cấm kỵ: Khi ăn cẩn thận, không được cười nói ồn ào và chụm đầu ghé tai nói những chuyện phiếm. Sau khi ăn phải súc miệng. Quá giờ ăn không được ăn nữa.

PHÁP LỰC VÔ BIÊN

Thiền sư Thọ Châu Đạo Thụ người Đường Châu, họ Văn Thị. Từ nhỏ tìm hiểu sách kinh, khi gần 50 tuổi gặp được cao tăng Dụ Dụ, sau đó bèn xuất gia, bái Minh Nguyệt Sơn Huệ Văn làm thầy.

Sau thiền sư Đạo Thụ xây một tự viện ở gần Miếu quan của các đạo sĩ.

Đạo sĩ chẳng buông tha ngôi chùa này, vì thế hằng ngày biến hóa những yêu ma quỷ quái tới làm loạn tăng chúng trong chùa, dọa đuổi họ đi. Hôm nay không hô mưa hoán vũ, thì ngày mai gió đập chớp dòn, thực tế đã có không ít hòa thượng trẻ tuổi bỏ đi. Nhưng, thiền sư Đạo Thụ lại cứ ở đây tới hơn 10 năm mà chẳng hề bị sấm đánh.

Cuối cùng, phép thuật biến hóa của đạo sĩ cũng dùng hết, nhưng thiền sư Đạo Thụ vẫn không đi, đạo sĩ hết cách, chỉ còn biết rời Đạo quan, chuyển tới một chỗ khác.

Về sau, có người hỏi thiền sư Đạo Thụ: “Các đạo sĩ pháp thuật cao cường, thầy làm sao thắng được họ vậy?”

Thiền sư Đạo Thụ đáp: “Ta chẳng có gì thắng được họ, chỉ có một chữ Không mà thắng được họ?”

“Không, làm gì thắng được họ chứ?”

Thiền sư Đạo Thụ đáp: “Họ có pháp thuật, Có là sự hữu hạn, có tận cùng, có số lượng, có biên giới; còn pháp thuật Không của ta, Không là vô hạn, không có tận cùng, chẳng có số lượng, chẳng có biên giới; quan hệ của Không và Có là lấy bất biến ứng vạn biến. “Bất biến” của ta đương nhiên sẽ thắng được “Vạn biến” rồi.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Biến cái phức tạp thành giản đơn, đạ**m** bạc thắng danh lợi thường có thể thấu triệt, lý giải được mọi ý nghĩa chân chính trong cuộc sống. Trong xã hội ham muốn vật chất tột độ hôm nay, biến điều phức tạp thành giản đơn mới có thể làm được việc “Nhập nhi năng xuất, Vãng nhi năng phản”, mới có thể sống một cách tự do, thoải mái, thanh thoi, phóng khoáng, tự tại.

NHU CHĂNG PHẢI HƯ VÔ

Có một bà già thường bực mình vì những chuyện nhỏ vặt vãnh. Một hôm bà đi tìm cao tăng để nói về đạo Thiền. Cao tăng sau khi nghe chuyện của bà, bèn dẫn bà tới phòng Thiền, lôi thôi một hồi rồi đi. Bà già tức giận chửi rủa âm ỉ, chửi hồi lâu, cao tăng cũng chẳng thềm đếm xia. Bà lại bắt đầu khấn cầu, cao tăng vẫn chẳng để ý gì.

Cuối cùng bà già trầm ngâm, cao tăng tới bên ngoài cửa hỏi: “Người còn giận nữa không?”

Bà nói: “Ta chỉ giận bản thân mình, ta làm sao lại đến cái nơi ma quỷ này để chịu tội nhỉ?”

“Đến cả bản thân cũng chẳng chịu tha thứ, làm sao có thể làm được nước ngừng trong tim?” Cao tăng phủ tay áo ra đi.

Được một lát, cao tăng lại hỏi: “Bà còn bực mình không?”

Bà nói: “Không bực mình.”

“Tại sao thế?”

“Có bực cũng chẳng ích gì!”

Cao tăng lại ra đi.

Khi cao tăng tới trước cửa lần thứ 3, bà già nói rằng: “Ta chẳng còn giận nữa rồi, vì chẳng đáng để giận.” Cao tăng cười nói: “Bà còn biết đáng hay không đáng, xem ra trong bụng vẫn còn rễ giận.”

Khi bóng của cao tăng đứng bên ngoài cửa, bà hỏi: “Đại sư, giận là gì nhỉ?” Cao tăng cầm ly trà trên tay đổ xuống đất, bà già trông thấy liền đôn ngộ, khấu tạ ra đi.

Sinh mạng giống như ly nước trà trên tay cao tăng, chớp mắt trộn lẫn vào bùn đất, thời gian ngắn ngủi như thế, trong cuộc sống có những chuyện vật vãn, cũng đâu có đáng bỏ ra thời gian để giận hờn? Những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống chẳng những chẳng thể tranh cao thấp, luận bàn việc mạnh yếu, nhưng tranh giành mãi cuối cùng khó phân thắng bại.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Chuyện thế gian cầu chẳng được, không cầu thì được, nên hãy đừng mong cầu. Chỉ không thôi không được, còn phải làm sạch tron cảnh giới không này, như chẳng phải hư vô, mà tất cả đều là không.

MẸ DẮT LA CHO CON

Tu Thiền ngoài tọa thiền còn phải khiêm tốn lắng nghe ngày trước những bậc tổ sư Thiền tông đã tham Thiền ngộ đạo ra sao, rồi họ dạy dỗ đệ tử của mình tu Thiền như thế nào, thái độ sống, cử chỉ lời nói, hành động cho đến phương thức suy xét đối với sự vật của những tổ sư đại đức...

Thiền sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm (mất năm 993) là một cao tăng thời Tống. Một hôm có vị tăng tu hành hỏi thiền sư Tĩnh Niệm: “Phật là gì?”

Thiền sư trả lời: “Con dâu mới cưới la, mẹ chồng dắt.”

Ý của thiền sư là, người con dâu mới về nhà chồng chưa lâu ngồi trên lưng la, mà bà mẹ chồng cầm dây của con la, dẫn đường về nhà.

Như thế, câu trả lời của thiền sư chẳng phải đã đi ngược lại cái “lý thông thường” sao? Trái với “Đạo hiếu” của Trung Quốc. Nếu giải thích rằng, cô con dâu quá mệt hoặc bụng mang bầu, mẹ chồng vì thương con dâu mà cho ngồi trên lưng la, như vậy chẳng phải hợp lý sao? Và kịch

bản này xem ra làm ấm áp và cảm động lòng người xiết bao!¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên là trái tim thoát khỏi những ràng buộc về nhân tình thế thái để đạt tới sự suy xét một cách tự do tự tại. Hiểu và giải quyết vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau, có lẽ sẽ thu được kết quả không thể ngờ.

-
1. Chùa Bạch Mã - Tự viện Phật giáo đệ nhất Trung Quốc – Chùa Bạch Mã ở Lạc Dương được bắt đầu xây dựng vào năm thứ 10 (năm 67 sau Công nguyên), niên hiệu Vĩnh Bình đời Đông Hán, nằm ở phía đông cách cố đô Lạc Dương 15km. Chùa Bạch Mã là tự viện được cấy trồng cây Bồ đề Phật môn sớm nhất, vì thế mà trở thành Tự viên Phật giáo đệ nhất của Trung Quốc. Các tông phái về Phật giáo ở Trung Quốc rất đa dạng, miếu chùa khắp nơi, nhưng, đệ tử Phật môn xưa nay vẫn công tôn chùa Bạch Mã là “Thích Nguyên”. Tương truyền, vua Hán Minh sai người đi Tây phương cầu Phật, kinh sách đem về được dùng ngựa trắng để thờ, vì thế là lấy tên là “Chùa Bạch Mã”. Trong “Lạc Dương Già Lam ký”, “Thủy kinh chú” đều có ghi chép, chùa Bạch Mã là công trình Phật viện đầu tiên được xây dựng ở Trung Quốc, đóng vai trò to lớn trong việc truyền bá văn hóa Phật giáo tại Trung Quốc.

THIÊN LÀ TỰ DO

Ngày nọ, trên núi bỗng đổ một trận mưa lớn, những hạt mưa to bằng hạt đỗ đánh một cách vô tình xuống mái ngói đã lâu chưa được tu sửa, không lâu Đại điện bắt đầu bị dột.

“Mau lấy đồ để hứng nước đi!”

Thiền sư Huệ Huyền la mắng âm lên. Nhưng, mưa dột tới mức này, chắc ngôi chùa nghèo đến độ đến thùng cũng chẳng có. Song, thực thứ gì cũng không có chẳng? Các đệ tử hì hục chuyển rương nghiêng tủ, vẫn chẳng tìm được thứ gì để hứng nước mưa. Trong lúc mọi người đang lục đục mãi, bỗng có một hòa thượng nhỏ lấy một ống tre chạy ra ngoài. Dùng sọt tre để hứng nước?

Hành vi kỳ cục thế kia chứ! Đương nhiên, không thể nào cứu vãn được tình hình.

Song, sau khi sự việc xảy ra, thế mà thiền sư Huệ Huyền vô cùng khen ngợi tiểu hòa thượng, rồi nghe nói những đệ tử vội vàng chuyển đồ cạnh đó bị trách mắng một chập.

Sở dĩ tiểu hòa thượng được khen là vì thầy ấy chẳng dựa vào bất cứ cơ sở lý luận nào để suy đoán mà nhanh

chóng chạy đi lấy sọt tre. Đối với tiểu hòa thượng mà nói, đầu óc thầy lúc ấy chẳng có tồn tại kiến thức thường thức là “sọt tre không thể nào hứng được nước” cả. So với việc nói là hành vi bất thường, chi bằng nói thầy ấy chưa hề bị nô lệ bởi những giới hạn của tri thức thuần túy. Chính vì vậy, cậu là người “tự do”. Thiền coi trọng nhất sự “tự do” này, và thường phải phá bỏ những ràng buộc bởi nhận thức phổ quát; song, nói “phá bỏ những ràng buộc bởi nhận thức phổ quát” cũng đừng bị ràng buộc bởi câu nói này.

Thiền là sự tự do triệt để, vốn không hề câu nệ bởi vấn đề hình thức của ngồi hay không ngồi. Có tinh thần phù hợp với tự do mới là quan trọng nhất.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Một mục câu nệ bởi hình thức tọa thiền, ngược lại làm mất đi tinh thần chân chính của Thiền. Tinh thần cơ bản của Thiền chính là sự tự do. Giả sử chỉ tọa thiền mà không thể đắc đạo thì chi bằng đừng tọa thiền.

KHÔNG THỂ ĐEM ĐI

Có một thiền sư tới nhà một người giàu, chủ nhà sau khi khoản đãi thịnh tình, muốn tặng một thứ quý giá cho thiền sư, vì thế bèn dẫn thiền sư tới trước rương cất giữ của quý.

Sau khi mở ra thì thấy bên trong có rất nhiều vàng bạc châu báu. Thiền sư hỏi: “Tất cả đều là của anh sao?”

Chủ nhà đắc ý nói: “Vâng!”

Thiền sư nói: “Ít quá.”

Chủ nhà rất ngạc nhiên hỏi: “Thiền sư, chẳng lẽ thầy cũng có?”

Thiền sư nói: “Của ta nhiều hơn của anh nhiều lắm, không thể tính được.”

Chủ nhà nói: “Ở đâu?”

Thiền sư lại nói: “Anh xem, anh có bao nhiêu vàng bạc châu báu mà chẳng dám đem, đeo sợ người trên đường chặt mất tay; cũng chẳng dám để ở nhà sợ người ta trộm mất. Để trong chiếc rương, một tuần tới xem một lần, sờ sờ, đó coi như là của mình, vậy quá giản đơn rồi. Ta tới các tiệm đồ quý, kêu họ lấy ra cho mình xem, sờ nắn, đều là của ta, vậy khác gì anh chứ?”

Thiền sư nói tiếp: “Con người ta thường bị hồ đồ bởi chỗ đó! Không biết dùng những tiền của này để làm việc tốt, không biết thế nào là công đức thực, có thể đem theo đi. Thế Tôn nói chúng sinh ngu si, điên đảo là vì vậy.” Chủ nhà sau khi nghe xong, trong lòng liền ngộ ra.

Tục ngữ nói: “Tiền của sống không thể đem, chết không thể lấy”. Thiền nói “Của không thể tích, mà phải tán, càng bỏ đi thì càng nhiều thêm, càng nhiều thêm lại càng phải bỏ đi, tuyệt đối không thể giữ, tích trữ lâu sẽ thành bệnh, thành ác.”¹

-
1. Chùa Hàn Sơn – Tự viện Phật giáo nên thơ nhất Trung Quốc Chùa Hàn Sơn bắt đầu xây dựng năm Lương Thiên Lam (502 – 519), thời Lục triều, ban đầu có tên là “Viện tháp Phổ Minh Diệu Lợi”. Tương truyền năm Trinh Quan (627 – 649) đời Đường, hai danh tăng núi Thiên Đài là Hàn Sơn, Xá Đắc tới chùa này, sau Xá Đắc qua Nhật Bản, Hàn Sơn ở lại chùa giữ chức chủ trì, đổi tên thành chùa Hàn Sơn. Chùa Hàn Sơn là một trong 10 ngôi chùa nổi tiếng của Trung Quốc, nằm ở trấn Phong Kiều, Cửa Xương, thành phố Tô Châu. Nhiều lần xây dựng và nhiều lần bị đổ, kiến trúc hiện tồn là được xây vào cuối thời Thanh, sau khi kiến quốc trải qua trùng tu toàn diện, tượng vàng, cây xanh, trang nghiêm thâm u. Nhà thơ Trương Kế đời Đường tới chùa này viết bài thơ “Phong kiều dạ bạc”: “Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên, Giang phong ngư hỏa đối sầu miên; Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự, Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền”. Từ đó bài thơ này trở thành tuyệt tác thiên cổ, cũng khiến cho tên của chùa Hàn Sơn nổi tiếng khắp nơi.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Học thiền muốn mở mang trí tuệ, giác ngộ, muốn hiểu chân tướng của sự thực nơi thế gian. Mọi thứ nơi thế gian đều là hư ảo, đúng như Phật nói: “Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân.”

VÔ TÂM TỰ NHIÊN

Trịnh Toàn hỏi thiền sư Thần Hội: “Đạo là gì?”

Thiền sư Thần Hội đáp: “Vô danh là đạo.”

Trịnh Toàn lại hỏi: “Đạo đã chẳng có tên, tại sao gọi là Đạo chứ?”

Thiền sư Thần Hội trả lời: “Đạo bản thân chẳng nói gì, gọi là Đạo chỉ vì muốn có câu trả lời.”

Trịnh Toàn hỏi tiếp: “Đạo đã là tên giả tự đặt, vậy không có tên có phải thực chẳng?”

Thiền sư Thần Hội đáp: “Cũng chẳng phải thực.”

Trịnh Toàn hỏi tiếp: “Đã không có tên, cũng chẳng phải thực, vậy tại sao nói không có tên là Đạo?”

Thiền sư Thần Hội lại cười: “Đó đều là vì câu trả lời mới giải thích bằng lời lẽ; nếu không hỏi, trước sau chẳng nói gì.”

Cuộc sống chính là Thiên, thiên là cuộc sống. Cảnh giới của Thiên là tự chủ, giải thoát, an tịnh. Thiên cũng đem đến cội nguồn hạnh phúc, có thể hiểu thấu đáo ý nghĩa chân thực của Thiên, học cách yên ổn tùy ngộ, thì có thể nắm được chủ đề nhân sinh. Trong xã hội phức tạp vật dục

lạm phát, có thể biến phức tạp thành giản đơn mới có thể làm được việc “nhập nhi năng xuất, vãng nhi năng phản”, mới có thể sống một cách tự do, sáng khoái, phóng khoáng, thanh thoi.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên không cho phép có lòng này khác, Thiên chân chính là hành động tự nhiên, vô tâm của bản thân. Tức không chấp lý, chẳng chấp vật, mới là sự thể nghiệm về Thiên một cách chân chính.

THIỀN NÓI VỀ TÂM TÍNH

Thiền tông lấy “Vô tướng” làm giáo lý căn bản. “Tướng” là hình dáng và dạng thái của sự vật, hiện tượng, cũng được coi là biểu tượng và khái niệm của quá trình nhận thức. Giáo lý Phật giáo cho rằng, bất cứ sự tồn tại nào, một khi được nắm bắt bởi hình thức nào đó, thì sẽ bóp méo nó. Tức bản chất của sự tồn tại “Chỉ có thể hiểu, không thể nói ra”, nên “mọi cái đều là không”.

Sơn Cương Thiết Chu tới thăm danh sư. Một hôm, ông gặp hòa thượng Độc Viên ở chùa Tướng Quốc.

Nhằm bày tỏ ngộ cảnh của mình, ông đặc ý nói với Độc Viên rằng: “Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba đều không. Chân tính của hiện tượng là không. Vô ngộ, vô mê, vô thánh, vô phàm, vô thi, vô thụ.”

Bấy giờ Độc Viên đang hút thuốc, chưa “mở máy”. Nhưng, bỗng ông cầm ống thuốc lên đánh Sơn Cương Thiết Chu, khiến cho thiền giả trẻ tuổi nay nổi giận đùng đùng.

Độc Viên hỏi: “Mọi cái đều là không, sao còn giận dữ thế?”

Thiền tông nói, đứng trên đỉnh núi cao, đi dưới biển nước sâu. Nói vậy, khiêm tôn chính là một yếu tố cơ bản để

giải quyết vấn đề. Nếu không thể nhận thức được mình một cách trần trụi, vì muốn tỏ ra thì chẳng thể tiếp nhận được trí tuệ. Bởi vậy, muốn trở thành người có trí tuệ chân chính, nhất định phải khiêm tốn.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm thái quyết định mọi thứ, nói tâm tính là vì muốn giải quyết vấn đề. Nếu giải quyết tốt vấn đề về tâm, vấn đề được sản sinh từ chỗ tâm mình mê hoặc này sẽ chẳng còn khiến cho nhân loại mãi mãi đau khổ và phiền muộn nữa.

ĐỀU CÓ SINH TỬ

Có vị tiểu hòa thượng rất thông minh. Thầy của cậu có một ly trà vô cùng quý giá, là một bảo bối hiếm có trên thế gian này.

Trong lúc vô ý tiểu hòa thượng làm vỡ nó, trong lòng cảm thấy vô cùng nao núng. Nhưng, bấy giờ, cậu nghe thấy tiếng bước chân của thầy, liền vội vàng giấu chiếc ly vỡ sau lưng. Khi thầy đi qua trước mặt, cậu bỗng mở miệng hỏi: “Con người ta tại sao nhất định phải chết vậy?”

Thầy cậu đáp: “Đó là chuyện tự nhiên, vạn vật trên thế gian đều có sinh tử.”

Bấy giờ, tiểu hòa thượng cầm chiếc ly vỡ nói tiếp: “Ly của thầy tới lúc tử rồi!”

Thần Gia có câu Kệ nổi tiếng rằng:

Xuân hữu bách hoa hạ hữu phong, Thu hữu minh nguyệt đông hữu tuyết.

Nhược vô hàn sự quái tâm đầu, Nhật nhật đô thị hảo thời tiết.

Nếu trong cuộc sống của chúng ta, chẳng còn để ý tới sự hy sinh của ngoại vật, chẳng còn vì sự so sánh với tha nhân, mà hủy hoại tâm tình khoái lạc quý báu của mình,

không còn vui buồn vô thường bởi hình thức phong phú muôn màu trong sự bi hoan ly hợp trong cuộc sống... Vậy, cuộc sống của chúng ta còn lý do gì để không hạnh phúc, không sung sướng chứ?¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên theo đuổi “bản chất tự nhiên, không cần trang sức”, coi cuộc sống là một trạng thái vận động tự nhiên. Cảm thụ thế giới, cảm thụ cuộc sống ban tặng mọi thứ bằng một trái tim ban sơ.

-
1. Chùa Huyền Không – Ngôi chùa vô cùng hiểm trở của Trung Quốc
Chùa Huyền Không nằm ở dưới chân núi Hằng Sơn, nằm trên vách tây trong hang Kim Long giữa hai đỉnh Thiên Phong và Thụy Bình của đỉnh núi chính Hằng Sơn cách phía nam huyện thành Hồn Nguyên 5km. Theo “Hằng Sơn chí” ghi chép, chùa Huyền Không bắt đầu xây dựng vào hậu kỳ Bắc Ngụy (khoảng từ 471 – 523), đã có lịch sử hơn 1.400 năm. Chùa có hơn 40 gian Điện, Vũ, Lầu, Các, trên vách đục động huyệt, găm bởi các xà cheo leo làm nền, giữa lầu các có đường xuyên ăn thông. Lên lầu ngược nhìn như kê vực sâu; cúi xuống đáy xem, Huyền Không tựa như cầu vồng; trông qua hang cốc, như phượng nhào giữa vách. Trong chùa đục vách làm nền, có hai tòa điện ba tầng mái trên đỉnh núi, hai đầu nam bắc cao sừng sững. Bên trên lại dựng lên hai tầng lầu các hiên chắc nịch, cao thấp so le, vô cùng tinh tế. Từ xưa tới nay, chùa Huyền Không được coi là một kỳ quan của núi Hằng, không hổ thẹn khi trở thành ngôi chùa nổi tiếng của Trung Quốc.

MỌI SỰ ĐỀU TÙY

Một người giàu có mời thiền sư Thiên Nhai viết lời chúc hưng vượng bền lâu cho gia tộc mình, để tiện làm báu vật gia truyền, đời đời lưu giữ.

Thiền sư Thiên Nhai giở ra một tờ giấy rộng, viết: “Phụ tử, Tử tử, Tôn tử.”

Người giàu đó thấy bỗng nổi giận, nói: “Ta mời thầy viết câu chúc gia thế nhà ta đời đời hạnh phúc! Tại sao thầy đùa giỡn thế?”

“Chẳng hề đùa giỡn.” Thiền sư Thiên Nhai giải thích, “Nếu con của anh chết trước mặt anh, anh sẽ vô cùng đau đớn. Nếu cháu của anh chết trước mặt anh, vậy anh và con anh đều đau khổ muốn chết. Nếu người nhà anh đời đời đều chết theo thứ tự của ta viết, vậy gọi là được hưởng trọn tuổi trời. Ta cho rằng đó chính là sự hưng vượng thực sự.”

Thiền tông cho rằng, bất kể có thể cảm nhận được hay không, sự tồn tại của loài người không thể xa rời tự nhiên. Một người càng cảm nhận được cái tôi, muốn bản thân đạt tới một sự hoàn mỹ không thể, thì càng xa rời trung tâm của sự tồn tại một cách kịch liệt.

Bởi thế, làm việc, mọi cái đều có nhân quả, mọi thứ đều là tự nhiên. Mọi sự đều tùy, hà tất phải khổ sở mưu cầu sự hoàn mỹ hư vô thế?

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên đòi hỏi phải thanh tâm quả dục, tu thân dưỡng tính, mọi thứ thuận theo tự nhiên, bất tất câu nệ vào bất cứ hình thức nào. Chỉ cần tâm có lòng thiện, lời nói, việc làm thuận theo tâm mình, vậy, việc xuất gia, thụ giới, cấm dục, kính Phật... đều chẳng cần thiết nữa.

HỘI TÂM ĐỒN NGỘ

Thiền nói, mâu thuẫn giữa chủ quan và khách quan là cội nguồn của khó khăn, khổ não. Hoàn cảnh khách quan bên ngoài là mãi mãi bất biến, khó khăn thực sự là thế giới “chủ quan” của bản thân. Muốn diệt trừ nó, phải bỏ đi vầng vương, yên ổn thân tâm.

Có vị hòa thượng hỏi thiền sư Dược Sơn rằng: “Làm thế nào mới có thể không bị mê hoặc bởi các điều kiện bên ngoài?”

Thiền sư Dược Sơn nói: “Hoàn cảnh bên ngoài có liên quan gì đến thầy chứ? Nó làm sao có thể làm khó thầy được?”

Vị hoà thượng này nói: “Đó thực là điều tôi không thể hiểu nổi!”

Thiền sư Dược Sơn nói: “Thực ra là thầy đang mê hoặc mình đó!”

Điều Thiền cần phải có là ngộ tính và sự thể nghiệm của con người, là chỗ huyền diệu nội tại của con người, là tư duy con người được triển khai ở một tầng khác cao hơn. Dù cho chẳng tin Phật, cũng có thể tham thiền trong cuộc sống, ngộ ra nụ cười của sinh mạng, đốn ngộ, hiểu được

lòng mình. Kỳ thực, Thiền chẳng phải thứ gì quá huyền hoặc, thần bí, trong cuộc sống đâu đâu cũng có Thiền ý, hãy dựa vào bản thân để cảm nhận, hiểu và nắm bắt.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Đúng như: Nhàn lai vô sự bất tùng dung, Thụy giác đông song nhật dĩ hồng. Vạn vật tịnh quan giai tự đắc, Tứ thời giai hưng dữ nhân đồng. Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại, Tự nhập phong vân biến thái trung. Phú quý bất dâm bản tiện lạc, Nam nhi đáo thử thị hào hùng.

TỪ BI CHẴNG DỄ

Sắp hết năm, thiền sư Phật Quang đang đi vân du hành hương, đêm trừ tịch cuối cùng vội trở về đạo tràng Bắc Hải của đệ tử Bình Toại ăn tết. Thiền sư đẩy mình phong trần về tới trước chùa, chỉ thấy trong chùa một màu tối thui, giờ tay gõ cửa chẳng có tiếng trả lời, trong bụng nghĩ chắc Bình Toại ra ngoài chưa về, bất đắc dĩ ngồi khoanh chân tọa thiền trước chùa đợi. Một lát, thị giả đi cùng không chịu được nữa bèn vào chùa tìm khắp chốn, cuối cùng phát hiện thấy cánh cửa trong không khóa. Thị giả tay ngán, khỏe leo tường vào, và mở cửa mời thiền sư vào. Thiền sư Phật Quang sau khi vào, quay mình nói với thị giả: “Khóa ngược hết các cửa trở lại đi.”

Khoảng chừng thắp hết hai cây nhang, Bình Toại cuối cùng về tới chùa, lấy chìa khóa từ trong bụng mở cửa nhưng chẳng thể mở được, Bình Toại bực mình tự nói: “Kỳ lạ thật, chiếc chìa khóa này rõ ràng chẳng nhầm, làm sao lại chẳng mở được? Trừ phi là chiếc cửa này lâu quá rồi không sử dụng được nữa, bởi thế bị rỉ sét mà mở không được.” Bình Toại nhẫn nại mở thêm lần nữa, chiếc cửa đó vẫn ngoan cố đóng im ỉm, bất đắc dĩ chỉ còn biết vén quần lên phá một chiếc cửa nhỏ bên nhà xí để vào. Đâu biết đâu

vừa mới thò vào bên trong, bỗng trong bóng tối phát ra một âm thanh vừa trầm, vừa đục, hỏi: “Người là ai? Leo cửa vào làm gì?” Bình Toại thất kinh, ngã xuống, hay là mình vào lầm nhà?

Thiền sư Phật Quang dọa đệ tử kinh hồn bạt vía, ra lệnh thị giả nhanh chóng mở cửa, đón Bình Toại vào. Bình Toại vừa nhìn thì ra là thầy đã về, vội ra lễ: “Thầy! Vừa rồi đệ tử sợ hết hồn, âm thanh nhẹ vừa rồi của thầy giống như tiếng sư tử, khiến đệ tử thực chẳng biết ai là chủ? Ai là khách nữa.”¹

-
1. Chùa Thiếu Lâm – Ngôi chùa Phật giáo võ học đệ nhất Trung Quốc – Chùa Thiếu Lâm được sáng lập vào năm thứ 19 Thái Hòa (459) thời Bắc Ngụy. Vì, chùa nằm ở khu vực rừng rậm núi Thiết Thất, nên gọi là “Thiếu Lâm”. Chùa Thiếu Lâm là nơi phát tích Phật giáo Thiền tông của Trung Quốc, nên cũng gọi là “Thiền tự Thiếu Lâm” và “Đại Thiếu Lâm”. Từ năm Chính Quang tới Hiếu Xương thời Bắc Ngụy, tăng nhân Ấn Độ Bồ Đề Đạt Ma tới Trung Quốc, tu thiền ở núi Sùng, chùa Thiếu Lâm. Ông thu nạp đệ tử, truyền thụ Thiền tông, theo truyền thuyết Đạt Ma từng ở Trung Sơn Diện Bích 7 năm, vì thế mà lưu giữ lại hình ảnh trên đá. Trong chùa có 204 hình võ tăng đi quyền, tọa thiền, niệm kinh, luyện công, tiểu hồng quyền, Đại hồng quyền, Lục hợp quyền, Thông tí quyền, La Hán quyền, Triều dương quyền, hình tướng sống động như thực, đặc biệt là 13 côn tăng cứu vua Đường, hòa thượng Tiểu Sơn đời Minh làm thống soái bình định giặc Oải (Nhật), là một trong những lý do quan trọng khiến chùa Thiếu Lâm trở thành một ngôi chùa bậc nhất về võ học.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Từ bi thực chẳng dễ làm, kỳ thực giả sử hoán đổi ta và người thì dễ làm từ bi rồi. Theo quan niệm của Thiên, ngộ đạo, từ chỗ không phân biệt mà quên mất mình, đó có thể vượt qua biển khổ sinh tử.

NGÔN NGỮ NGÓN TAY

Sa Di Nam Lợi hằng ngày thấy các sư huynh sớm tối tới thiền đường tham thiền, trong lòng rất muốn, bèn lấy dũng khí tới xin thiền sư Mặc Lôì cho phép cậu cũng có thể vào thiền đường tham thiền. Thiền sư Mặc Lôì nói: “Học Thiền phải dụng tâm, tuyệt đối không thể vui đùa, chọc giỡn, với tuổi tác còn nhỏ như con thực chưa thích hợp, chờ lớn ít nữa hãy tính!”

Sa Di Nam Lợi không chịu dừng lại, vẫn khẩn cầu nói: “Thiền sư! Con nhất định có thủy có chung, xin hãy cho con cơ hội.”

Thiền sư Mặc Lôì bất đắc dĩ chỉ còn biết đồng ý nói: “Được! Chú ý nghe, con có thể nghe thấy tiếng vỗ của hai tay, bây giờ con vào thiền đường, hãy dùng âm thanh của một tay cho thầy.”

Sa Di Nam Lợi sau khi cúc cung rồi vào Pháp đường, dụng tâm để suy xét vấn đề đó. Cậu nghe thấy tiếng đàn không biết từ nơi nào vọng đến từ cửa sổ, bèn vui mừng nói: “Ta biết rồi!” Vì thế liền tới trước thiền sư tấu lại tiếng mà mình nghe được cho thiền sư nghe.

Thiền sư Mặc Lôì nói: “Chẳng phải! Chẳng phải! Đó chẳng phải là ngôn ngữ của bàn tay.”

Nam Lợi nghĩ bụng: vậy âm nhạc đó có lẽ sẽ phải đánh chen vào, vì thế bèn chuyên tới một nơi khá xa, suy xét “ngôn ngữ của bàn tay” là thế nào, bỗng nghe thấy tiếng nước rơi, liền chạy tới trước thiền sư, mô phỏng lại tiếng nước rơi.

Sau khi thiền sư Mặc Lôì nghe rồi nói: “Đó là tiếng nước rơi, không phải là tiếng của bàn tay. Làm tiếp đi!”

Sa Di Nam Lợi chỉ còn biết gõ mõ, lắng nghe tiếng của bàn tay, chẳng hề được gì. Hằng ngày cậu nghe tiếng gió, tiếng ve, tiếng côn trùng, tiếng cú mèo kêu. Ba năm nay, chạy đi chạy lại chỗ thiền sư Mặc Lôì hàng mấy chục lần, đều bị từ chối, rốt cuộc ngôn ngữ của bàn tay là gì nhỉ? Cậu để ý tâm Thiền, cuối cùng rơi vào thiền định thực sự mà vượt qua được mọi thanh âm.

Cuối cùng Sa di Nam Lợi nói: “Thì ra âm thanh trên thế gian đều vô thường, chỉ có ngôn ngữ của bàn tay, thứ âm thanh không tiếng mới là “Ngôn ngữ của bàn tay”.

“Các ngón tay đan vào nhau sẽ có âm thanh, một bàn tay sẽ có âm thanh gì?” Đó là công án nổi tiếng của thiền sư Bạch Ẩn sáng lập thời kỳ đầu, cũng có thể nói, hai ngón tay khi gõ vào nhau sẽ phát ra âm thanh, nhưng đối với Thiền giả mà nói, làm thế nào nghe được âm thanh phát ra từ bàn tay không có sự cọ sát?

Dụng ý của thiền sư Bạch Ẩn nằm ở chỗ thâm thúy công án vô nghĩa này khiến cho con người ta đi thẳng vào thế giới không thể nào phân biệt. Thiền sư Bạch Ẩn từng

đưa công án “Triệu Châu vô tự” của thiền sư Pháp Diễn vị tổ thứ 5 và thiền sư Đại Huệ cho người mới học tu hành. Nhưng, “vô tự” khá khó dẫn tới chỗ nghi ngờ, vì vậy mới đề xuất công án “bàn tay”, để người tu hành quyết tâm tham cứu, kết quả khá dễ đưa người tu hành tới được cảnh giới ngộ. Thiền sư Mặc Lô sau khi dạy học Sa Di Nam Lợi cách thức ngộ đạo, cuối cùng có tác dụng thực sự.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Sự tồn tại của một bàn tay là tự nhiên, dù rằng thế giới hoàn toàn tĩnh lặng, người có tâm Thiền cũng có thể nghe được âm thanh tĩnh lặng, đó chính là “ngôn ngữ của bàn tay”. Trong thế giới ồn ào, chúng ta không thể nghe được gì chứ?

-
1. Chùa Linh An – Ngôi chùa thần kỳ nhất Trung Quốc – Bắt đầu xây dựng vào thời Đông Tấn (326), tới nay đã hơn 1.600 năm, là một trong 10 ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc, nằm ở phía tây của Tây Hồ, giữa đỉnh Bắc Cao và Phi Lai. Công trình kiến trúc chủ yếu trong chùa Linh An có điện Thiên Vương và Đại Hùng Bảo điện. Tượng Phật Di Đà ở chỗ vào Điện Thiên Vương đã có trên 200 năm, tượng Thiên thần Hộ Pháp Húy Đà là tác phẩm được tạo tác bởi nguyên cả cây gỗ Hương Chương thời Nam Tống. Tượng Ni Tượng Tọa tinh tế mà trang nghiêm. Hai bên điện chia ra làm tượng “Nhị thập chư thiên” và “Thập nhị Viên Giác”, dáng vẽ khác biệt, sinh động như thực. Hai bên sau điện có quần thể tạo tác hải đảo lập thể, tổng cộng có hơn 150 pho phù điêu. Sự xuất hiện của hòa thượng Tế Công có những nghiệm chứng rằng chùa Linh An quả thực là có “Tiên Linh sở ẩn”.

TY CHUNG SÂM ĐIỀN

Chung (chuông) là hiệu lệnh trong tự viện, chùa chiền Phật giáo. Tiếng chuông sớm mai là trước gấp sau chậm, nhằm đánh thức mọi người, sau đêm dài đã qua và đừng tiếp tục ngủ say nữa. Còn tiếng chuông buổi tối là trước chậm, sau gấp nhằm nhắc nhở mọi người buông tay, nghỉ ngơi! Vì thế, một ngày làm việc nghỉ ngơi ở chùa chiền được bắt đầu bằng tiếng chuông, kết thúc bởi tiếng chuông.

Một hôm, thiền sư Dịch Thượng tỉnh lại sau khi nhập định đúng lúc từng hồi chuông gióng lên, thiền sư rất chú ý lắng tai nghe, chờ tiếng chuông vừa ngừng, không nhin được gọi thị giả, hỏi: “Người của Ty chung sáng sớm là ai thế?”

Thị giả đáp: “Là một Sa di mới tới học tập.”

Vì thế, thiền sư Dịch Thượng muốn thị giả gọi Sa Di đó tới, hỏi: “Con sáng nay khởi chung trong tâm trạng thế nào vậy?”

Sa Di chẳng biết tại sao thiền sư hỏi mình như vậy, bèn trả lời: “Chẳng có gì đặc biệt cả! Chỉ vì phải đánh chuông vậy thôi.”

Thiền sư Dịch Thượng nói: “Không nhất định chứ? Khi con đánh chuông, trong lòng nhất định nghĩ gì rồi? Vì, thầy nghe tiếng chuông hôm này âm thanh vô cùng sáng sủa, cao quý, đó phải là người chính tâm thành ý mới biết phát ra tiếng như vậy.”

Sa Di nghĩ đi nghĩ lại, sau cùng nói: “Bẩm thầy! Kỳ thực cũng chẳng có ý gì, chỉ là khi con chưa xuất gia tham học, gia sư thường cảnh giới con, khi đánh chuông phải nghĩ chuông tức là Phật, phải thành kính, trai giới, kính chuông như Phật, khởi chung với tâm thiền như nhập định và tắt lòng lễ bái.”

Thiền sư Dịch Thượng nghe rồi vô cùng hài lòng, nhắc nhở mãi: “Về sau xử lý sự việc, đừng có quên rằng đều phải giữ tâm lòng Thiền như khi khởi chung sáng nay nhé.”

Vị Sa Di này từ nhỏ đã rèn luyện thành thói quen cung kính, cẩn trọng, không chỉ khởi chung, làm bất cứ việc gì, nghĩ bất cứ điều gì, đều nhớ sự khai thị của thầy Tích Độ và thiền sư Dịch Thượng, duy trì tâm Thiền ty chung và thầy chính là thiền sư Sâm Điền Ngô Do về sau.¹

1. Tín ngưỡng Phật giáo phải ăn chay sao? Mặc dù ăn chay là việc Phật giáo cổ súy, nhưng không hề yêu cầu mọi tín đồ không thể không ăn chay. Ăn chay là nét đặc sắc trong Phật giáo Đại thừa, là nguyên cớ từ bi mọi chúng sinh hữu tình, bởi vậy, các nước Phật giáo ở khu vực Đông Nam Á và những Tì Kheo xuất gia đều không kiêng việc ăn chay; Lạt Ma Tây Tạng không nhất thiết phải

TRÍ TUỆ THIÊN:

Một ngày làm hòa thượng, một ngày gõ chuông, làm một hòa thượng tốt thì phải khởi chung nghiêm túc. Điều đơn giản thường hàm chứa những đạo lý lớn sâu sắc.

ăn chay, nhưng không tự mình sát sinh. Vì, điều thứ nhất trong ngũ giới chính là “Không sát sinh”, sau khi tin Phật, nếu có thể thực hành việc ăn chay, thế thì tốt nhất, nếu vì gia đình và những khó khăn về xã giao, không ăn chay cũng chẳng sao, nhưng không được tự mình giết chóc, cũng không thể chỉ huy người khác giết chóc. Mua cá đã giết về nhà vậy chẳng sao.

TÂM NHƯ ĐÀI GƯƠNG SÁNG

Thiền sư Hoằng Nhẫn tổ thứ 5 của Thiền tông tuyên bố phải truyền y bát, tuyển chọn người kế vị, gọi mọi người bày tỏ tâm đắc.

Bấy giờ, một thầy tên là Thần Tú ở chỗ Thượng tọa đầu tiên viết một bài Kệ lên tường: “Thân thị bồ đề thụ, tâm như minh kính đài. Thời thời cần phát thức, Mặc sử nhạ trần ai.” Một người sàng gạo dưới xưởng sau khi thấy lời lẽ trong bài kệ của Thần Tú, cũng viết một bài Kệ: “Bồ đề bản vô thụ, Minh kính dịch phi đài. Bản lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai!” Về sau người làm công này kế thừa y bát. Ông chính là Huệ Năng, vị tổ thứ 6 của Thiền tông.

Thiền sư Huệ Năng nói: Bồ đề vốn chẳng có cây, Gương sáng cũng không hề có đài. Bản lai chính là một vật hư vô, đâu có bị nhiễm bụi trần ai?

Đương nhiên, cảnh giới của thiền sư Huệ Năng không phải người thường có thể đạt được, mà câu kệ “Thân thị bồ đề thụ, tâm như minh kính đài. Thời thời cần phát thức, Mặc sử nhạ trần ai” của Thần Tú nói là: bản thể của chúng sinh chính là một cây trí tuệ được giác ngộ, tâm hồn chúng sinh giống như một đài gương sáng trong. Phải không

ngừng lau chùi nó, không để cho bụi bám dơ dáy che khuất ánh sáng của nó.

Có lẽ vì ý này thích hợp với người phạm chúng ta. Chúng ta sống trong xã hội hiện đại phồn tạp, danh đến lợi đi, bài Kệ này thực là một liều thuốc hay để chúng ta chiến thắng phiền não của bản thân, giải trừ đau khổ trong lòng, đạt được sự giải thoát. “Thời thời cần phát thức, Mạc sử nhạ trần ai” là một thái độ nhân sinh tích cực, là một cách siêu thoát bỗng ngẩng cao đầu thở vài hơi trong bùn đất hiện thực, là một sự chọn lọc sau khi đã nắm chắc được bản chất của mình trong thế giới.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Chỉ có “Thời thời cần phát thức, Mạc sử nhạ trần ai”, chúng ta mới có thể có được một trái tim bình thường, gặp việc gì cũng nghĩ thông, nhìn thấu, cầm được lên, buông được xuống, xử thế rõ ràng, làm người rộng rãi, mặc dù yêu nhục mà chẳng ngại, ô danh không hề chấp.

MƯỜI ĐIỀU HỐI HẬN

Có một Học tăng hỏi thiền sư Vân Cư rằng: “Mỗi việc đệ tử làm, sau khi làm xong thường không tránh khỏi hối hận, xin hỏi thầy, tại sao con có nhiều điều ăn năn như thế?”

Thiền sư Vân Cư đáp: “Con hãy nghe mười điều sám hối của ta đã:

Thứ nhất: hối hận vì gặp thầy mà chẳng học

Thứ hai: hối hận vì gặp người hiền mà chẳng kết giao

Thứ ba: hối hận vì không hiếu với cha mẹ

Thứ tư: hối hận vì bất trung với chủ

Thứ năm: hối hận vì thấy việc nghĩa mà chẳng làm

Thứ sáu: hối hận vì thấy nguy không cứu

Thứ bảy: hối hận vì có tiền không bố thí

Thứ tám: hối hận vì không yêu nước,

Thứ chín: hối hận vì không tin nhân quả

Thứ mười: hối hận vì không tu đạo

Mười loại hối hận này, con thuộc loại nào?”

Học tăng gãi gãi đầu, bất đắc dĩ nói: “Thầy! Xem ra những hối hận này đều là bệnh của con cả!”

Thiền sư Vân Cư nói: “Con đã biết là bệnh, thì phải chữa trị nhanh lên chứ!”

Học tăng hỏi: “Con vì không biết cách chữa, nên khẩn cầu thầy từ bi khai thị!”

Thiền sư Vân Cư khai thị rằng: “Con chỉ cần đổi tất cả chữ Không trong mười điều hối hận này thành Phải thì được rồi, chẳng hạn: “Gặp thầy phải học, gặp người hiền phải kết giao, đối với cha mẹ phải hiếu, đối với chủ phải trung, gặp việc nghĩa phải làm, thấy nguy phải cứu, có tiền tài phải bố thí, yêu nước phải kiên trinh, nhân quả phải tin, đạo Phật phải tu.” Liều thuốc này có 1 chữ, con phải chăm chỉ uống!”

Thói quen xấu của con người thường là chưa tới được Hoàng Hà đã nản lòng, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, giả sử có thể cẩn thận từ đầu, sẽ chẳng phải ân hận sau khi việc đã rồi.¹

1. “Vô ngã” là gì? “Ly hữu tình nghĩa”, “Ỗ tha khởi nghĩa” và “Vô động tác nghĩa” đều nói lên đạo lý vô ngã. Con người và mọi sinh vật hữu tình đều được gọi là có tình. Thuyết nguyên khởi thì cho rằng mọi cái gọi là “hữu tình”, chẳng ngoài sự kết hợp của các loại thực vật và yếu tố tinh thần, cứ xét từ yếu tố tâm lý, tổ chức hữu tình chia làm Ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Phật giáo cho rằng hữu tình không phải là thể độc lập đơn nhất, mà là hợp thể của nhiều yếu tố, mà bất cứ yếu tố nào cũng tùy duyên mà sinh diệt, bởi vậy, không thể tìm được một “hữu tình” độc lập cố định

TRÍ TUỆ THIÊN:

Kinh nói rằng: “Bồ đề úy nhân, Chúng sinh úy quả.” Chúng sinh thường hối hận khi quả báo đến, nếu có thể cho phép khẳng định việc đáng làm trước, tức sau sẽ không hối hận.

trong sự chi phối của thân tâm, cũng không thể tìm được sự tồn tại của “ngã”. Đó chính là lời giải thích đơn giản về vô ngã.

CÚNG QUẢ NHÂN QUẢ

Khi lão phương trượng lấy xuống những quả cúng trên bàn Phật xuống chia cho các tăng lữ, có tăng lữ lại không được.

Một hòa thượng hỏi: “Tại sao tôi không được quả cúng?”

Phương trượng nói: “Mùng 3 tháng giêng có tuyết lớn, thầy dậy muộn, không tham gia cào tuyết; mùng 3 tháng 2 đi hóa duyên, trở về sớm nhất, lại tay không trở về.”

Một năm khác vào dịp 50 của lão hòa thượng cũng hỏi: “Tôi tại sao cũng không được quả cúng?”

Phương trượng nói: “Đối với những tăng lữ mới đến, thầy chẳng tận tâm tận sức, chỉ quan tâm tới việc tu thân dưỡng tánh của mình. Đối với câu hỏi của một thí chủ trả lời qua loa, bôi bác, làm phụ lòng tin, tôn trọng của thí chủ, có hay không phẩm chất của người xuất gia.”

Về sau, tăng lữ chùa đó đều đổi tên quả cúng thành “nhân quả”.

Gắng cầu nhân quả cũng là một thứ bi ai chấp chước, khó khăn vì bụng dạ, không được đáp ứng thì không đắc giải.

Nhược điểm của con người là nhìn người dễ, nhìn mình khó, muốn đối diện với vấn đề của người khác lại không muốn đối mặt với vấn đề của mình. Sở dĩ không thể thay đổi được bản thân là vì không muốn thay đổi. Nhưng, con người thường thích tìm hiểu những vấn đề chẳng hề có liên quan gì đến bản thân, tự chuốc phiền não, oán người trách trời. Nếu có thể xử lý hiển nhiên, nhất định sẽ tự giải được vấn nạn.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Nhân quả báo ứng, chẳng giống như dựng cây trồng bóng mà anh tưởng tượng, sống chết luân hồi, thiện ác phân minh, cuối cùng có báo ứng.

ÁO CUỘN TRÂN CHÂU

Những câu chuyện về Thiên thường làm người ta khó lường trước, vượt qua lý lẽ thông thường. Trong những câu chuyện về Thiên cổ xưa của Trung Quốc, có một câu chuyện nhỏ đáng suy ngẫm thế này.

Ngày xưa có một tên nghèo hèn tới thăm người thân, được khoản đãi nhiệt tình, ăn uống say sưa túy lúy, rồi ngủ thiếp đi trên ghế. Đúng lúc người thân của anh vì có chuyện phải đi liền, thấy người thân nghèo say sưa bất tỉnh nhân sự, bèn khâu những đờ vô cùng quý giá vào trong áo của anh ta, vội vàng ra đi.

Người nghèo đó đã say mềm bí tỉ, đâu biết việc này. Sau khi tỉnh rượu, anh cũng đứng dậy trở về. Anh vẫn nghèo rớt mùng tơi, cuộc sống điêu đứng, chỉ có thể mơ hồ.

Bấy giờ anh vẫn chưa biết trong áo mình có những châu báu vô cùng đắt tiền. Về sau, trong một dịp ngẫu nhiên, lại đụng phải người thân nọ. Đối phương mắt tròn mắt dẹt nhìn bộ dạng rách rưới luộm thuộm của anh, không nhận được than rằng:

“Anh thật là một tên ngốc, vì ăn mặc mà hao phí tâm trí, điều đó là vì cái gì chứ? Trước, tôi còn cho rằng cuộc

sống của anh rất sung túc, vì năm đó khi anh tới nhà tôi, tôi từng may những châu báu vô cùng quý giá vào trong áo của anh. Nghĩ anh từ đó sẽ giàu lên, nhưng anh vẫn chẳng biết tình, vẫn chạy đôn chạy đáo vì miếng ăn, manh áo.”

ĐỘ NGƯỜI ĐỘ TÂM

Có một gã ăn mày chỉ có một cánh tay tới xin phương trượng ở một ngôi chùa, phương trượng chẳng hề khách khí chỉ ra đồng gạch trước cửa nói với gã ăn mày rằng: “Anh giúp ta chuyển đồng gạch đó ra sau chùa đi.”

Gã ăn mày bực mình nói: “Ta chỉ có một cánh tay, làm sao chuyển được chứ? Không muốn cho thì thôi, làm gì giỡn người vậy?”

Phương trượng chẳng nói lời nào, dùng một tay cầm một viên gạch lên nói: “Việc thế này một tay cũng có thể làm được!”

Gã ăn mày chỉ còn biết chuyển gạch bằng một tay, gã chuyển hàng hai giờ đồng hồ mới làm xong.

Phương trượng đưa cho gã ăn mày mấy lượng bạc, gã ăn mày nhận tiền, rất cảm kích nói: “Cảm ơn thầy!”

Phương trượng trả lời: “Đừng cảm ơn ta, đó là tiền bản thân anh kiếm được.”

Gã ăn mày nói: “Tôi sẽ không quên thầy.” Nói rồi cúi chào cung kính, xong lên đường.

Nhiều ngày sau, lại có một gã ăn mày tới chùa, phương trượng dẫn ra nhà sau, chỉ vào đồng gạch nói: “Chuyển

đồng gạch ra trước nhà ta sẽ đưa anh tiền.” Nhưng, gã ăn mày với hai cánh tay khỏe khoắn này lại bỏ đi, chẳng thèm đếm xỉa.

Đệ tử không hiểu hỏi phương trượng: “Lần trước thầy kêu gã ăn mày chuyển gạch từ trước nhà ra sau nhà, lần này thầy lại kêu gã ăn mày chuyển gạch từ sau nhà ra trước nhà. Rốt cuộc thầy muốn chuyển gạch ra trước nhà hay sau nhà thế?”

Phương trượng nói với đệ tử: “Gạch đặt trước hay sau nhà đều vậy, nhưng chuyển hay không đổi với ăn mày mà nói thì chẳng giống nhau rồi.”

Vài năm sau, có một người rất lịch sự tới chùa. Người đó phong độ bất phàm, nhưng anh chỉ có một cánh tay, thì ra đó chính là người ăn mày năm xưa chuyển gạch bằng một cánh tay. Từ sau khi được phương trượng cho anh chuyển gạch, anh tìm được giá trị của bản thân mình, sao đó dựa vào sự phấn đấu của bản thân cuối cùng đạt được sự thành công, mà gã ăn mày có hai tay khỏe mạnh tới giờ vẫn đang còn đi ăn xin ngoài núi.¹

1. Sự kiện đốt Phật của vua Thái Vũ thời Bắc Ngụy

Năm Thái Vũ Đế Bắc Ngụy, xảy ra một sự kiện hủy diệt Phật giáo một cách toàn diện bằng sức mạnh của chính quyền Phong kiến với quy mô lớn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc; Năm 446 khu vực Quan Trung xảy ra cuộc khởi nghĩa ở Hạnh Thành (nay thuộc Hoàng Lăng, Thiểm Tây) của một người Hồ ở Lưu Thủy tên là Cái Ngô, có quan lại phát hiện thấy số lượng lớn vũ khí ở trong một ngôi chùa, vua Thái Vũ sau khi nhận được báo cáo đã nổi giận,

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tự tôn làm thay đổi vận mệnh, hành động có thể làm nên nghiệp lớn. Phương trượng độ người, càng phải độ lòng, có tâm từ bi chân chính.

xuất phát từ nhạy cảm chính trị, ông lập tức liên kết việc này với âm mưu của Cái Ngô. Cạnh vua Thái Vũ có hai nhân vật quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới việc diệt Phật, một vị lão thần của ba triều có tên là Thôi Hạo, một người khác là một trong những lãnh tụ của đạo Thiên Sư Bắc Khẩu Khiêm Chi. Thôi Hạo, Khẩu Khiêm Chi nhắm đúng thời cơ, dâng Đạo thư lên triều đình, yêu cầu trấn áp. Vua Thái Vũ ra lệnh chu diệt Sa môn hậu của chùa này, với những biện pháp diệt Phật một cách cụ thể, là “Có ty tuyên cáo các quân đi trấn áp, Thích sử, các hình tượng có hình Phật và kinh Hồ, đập phá đốt hết, tất cả Sa môn từ trẻ tới già đem chôn.”

NHÂN SINH DIÊM TƯƠNG

Đệ tử của thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất là thiền sư Bách Trượng khi ở núi Đại Hùng, Mã Tổ sai thị giả đem cho thầy ba hũ tương. Sau khi thiền sư Bách Trượng nhận được ba hũ tương, liền gióng chuông tụ tập mọi người lên đường, chỉ hũ tương nói với mọi người rằng: “Đó là tương lão sư Đạo Nhất tặng, các con nếu có đắc đạo thì đừng đập ra, nếu tất cả đều không thể đắc đạo thì đập ra!”

Các học tăng nhìn nhau, chẳng người nào đáp lời.

Thiền sư Bách Trượng thấy mọi người không nói, bụp một tiếng, bèn dùng trượng đập vỡ cả ba hũ luôn.

Thị giả từ núi Đại Hùng trở về chỗ thiền sư Mã Tổ, thiền sư Mã Tổ bèn hỏi: “Con đã đem tương đi chưa?”

Thị giả đáp: “Mang đi rồi.”

Thiền sư Mã Tổ lại hỏi: “Sau khi Bách Trượng nhận được tương của thầy có bày tỏ gì không? Nói gì không?”

Thị giả đáp: “Thiền sư Bách Trượng sau khi nhận tương bèn tập hợp mọi người lên đường, vì chẳng có người nào đắc đạo, bèn dùng trượng đập vỡ hết cả tương luôn.”

Mã Tổ nghe xong, cười ngất, vô cùng phấn khởi khen rằng: “Tên tiểu tử đó được lắm!”

Về sau Mã Tổ đưa Khẩu tín cho thiền sư Bách Trượng, hy vọng thầy thỉnh thoảng viết thư thông báo tình hình tu hành gần đây của mình.

Thiền sư Bách Trượng trong thư hồi âm thành khẩn viết báo cáo rằng: “Thầy ạ! Cảm ơn thầy đã quan tâm, từ sau khi đập vỡ hũ tương, 30 năm nay, đệ tử chưa hề thiếu tương chút nào.”

Thiền sư Bách Trượng đập vỡ hũ tương, ý rằng đạo Thiền của chúng ta, cái gì cũng không thiếu, chẳng cần thầy phải bận lòng. Thiền sư mã Tổ Đạo Nhất vô cùng hài lòng, viết 8 chữ tặng cho thiền sư Bách Trượng, 8 chữ đó là “Đã không thiếu thốn, phân chia cho người”.

Về sau Mã Tổ sáng lập ra Thiền Lâm (chùa chiền), Bách Trượng bèn lập Thanh Quy, từ đó chùa chiền cung cấp cho những người trẻ tuổi tham học ở Trung Quốc được lưu truyền mãi.¹

-
1. Sự kiện diệt Phật thời Thế Tông Hậu Chu – Sự kiện diệt Phật cuối cùng trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc là “Hội Xương Pháp Nan” xảy ra sau hơn 100 năm, tức sự kiện Sa thải Phật giáo năm thứ 2 Hiên Đức (955) đời Sài Vinh Thế Tông, Hậu Chu thời kỳ Thập quốc Ngũ đại. Ngoài việc phế trừ 30.336 ngôi chùa, Chu Thế Tông cũng không giết các đệ tử Phật giáo quy mô lớn, đó là “sự kiện diệt Phật” ôn hòa, chính phủ còn giữ 2.694 ngôi chùa, và giữ 42.440 tăng, 1.8716 ni. Ngoài ra, chính phủ quy định hủy tất cả tượng Phật bằng đồng để đúc tiền đồng, những tượng đồng trong dân gian nếu sau 59 ngày vẫn không giao nộp, cứ 2,5kg sẽ xử tội chết; dưới 2,5kg thì tùy lượng mà xử phạt. Điều đó chứng tỏ động cơ kinh tế trực tiếp của việc diệt Phật thời Chu Thế Tông.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Các thiền sư qua lại nhau cũng có một mặt nhân tình thế tục, nhưng họ đều có một hàm ý khác; Tương là thứ dùng trong ăn uống không thể thiếu trong cuộc sống, việc đem tương cho thiền sư Bách Trượng, ý nói muốn thầy chăm sóc đạo Thiên trong cuộc sống, không thể rời xa cuộc sống mà tu luyện mù quáng.

THIỀN ĐỊNH LÀ ĐỊNH LỰC

Thiền tông và Tịnh Thổ tông là hai phái lớn trong Phật giáo. Cả hai về căn bản đều chủ trương đi ngược lại Đạo. Thiền tông chủ trương đốn ngộ, tự lực thành Phật, còn Tịnh Thổ tông thì chủ trương thông qua tha lực của nghi thức tôn giáo để thành Phật. Cả hai tông phái không ngừng công kích lẫn nhau.

Song, trong Thiền tông và Tịnh Thổ tông đều có những câu chuyện thú vị như thế này.

Thiền sư Vô Quả ở sâu trong cốc, nhất tâm tu Thiền, do hai mẹ con hộ pháp cung dưỡng hơn 20 năm. Vì mãi chưa minh tâm kiến tính, muốn rời núi tìm thầy học Đạo.

Mẹ con hộ pháp yêu cầu thiền sư ở thêm vài ngày, muốn làm một chiếc áo tặng thiền sư. Sau khi hai mẹ con trở về nhà, liền bắt tay cắt may làm áo, may được một mũi niệm một câu thành hiệu Di Đà. Làm xong, lại gói vào bốn đồng Mã đề bạc, rồi tặng cho thiền sư Vô Quả làm lộ phí.

Thiền sư nhận quà của hai mẹ con, chuẩn bị hôm sau lên đường xuống núi.

Đêm Vô Quả vẫn ngồi thiền. Vào lúc nửa đêm, có một đồng tử áo xanh, tay chấp cây cờ, cùng với vài người

gỗ trống, thổi kèn đi tới, khiêng một bông hoa sen rất lớn, đem tới trước thiền sư. Đồng tử nói: “Xin thiền sư lên đài sen cho!”

Thiền sư nghĩ thầm trong bụng: “Ta tu công phu thiền định, chưa tu pháp môn Tịnh Thổ, kể như là hành giả tu pháp môn Tịnh Thổ, tình cảnh cũng không thể được, sợ rằng đó là ma cảnh.”

Thiền sư Vô Quả chẳng thềm để ý, đồng tử lại khuyên lơn, nói đừng bỏ qua, thiền sư Vô Quả tiện tay cầm một chiếc Dẫn khánh, đặt lên đài sen. Không lâu, đồng tử và các nhạc nhân bèn khua trống, thổi kèn mà đi.

Sớm ngày hôm sau, khi thiền sư đang chuẩn bị lên đường, hai mẹ con cầm một chiếc Dẫn khánh trong tay, hỏi thiền sư Vô Quả: “Đây có phải là thứ thiền sư để lại không? Tôi qua con ngựa trong nhà sinh ra cái thai chết, phu ngựa dùng dao mở ra, thấy chiếc Dẫn khánh, biết là vật của thiền sư mới đem về. Chẳng qua không biết tại sao lại nằm ở trong bụng ngựa?”

Sau khi thiền sư Vô Quả nghe, sống lưng toát mồ hôi, và làm bài Kệ rằng: “Nhất đại nạp y nhất trương bì, Tứ đĩnh nguyên bảo tứ cá đề; Nhược phi lão tăng định lực thâm, Kỳ dữ nữ gia tác mã nhi.”

Nói xong, đưa áo và bạc trả lại cho hai mẹ con, từ biệt ra đi!

Thuyết Tính không Duyên khởi trong Phật giáo, Lý luận Nhân quả ba đời nói ra thần kỳ huyền diệu, nghe thấy ngoài sức tưởng tượng, có thể quá hoang đường, quá không thiết thực, song hoang đường sinh ra sự thực, hoang đường tuyệt đối sinh ra thực thực tuyệt đối.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Định lực là sức chịu đựng về ý chí của một con người. Nó và dũng khí là những nguyên tố ý chí bổ sung cho nhau. Định lực của một con người càng cao, khả năng chịu đựng sự tịch mịch càng bền, thì càng có thể bình tâm tĩnh chí trước mọi cám dỗ của thế giới phồn hoa.

CUNG KÍNH CẦU PHẬT

Thiền sư Đâu Suất Tùng Duyệt khi đi tham thiền sư Thanh Tố ở Mật Hàng, vô cùng tôn kính, lễ phép với thiền sư. Có lần người khác tặng ông ít vải, thiền sư Tùng Duyệt đưa qua cửa sổ của thiền sư Thanh Tố, lễ phép nói: “Trưởng lão, đây là trái cây nhà từ Giang Tây, mời thầy ăn vài trái.”

Thanh Tố rất vui khi nhận mấy quả vải, rồi than: “Từ sau khi tiên sư viên tịch, loại trái cây ta đã không ăn rất lâu rồi.”

Tùng Duyệt nói: “Tiên sư của Trưởng lão là vị cao tăng nào vậy?”

Thanh Tố đáp: “Thiền sư Từ Minh, ta làm ở chỗ ngài 13 năm.”

Thiền sư Tùng Duyệt vô cùng kinh ngạc, khen rằng: “13 năm nay thầy vẫn làm việc tiếp ở chỗ của cao tăng, làm sao có thể không nhận được lời truyền thân giáo của cao tăng thế?”, nói xong bèn đưa hết chỗ vải trên tay cúng dường cho Trưởng lão Thanh Tố.

Thanh Tố hết sức cảm kích, nói: “Ta là người bạc phúc, tiên sư từng nói với ta, không thể nói việc này cho người khác, hôm nay thấy thầy thành kính như vậy, cũng là

vì duyên số mấy trái vải này, nên ta làm trái tiên sư, nói với thầy danh hiện của thầy. Giờ thầy hãy nói tôi nghe những điều tâm đắc của mình đi!”

Thiền sư Tùng Duyệt nói với thiền sư Thanh Tố suy nghĩ của mình.

Thanh Tố khai thị nói: “Thế gian là có cả ma và Phật, cuối cùng khi bỏ, nếu muốn nhập Phật, thì không thể nhập ma.”

Thiền sư Tùng Duyệt sau khi được Ấn khả dĩ, thiền sư Thanh Tố lại giáo giới: “Hôm nay ta bóc trần đạo lý này vì thầy, để thầy có được tự tại lớn, nhưng hãy nhớ không thể nói là kế thừa từ ta đó! Chân Tịnh Khắc Văn mới là sư phụ của thầy.”

“Bất Khả Tự Ngã, là thiền sư Khả Tự Chân Tịnh Khắc Văn”, sau đó, chuyện này trở thành lời hay ý đẹp trong Thiền môn.

TRÍ TUỆ THIỀN:

“Muốn học đạo Phật, trước tiên hãy kết nhân duyên”, quả vải có duyên, tức có thể ngộ đạo. “Phật pháp cầu trong sự cung kính”. Người xưa mang ơn một bữa, cả đời không quên, như thiền sư Thanh Tố, hưởng một quả vải, rút cuộc bằng lòng phá tâm nhãn, đó là cảm ơn hữu duyên vậy.

LO XA MƠ GẦN

Một hôm, thiền sư Nam Dương Huệ Trung dẫn dắt các đệ tử tụng kinh xong, kể câu chuyện thế này với họ.

Ngày xưa có hai người nghèo đều sống nhờ vào bán sữa. Hằng ngày họ đều đội bình mút trên đầu rao bán khắp nơi. Hôm đó đúng lúc trời đổ mưa lớn, đường xá sinh lầy ướt nhoẹt, một người trong bọn họ có chút thông minh, trong bụng tự suy tính: hôm nay ngoài trời mưa lớn thế, trên đường lại sinh lầy khó đi, vạn nhất té ngã, chẳng phải chiếc bình bị vỡ, sữa đổ ra không? Tới khi đó cả vốn lẫn lời đều tiêu, sau còn sống bằng gì được nữa? Vì thế, anh ta làm ra bơ từ sữa trước, đặt ở một bên, như vậy kể như có đồ đi, tổn thất cũng sẽ không lớn lắm. Còn người kia không có cái trí khôn biết lo xa, còn chẳng để ý thời tiết xấu, đội hết toàn bộ sữa lên đầu ra phố chợ bán.

Kết quả đường xá lầy lội, cả hai người đều bị ngã, một người trong đó khóc rầm trên đất, còn người kia thì thần tình chẳng có gì thay đổi lớn cả, người đi đường hỏi: “Cả hai anh chẳng phải đều ngã cả sao? Bình sứ mang theo cũng đổ vỡ, xem ra tổn thất cũng ngang nhau, tại sao có một người nước mắt hối hận đầm đìa, còn người kia bộ dạng dường như chẳng có tổn thất gì lớn lắm?”

Một người nói, “Bình sữa ta đội trên đầu còn vẫn chưa lấy bơ ra, cú trượt hôm nay đã làm ta hết vốn, có sao có thể không khóc chứ?” Còn người kia thì nói, “Bình sữa này của ta đã lấy ra hết bơ từ trước rồi, nên tổn thất còn có thể chịu được, kể như cũng không buồn phiền lắm.” Người vừa hỏi hai người họ nghe xong hiểu ra, trong bụng nói với mình: “Sự khác biệt giữa thông minh và ngu muội có thể thấy từ đây, xem ra người không lo xa sẽ có ưu phiền gần.”¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Bình giống như thân thể của ta, sữa giống như tài sản trong cuộc đời ta, bơ giống như công đức trong thực tế. Bình vỡ, tức giống như cơ thể con người già, chết. Con người sau khi qua đời, tài sản ở ngoài cơ thể cũng theo đó mà tan biến.

-
1. Sự kiện diệt Phật thời Đường Vũ Tông – Đời Đường Phật giáo tiếp tục phát triển, kinh tế chùa chiền phát sinh khối u, tiếp theo này sinh những mâu thuẫn sâu sắc với lợi ích kinh tế của chính trị vương triều Phong kiến, cuối cùng vào thời Đường Vũ Tông lại xảy ra sự kiện diệt Phật với quy mô lớn hơn: Đường Vũ Tông vào năm Vũ Xương thứ 5 (845) ban bố lệnh phế Phật, bấy giờ, Phật giáo cả nước đều bị tấn công dữ dội, giới Phật giáo bị liệt vào “Hội Xương pháp nạn”, Phật giáo bị “phá hơn 4.600 ngôi chùa, còn 20.500 tăng ni”.

VẠN VẬT ĐỀU CÓ TÂM

Thiền sư Bảo Thông ban đầu khi theo thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, thiền sư Thạch Đầu hỏi: “Đâu là tâm của thầy?”

Bảo Thông đáp: “Là Kiến Ngữ Ngôn Giả!”

Thiền sư Thạch Đầu không cho là như thế nói: “có Kiến, có Ngôn tức là vọng tâm, trên ngôn ngữ còn có chân tâm không thấy của thầy đó!”

Bảo Thông xấu hổ, đêm ngày tham cứu, cái gì mới là chân tâm của mình nhỉ? Sau 10 ngày, thiền sư Bảo Thông lại tới thỉnh thị: “Câu trả lời lần trước không đúng, hôm nay, ta biết cái gì là tâm của ta rồi.”

Thiền sư Thạch Đầu hỏi: “Cái gì là tâm của thầy thế?”

Bảo Thông đáp: “Nhéch mày chớp mắt.”

Thiền sư Thạch Đầu lại hỏi tiếp: “Trừ đi néch mày chớp mắt, xin đưa tâm ra đi!” Ý nói không thể dùng động tác, tâm không phải là động tác néch mày chớp mắt.”

Bảo Thông đáp: “Nếu thế thì vô tâm có thể lấy ra được à!”

Thiền sư Thạch Đầu cao giọng nói: “Vạn vật đều có tâm, nếu nói không có tâm, tất cả đều là phi báng. Kiến văn giác tri cố nhiên là vọng tâm, nhưng nếu không dụng tâm làm sao lại ngộ nhập được?”

Thiền sư Bảo Thông cuối cùng đại ngộ.

Tại sao các thiền sư nói vô tâm mới là tâm Thiền chứ? Vì, có tâm đều là tâm hư vọng, lúc là thiên đường, lúc hóa địa ngục, hằng ngày từ thiên đường, địa ngục không biết vắng lai bao lần. Nếu thiền giả có thể đặt lòng mình yên ổn chốn vô tâm thì mới có thể “Ứng vô sở trú, nhi sinh kỳ tâm”.

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Tâm” xa lánh mọi tướng, tướng văn tự, tướng ngôn ngữ, xa lánh mọi động tác (nhéch mày chớp mắt), càng phải xa lánh mọi tướng tâm hư vọng. Nói Tâm thể xa lánh mọi tướng này là không đúng, nói không cũng chẳng sai. Đúng như Huệ Năng nói: “Chẳng thiện, chẳng ác, dựa vào đâu chính là nơi Thượng tọa của Bản lai diện mục.”

THIÊN SƯ GIEO MẠ

Một hôm, sau khi thiên sư dẫn dắt các đệ tử niệm kinh Phật xong, nói với đệ tử rằng: “Đọc vạn cuốn sách, còn phải đi vạn dặm đường. Chỉ đọc kinh, không làm việc cũng không được. Qua đây, ta dẫn các con đi gieo mạ.”

Gieo mạ ai chả biết? Các đệ tử tranh nhau xuống ruộng làm việc, nhưng mạ họ gieo méo méo xẹo xẹo, chỉ có mạ của thiên sư gieo là thẳng tắp luống.

Các đệ tử chẳng hiểu hỏi: “Thầy ơi, thầy có bí quyết gieo mạ gì, tại sao mạ thầy gieo chĩnh tề thế, như dùng thước đo vậy?”

Thiên sư cười nói: “Kỳ thực rất đơn giản, khi các con gieo mắt nhắm vào một thứ cố định thì có thể gieo thẳng liền.”

Các đệ tử như được của quý, liền bắt tay vào thực tiễn, nhưng mạ gieo lần này cuối cùng vẫn là một đường vòng uốn khúc.

“Thầy ơi, chúng con làm theo lời thầy nói, vẫn không thể gieo thành đường thẳng được.”

“Các con có nhắm vào một thứ cố định không?”

“Chúng con nhắm vào con trâu đang gặm cỏ bên ruộng nước, đó chính là mục tiêu lớn rõ rệt.”

“Trâu vừa ăn cỏ, vừa đi, các con nhắm vào nó để gieo mạ, nó không ngừng di chuyển, các con làm sao có thể gieo thẳng được? Phải nhắm vào cây to bên bờ kia, một mục tiêu chẳng hề chuyển động mới được.”

Các đệ tử lại làm theo ý chỉ của thầy, quả nhiên gieo được vừa nhanh, vừa thẳng.

Trong cuộc sống làm sao mới có thể ít chạy theo đường vòng chứ? Bí quyết là xác lập mục tiêu rõ ràng, sao đó tiến tới mục tiêu bằng con đường tiết kiệm nhất. Bất cứ sự việc gì trong quá trình thao tác thường phải “hạ giá thành”, bởi vậy làm việc phải có mục tiêu xa, lớn, đó là một yếu tố quan trọng để làm việc tốt.¹

1. Phái Ca Cừ – Một trong những chi phái Phật giáo Tạng Truyền – Pháp Ca Cừ được hình thành vào thế kỷ XI. Vì Lạt Ma của phái này mặc váy và áo lót trắng, nên tục gọi là “Bạch giáo”. Người sáng lập ra nó là Mã Nhĩ Ba. Ông từng qua An Độ học tập Mật giáo ba lần, tự nói chứng đắc cảnh giới “Vạn hữu nhất vị”. Giáo pháp này chú trọng Mật pháp. Thầy tiến hành truyền giáo lý Mật pháp bằng miệng, tai cho từng đệ tử riêng, phương thức tu hành mang màu sắc Mật tông đậm nét. Vì, coi trọng “Thị khẩu thọ” nhất (tiếng Tạng là: Ca), truyền thừa Mật pháp (tiếng Tạng là: Cừ), nên gọi là phái Ca Cừ. Phạ Mộ Trúc Ba, Ca Mã Ba, những chi hệ thượng tầng từng được nhận Sắc phong của hai vương triều Nguyên, Minh trong phái Ca Cừ, tiếp đến phái Tát Ca nắm chính quyền ở khu vực Tây Tạng. Thời Thanh, Hoàng giáo đắc thế, trong phái Ca Cừ chỉ có 4 chi hệ Chi Cống, Chủ Ba, Cát Mã, Đạt Long

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mục tiêu vừa là phương hướng thành công, vừa là con đường tắt để dẫn tới thành công.

còn giữ được thế lực tôn giáo nhất định, trong đó Cát Mã Cát Cử là phân chi có ảnh hưởng lớn nhất. Cát Mã Ba chính là Phật sống lớn nhất trong phái Cát Mã Cát Cử.

THẤT LÝ THẢ TRỘM

Thiền sư Thất Lý là một cao tăng có đạo, hằng ngày ngoài việc giảng kinh thuyết pháp, đều tụng kinh tham Thiền ở điện Phật.

Một hôm vào lúc nửa đêm, thiền sư Thất Lý nhắm mắt tụng kinh nơi Thiền đường thì có một tên trộm bỗng xông vào, đưa con dao sáng loáng vào lưng ông, nói: “Hãy đưa hết tiền ở trong két ra đây! Nếu không sẽ lấy mạng ngươi”

“Tiền ở trong ngăn kéo, trong két không có tiền.” thiền sư Thất Lý nói, “ngươi tự ra lấy, nhưng phải để lại một ít, gạo không còn nhiều, không để lại một chút, ngày mai ta phải nhịn đói!”

Không ngờ lấy được những đồng tiền dễ như thế, tên trộm vô cùng đắc ý nói: “Kể như ngươi biết nhận tướng, lão lừa trọc!”

“Lấy tiền của người ta nhiều thế, cũng không nói tiếng cảm ơn rồi đi sao?” Lão thiền sư bỗng buột miệng ra câu nói thế này, “Làm người đừng quá tham lam, phải để lại cho người khác chút ít gì đó.”

“Cảm ơn”, tên trộm nói rồi quay người đi, nhưng trong bụng rất hoảng loạn, vì hắn ăn trộm mấy năm, chưa hề đụng phải việc như thế bao giờ. Hắn ngần tò te một lát, mới nghĩ ra không nên lấy hết số tiền, vì thế, hắn lấy ra một ít bỏ vào trong ngăn kéo.

Về sau, tên trộm này bị quan phủ bắt. Theo lời khai của hắn, Sai dịch bắt hắn vào chùa của thiền sư Thất Lý để gặp thiền sư Thất Lý.

Sai dịch hỏi: “Nhiều ngày trước, tên trộm này có tới cướp tiền ở đây phải không?”

“Hắn không cướp tiền của ta, là ta đưa cho hắn.” thiền sư Thất Lý nói, “Trước khi hắn đi còn cảm ơn ta một tiếng, như vậy.”

Tên trộm này cảm động bởi lòng khoan dung của thiền sư Thất Lý, hắn cắn chặt môi, nước mắt đầm đìa, rồi quỳ trước mặt thiền sư Thất Lý, thỉnh cầu thiền sư nhận hắn làm đệ tử. Thiền sư Thất Lý ban đầu không chịu. Con người này quỳ suốt 3 ngày, cuối cùng thiền sư Thất Lý giữ hắn lại.¹

1. Phái Ninh Mã – Một trong những phái Phật giáo Tạng Truyền – Phái Ninh Mã là một nhóm hình thành sớm nhất trong Phật giáo Tạng Truyền, vì Lạt Ma phái này đầu đội mũ đỏ, nên tục gọi là “Hong giáo”, do tăng nhân Tây Tạng là Sở Quần Ba, Trác Bô Ba sáng lập vào thế kỷ XI, XII, suy tôn Liên Hoa Sinh người Thiên Trúc tới Tây Tạng truyền bá Mật giáo thế kỷ VIII làm tổ sư. Vì tôn giáo tin theo chú mật cũ, đối lập với các giáo phái “Tân pháp”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tên trộm đi đường ngoặt trong câu chuyện này được lòng thiện của thiền sư tắm gội, từ đó mà hạt giống lương thiện nơi sâu thẳm của tâm hồn hắn được cảm hóa, còn có gì có thể cản được trái tim thực thà của hắn quỳ trong suốt ba ngày? Còn gì có thể không lay chuyển vì thế chứ?

khác thịnh hành lúc đó, nên được gọi là phái Ninh Mã (Ninh Mã có nghĩa là “Cổ cự”).

Ngôi chùa nổi tiếng của giáo phái này có Đa Cát Tra, Mẫn Chu Lâm ở Tây Tạng và Trúc Khánh, Cát Thòa ở miền tây Tứ Xuyên.

THIỆN TÙY CƠ ỨNG BIẾN

Tiểu hòa thượng hỏi thầy: “Su phụ, cái gì là thiện, là ác? Rồi làm sao lựa chọn chứ?”

Thiền sư đáp: “Thiện ác ở tại lòng người, chỉ có thông qua việc không ngừng tu tâm, không chấp vào bất cứ gì mới có thể hiển hiện được bản chất của tự tính.”

Tiểu hòa thượng vẫn không hiểu, vì thế thiền sư kể cho cậu nghe một câu chuyện.

Có hai người rời nhà ra đi, định tìm một vài việc để làm, tích ít tiền, nuôi sống gia đình.

Trên đường họ phát hiện thấy một rừng gai um tùm, vô chủ, bèn quyết định cắt gai đi bán.

Hai người gùi một đống gai tiếp tục lên đường, giữa đường họ phát hiện một đống vỏ trai và lụa, một người trong đó bỏ gai trên lưng, chuyển sang cầm vỏ trai và lụa.

Rồi đi được một đoạn đường, kết quả lại thấy một đống bạc vô chủ. Người gùi vỏ trai và lụa bèn chuyển sang gùi bạc lên đường. Còn anh chàng kia vẫn gùi gai.

Không lâu, họ lại thấy ven đường có một đống vàng vô chủ. Anh chàng gùi bạc nói với người bạn gùi gai: “Lão huynh! Anh thấy ven đường có một đống vàng, mà chẳng

có chủ, anh làm sao không bỏ thứ gai giá trị thấp, chúng ta cùng gùi những thỏi vàng có giá trị cao này về, chẳng phải tốt hơn sao? Như thế chúng ta sau khi về nhà sẽ trở thành phú ông rồi.”

Anh chàng gùi gai chẳng hề động lòng, cố chấp nói: “Ta vất vả gùi gai đi đoạn đường dài như thế, chẳng dễ gì bỏ nó đi. Nếu anh muốn thì anh tự cầm đồng vàng đó đi, ta không để ý đâu.”

Chàng trai gùi bạc cảm thấy người bạn này của mình ngu muội, thò tay định cuỗm chỗ gai của đối phương. Đối phương lại coi gai như của quý, ép sát vào người, nhất thời không thể lấy được.

Anh chàng gùi gai cố chấp nói: “Ta giữ chặt, anh không lấy xuống được đâu. Ta chẳng cần vàng, anh cần tự mình lấy đi.”

Chàng trai gùi bạc cảm thấy đối phương không thể độ được, bèn tự ý bỏ bạc, rồi nhặt những thỏi vàng lên đem về nhà.

Cha anh thấy con gùi những thỏi vàng về nhà, khen rằng: “Con thật thông minh, lấy được nhiều vàng về nhà thế này. Về sau, chúng ta có thể hưởng phúc rồi. Đến cả vợ và con cái, người giúp việc của con cũng được hưởng những ngày sung sướng. Còn chúng ta có thể cúng dường tăng chúng và Bà La môn, cầu được thiện báo cho tương lai.”

Anh chàng gùi gai lặng lẽ trở về nhà, cha mẹ thấy cậu gùi một đống gai chẳng có giá trị vô cùng tức giận, trách mắng rằng:

“Con khờ dại thế! Gùi những cây gai nặng về rớt cuộc định làm gì chứ? Con cho là nó có thể ăn được sao? Con cho rằng nó có thể nuôi sống được cha mẹ và vợ con à? Thực là đồ ngu.”

Tham lam tiền tài, thấy mới nói cũ cố nhiên không hay, nhưng phải thấy là vì sao. Cả hai người họ vốn đều nghèo kiệt xác, vì nuôi cả gia đình mà ra ngoài kiếm tiền. Chẳng hạn bản thân cứ cố chấp, không chỉ không nuôi được cả nhà, ngược lại ngu muội khiến người đời cười nhạo. Mục đích đi mưu sinh vốn là kiếm được tiền, nhưng chỉ vì cố giữ cho được đồng củi mà không chịu lấy những thứ có giá trị hơn. Như thế việc đi mưu sinh chẳng còn ý nghĩa ban đầu, có thể nói là đi gánh củi, mục đích của bản thân cũng thay đổi rồi. Bởi thế, nếu thấy thiện mà chẳng thêm, thấy ác chẳng bỏ, thì có khác gì anh chàng gùi gai chứ?¹

-
1. Phái Tát Ca – Một trong những phái Phật giáo Tạng Truyền – Phái Tát Ca là một trong những giáo phái Phật giáo Tạng Truyền, vì trên tường của giáo phái này có phết ba màu đỏ, trắng, tro, nên tục gọi là “Hoa giáo”. Người sáng lập Cung Khúc Tán Phổ học Mật chú mới từ Trách Di Dịch vào năm Hy Ninh thứ 6 (1073) triều Tống, sau lập chùa truyền giáo khu vực Tát Ca của Tây Tạng, nên gọi là phái Tát Ca. Chùa Tát Ca về sau do các thế hệ nhà Cung Khúc Tán Phổ lưu truyền. Thế lực cực thịnh vào thời Nguyên, vị tổ sư thứ 5 Bát Tư Ba từng được Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt quán đỉnh, tôn

TRÍ TUỆ THIÊN:

Hai mặt thiện và ác đối lập đều tồn tại trong một con người. Chủ trương đừng vì thiện nhỏ mà chẳng làm, đừng vì ác nhỏ mà làm. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải là không báo, mà chưa tới lúc thôi.

làm “Đế Sư”, đồng thời sáng chế ra chữ viết Mông Cổ, phong làm “Đại Bảo Pháp Vương”, nắm giữ quyền hành chính giáo lớn ở Tây Tạng, bắt đầu hợp nhất chính giáo ở Tây Tạng. Cuối thời Nguyên, quyền thế bị phái Cát Cừ lấy mất. Về sau, chỉ giữ lại được thể lục chính giáo địa phương Tát Ca.

KHÔNG DO TÂM MÀ RA

Có một cư sĩ tản bộ bên sông, nhìn thấy một người lái đò đẩy đò từ bãi cát ra giữa dòng, chuẩn bị chở khách qua sông. Bấy giờ đúng lúc có một thiền sư đi qua, vì thế, cư sĩ này tiến nhanh lên trước, ra lễ thỉnh thị nói: “Xin hỏi thiền sư, vừa rồi người lái đò đẩy thuyền ra sông đã cán chết rất nhiều tôm, cua, ốc trên bãi sông, xin hỏi đó là tội chở khách? Hay là tội của người lái đò?”

Thiền sư không hề suy xét, bèn đáp: “Đó vừa chẳng phải tội chở khách, cũng chẳng phải tội của người lái đò!”

Cư sĩ vô cùng không hiểu, hoài nghi hỏi: “Cả hai đều chẳng phải tội, vậy là tội của ai?”

Hai mắt thiền sư mở tròn, nói lớn: “Là tội của anh!”

Mặc dù Phật giáo giảng Lục đạo chúng sinh, nhưng lấy người làm gốc, đứng ở lập trường con người làm bản thể, chân lý không thể nói toạc, sự tướng có lúc không thể nói thấu. Người lái đò vì cuộc sống mà phải kiếm tiền, hành khách vì có công chuyện mà phải qua đò, cua vì lẩn tránh bị chèn, đó là tội của ai. Nhưng, cũng chẳng phải tội của cả ba thành phần, vì cả ba đều vô tâm, “Tội đò vốn do tâm không mà ra, nếu tâm quên thì tội cũng chẳng còn”.

Vô tâm, làm gì có thể làm ra tội? Đã có tội cũng chỉ là tội Vô tâm. Còn cư sĩ này sinh sự từ Không, vọng tự phân biệt, chả trách thiên sư chẳng khách khí quát anh ta rằng: “Đó là tội của anh!”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thế giới Đại Thiên, không giờ khắc nào không xuất hiện những tội lỗi lớn nhỏ, nhưng trong đó đại đa số là những tội lỗi Vô tâm. Mặc dù chúng ta không thể làm thay đổi được thế giới, chúng ta chỉ có thể làm thay đổi được bản thân mình, đối diện với tất cả bằng trái tim từ bi và trí tuệ.

CHÍNH THỤ ĐỐT SÁCH

Thiền sư Vô Nan vốn là một gã giang hồ, về sau được thiền sư Ngu Thường cảm hóa mới nhập Thiền môn, cuối cùng làm nên chuyện.

Vô Nan chỉ có một người kế thừa tên là Chính Thụ. Chính Thụ sau khi học xong, Vô Nan gọi anh lại nói: “Ta có một quyển sách, quyển sách này được lưu truyền đời đời, tới con đã được 7 đời rồi. Ta thấy con huệ căn không cạn, quyết định giao cuốn sách này cho con. Con phải giữ gìn cẩn thận.”

“Quyển sách này đã quý như vậy, tốt nhất thầy hãy tự gìn giữ!” Chính Thụ quyết từ chối.

Vô Nan rất giận, nói: “Ta quyết định giao sách này cho con, là vì hy vọng con truyền lại ý chí của Phật. Ta có mình con là đệ tử, tại sao con không nhận chứ?”

Chính Thụ giải thích nói: “Cái con nhận là Thiền lý ở đây của thầy, mà không phải là ở trong sách này!”

Vô Nan nói sâu xa rằng: “Quyển sách này đã truyền được 7 đời rồi, không thể tới ta rồi không được truyền nữa. Con hãy cầm lấy đi!” Sau đó nhét sách cho Chính Thụ.

Chính Thụ bắt đắ dĩ nhận cuốn sách, sau đó ném nó vào lò lửa.

Vô Nan thấy đồ đệ như thế, bỗng nổi giận trong lòng, không nhịn được gào lên: “Con đang làm cái gì thế?”

“Thầy đang nói gì thế?” Chính Thụ cũng hét lên.

Vô Nan nhìn đệ tử, bỗng cảm thấy mình đã già, nhưng ông có thể khẳng định được rằng “Pháp” vẫn sẽ được lưu truyền tiếp, người đệ tử trước mặt nhất định sẽ mạnh hơn bản thân, sẽ phát dương Phật pháp xán lạn. Ngọn lửa trong lò vẫn đang nhảy múa, chữ viết trong sách cũng theo ngọn lửa bay lên không trung.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Ngọn sóng sau dồn ngọn sóng trước trên sông Trường Giang. Bậc trưởng bối không nên đem ý chí của mình áp lên kẻ sau. Người sau có suy nghĩ của mình mà có thể còn tốt hơn!

RỬA BÁT QUÉT SÂN

Có một thanh niên mới học tới thỉnh giáo thiền sư Triệu Châu: “Con là kẻ cầu đạo vừa nhập môn, thành khẩn xin thầy chỉ giáo cho một vài điều đặc biệt.”

Triệu Châu đáp: “Con đã ăn sáng chưa?”

“Cảm ơn! Dùng rồi!”

“Vậy, đi rửa sạch đồ ăn của mình đi!”

“Rửa sạch rồi.”

“Hãy đi quét sạch sân đi!”

Chàng trai mới học cuối cùng hỏi một cách hết sức bất mãn rằng: “Chẳng lẽ ngoài rửa bát, quét sân, thầy không có Thiền pháp gì khác dạy con sao?”

Thiền sư Triệu Châu cũng rất không khách khí nói: “Ta chẳng biết ngoài rửa bát, quét sân ra, còn có thì là Thiền pháp?”

Chàng trai này không rửa bát, quét sân, vấn đề sống đều chẳng giải quyết được, sống chết làm sao có thể giải thoát nổi chứ? Có thơ rằng:

Chúc bãi lệnh giáo tẩy bát vu, Hoát nhiên tâm địa tự tương phù;

Nhi kim tham bão tùng lâm khách, giải đạo kỳ gian hữu ngộ vô.

Thiền không thể xa rời cuộc sống. Mặc áo, ăn cơm chính là Thiền, gánh củi xách nước cũng là Thiền. Một người không thể lo tốt cho cuộc sống, thì Thiền yên ổn được nơi đâu?

TRÍ TUỆ THIỀN:

Xách nước gánh củi tất cả đều là Đạo; đi ở ngồi nằm, chẳng gì không là Thiền. Thiền chính là cuộc sống. Cuộc sống chính là Thiền.

ĐỪNG NIỆM THIẾT SINH

Có một người cô độc dựa vào gốc cây phơi nắng, quần áo anh ta rách rưới, tâm trạng ủ mị, thỉnh thoảng ngáp ngắn ngáp dài.

Có một tăng nhân đi qua đây, hiếu kỳ hỏi: “Chàng trai, ánh nắng đẹp thế này, tiết trời hiếm có thế này, anh chẳng đi làm việc đáng làm, uể oải phơi nắng chẳng phải phụ lòng thời gian đẹp đẽ sao?”

“Chà!” Người cô độc than thở nói: “Trên thế gian này, ngoài cái thân xác của bản thân ta ra, ta chẳng có gì sất. Ta việc gì còn phải hao tâm tổn sức làm gì chứ? Hằng ngày phơi xác của mình, đó chính là việc ta làm.”

“Anh chẳng có gia đình sao?”

“Không có. So với gánh vác gia đình, chẳng thà đừng có.” Người cô độc trả lời.

“Anh không có tình yêu sao?”

“Không có, so với sau khi yêu là hận thù, chi bằng chẳng yêu thì hơn.”

“Anh không có bạn sao?”

“Không có. So với được rồi lại mất, chẳng bằng không có.”

“Anh chẳng muốn kiếm tiền à?”

“Không muốn. Nghìn vàng đến rồi lại đi, hà tất tốn công phí sức hao tâm tổn trí?”

“Ồ!” Tăng nhân dường như đang suy nghĩ, “xem ra ta phải tìm cho anh sợi dây thừng nhanh mới được.”

“Tìm dây thừng làm gì?” Anh chàng cô độc hiếu kỳ hỏi.

“Giúp anh tự vẫn.”

“Tự vẫn? Anh bảo tôi chết?” Người cô độc ngạc nhiên nói.

“Đúng thế. Con người có sinh có tử, so với sống rồi phải chết, chi bằng chết quách đi còn hơn, sự tồn tại của anh vốn là quá thừa, tự vẫn mà chết chẳng phải hợp với lô gích của anh sao?” Anh chàng cô độc chẳng biết trả lời sao.

Thiền nói, cuộc sống quá nhàn thì đừng niệm thiết sinh; quá bận thì chân tính không hiện. Bởi thế, sĩ quân tử không thể ôm lòng oán giận, cũng không thể bỏ lỡ cái thú gió trăng. Ý nói, cuộc sống của một con người quá nhàn tản dễ sinh lòng vọng tưởng, tà niệm; quá bận rộn thì dễ mất đi những lạc thú nơi cuộc đời.¹

1. Phái Cách Lỗ - Một trong những phái Phật giáo Tạng Truyền – Phái Cách Lỗ là một giáo phái được hình thành muộn nhất trong

TRÍ TUỆ THIÊN:

Người quân tử có tài đức phải chú ý nhiều tới sự lành mạnh của thân tâm mình; cũng phải gần gũi với tự nhiên, thưởng thức sự lý thú của trăng hoa gió tuyết.

Phật giáo Tịnh Truyền, nhưng cũng là môn phái có ảnh hưởng nhất trong Phật giáo Tịnh Truyền. Vì Lạt Ma của phái này đội mũ vàng, nên tục gọi là “Hoàng giáo”. Người sáng lập là nhà cải cách tôn giáo Tôn Khách Ba. Đầu thế kỷ XV, Tôn Khách Ba tiến hành cải cách những giáo phái khác trên cơ sở của giáo nghĩa nhóm Cát Đàng và lập ra phái Cách Lỗ. Phái này chủ trương lấy “Trung quan kiến” làm trung tâm, học đi đôi với hành, coi trọng cả Hiên và Mật, tăng chúng trì giới nghiêm khắc, học kinh theo thứ lớp, cộng với tổ chức Tự viện, nên gọi là phái Cách Lỗ (có nghĩa là Thiện quy).

CUỘC SỐNG THIỀN CƠ

Có 5 người kết nhau làm bạn tới một Thiền viện hỏi thiền sư về ý nghĩa của sinh mạng. Thiền sư nói với họ: “Cuộc đời của các con còn một nửa năm nữa. Trong nửa năm này, ta cầu Phật Tổ phù hộ cho các con muốn được gì thì có thể được vậy.”

Chàng trai thứ nhất nghĩ: “Dù sao mình chỉ có thể sống được nửa năm nữa, vậy ta sẽ ăn sơn hào hải vị khắp thế gian.” Vì thế, thời gian nửa năm của cậu dường như trải qua ở các cửa hàng ăn uống.

Chàng trai thứ hai ngay cả nghĩ cũng chẳng nghĩ, khoác ba lô lên, đi khắp các danh lam thắng cảnh nơi thế gian.

Chàng trai thứ ba cứ muốn làm quan, quả nhiên làm được tới chức mà mình mong muốn.

Chàng trai thứ tư thì dùng thời gian nửa năm ấy viết thành một tác phẩm đồ sộ.

Chàng trai thứ năm biết được mình chỉ còn thời gian nửa năm, uể oải, gật gà ngủ trong suốt 6 tháng.

Sau nửa năm, họ chẳng hề chết, vì thế, lại hẹn nhau tới gặp thiền sư. Thiền sư nói: “Các con đã đạt được ý

nguyện của mình chưa? Vận mệnh cuối cùng là do các con nắm giữ.” Năm người bỗng đốn ngộ.

Trong cuộc sống thường nhật của một con người nói chung dường như đều bị người khác xô mũi dắt đi, mất định tính tự chủ. Vì một câu nói của người khác mà làm chi phối đến sự hỷ nộ của bản thân, làm gì còn cái tôi chứ? Vì, một vẻ mặt của người khác mà ảnh hưởng tới trạng thái của bản thân, đâu còn khả năng tự tại nữa? Thậm chí còn vì một câu nói bóng gió, một sự việc không đâu mà để mãi trong lòng. Suy xét nguyên nhân, đó chính là sự thiếu hiểu biết về Thiên cơ trong cuộc sống.

Con người càng phải có tín ngưỡng và mục tiêu của mình, phải rèn luyện và xác lập cho mình những quan niệm về giáo chức và chuẩn tắc xử thế. Những thứ đó đều có thể tìm thấy đáp án trong tâm Thiên. Một ngày làm ruộng, một xu thu hoạch. Tốt xấu thành bại trong cuộc đời quan trọng ở bản thân chúng ta định vị và nắm giữ ra sao.¹

1. Thế nào là “Sắc bất dị không, Không bất dị sắc”.

Phật giáo cho rằng “Sắc” chính là sắc trong Ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), nhằm chỉ vật chất. Bất cứ sự vật hiện tượng nào đều do duyên khởi, nó có hình trạng, có công dụng, nhưng hình trạng và công dụng của nó không có vị chúa tể chi huy thường hằng bất biến, nên nói là Không. Không chẳng phải chỉ sự Không nằm ngoài vật thể, cái không ngoại Sắc, cũng chẳng phải chỉ cái không sau khi vật thể bị hủy diệt sau Sắc, tức chẳng phải là cái không xa rời sắc mà nằm bên ngoài, nó chính là “Đương thể tức không”. Sắc là bắt nguồn từ duyên khởi, Sắc pháp không thể có thực tính bất biến, bởi vậy mới “Sắc tức thị không” duy có

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm Thiên chính là lòng bao dung, tâm đạm bạc, trái tim bình đẳng, lòng biết ơn. Tâm Thiên chính là trái tim cái tôi cần, tự mình biết xấu hổ. Một người có thể hiểu nhân sinh thế gian bằng trái tim Thiên, thể nghiệm được tình cảm và niềm vui nhận thức trong cuộc sống bình dị mới có thể phát hiện và hưởng thụ được điều tốt lành trong cuộc sống.

nó chẳng có thực tính, nên có thể gặp duyên mà khởi, bởi thế nói “Không tức thị sắc”. Cũng chính là “Sắc bất dị không, Không bất dị sắc”.

KHOAN THỨ CỦA THIÊN

Một vị thiền sư đang ngồi tụng kinh thì có một người đến. Anh ta đẩy mạnh cửa ra, rồi đóng sầm cửa lại, hất chân văng chiếc dép đi đến. Thiền sư nói: “Chờ một lát, đừng lại gần. Trước tiên hãy đi xin cửa và dép lượm thứ cho.”

Người đó nói: “Nói gì càn rỡ, ta nghe nói người của Thiên tông đều là hạng điên, xem ra quả là vậy. Ta làm gì phải đi cầu xin cửa và dép lượm thứ chứ? Đôi dép đó là của ta mà!”

Thiền sư lại nói: “Anh đi ra! Đừng bao giờ trở lại, anh đã nổi giận với đôi dép, tại sao không thể xin chúng tha thứ cho mình nhỉ? Khi anh nổi giận một chút cũng không ngờ rằng nổi giận với dép là ngu dốt biết bao. Nếu anh có thể xâu chuỗi nổi phần nộ, vậy tại sao không thể xâu chuỗi tình yêu thương được chứ? Quan hệ chính là quan hệ, phần nộ là một môi quan hệ. Khi anh đóng cửa với nổi phần uất đầy bụng, anh sẽ nảy sinh mối quan hệ với chiếc cửa. Hành vi của anh là sai trái, là vô đạo đức. Mà chiếc cửa chẳng làm gì với anh cả. Anh đi đi, nếu không thì đừng đến.”

Nghe thiền sư thuyết giáo xong, người đó liền khai ngộ. Anh ta hiểu rõ đạo lý, “đã có thể nổi giận, vậy sao không thể yêu thương chứ?”

Vì thế, con người đó trở nên giàu lòng yêu thương. Có lẽ đó chỉ là một lần trong đời, anh vuốt ve chiếc cửa, nước mắt ứa ra. Anh cố nén không cho nước mắt tuôn trào. Khi anh ta cúi cung với đôi dép của mình, trên người anh diễn ra sự thay đổi to lớn. Anh quay người tới trước thiền sư, thiền sư liền mở rộng đôi tay ôm lấy anh.

Ngoài trước trong sau, cong trước thẳng sau, chiếc kim thanh thoát được rèn giữa từ cây thô đi vào lòng người, viết nên những dòng chữ thẳng thắn không cong vẹo, nhỏ nhắn không thô ráp, tùy theo ý mình, chẳng có trong, không có ngoài, kết cấu cong thẳng thành chữ Thiên. Thế sự đa tạp, uốn éo gập ghềnh, mà kiến tính ngộ Thiên, thì chỉ cần một nét – người vô duyên chẳng thấy được – nét cong queo đều là vì cấu duyên, nước trôi thành dòng, một nét cuối cùng, đủ để kiến tâm.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Một chữ “Thiên” khiến cho người nông nổi phải bình tâm trở lại, người thất ý lấy lại trạng thái, người đang làm việc tốt càng được an ủi; nhìn thấy chữ này có thể buông lỏng bản thân, rửa sạch tâm hồn và giữ được dòng suối trong suốt mát lành trong tâm.

CON ĐƯỜNG TÁNH KHÔNG

Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất có một đệ tử tên là Bàn Sơn Bảo Tích đã tham thiền được nhiều năm và chẳng ngộ hóa được gì, càng ngày càng đau khổ. Về sau bèn vất đi hàng vạn cuốn sách, bắt đầu vạn dặm đường.

Một hôm, cậu nghe thấy có người nói với tên đồ tể ven đường rằng: “Mua 5kg thịt ngon, phải ngon nhất, không phải ngon nhất thì không mua.”

Người đồ tể đó bán mỡ thịt, nghe thấy câu nói đó liền miệng cười hơn hở nói: “Con heo mỡ này cả người từ trên xuống dưới có miếng thịt nào là không tốt nhất đâu?”

Bảo Tích vừa nghe thấy thế, hoắc nhiên đốn ngộ, liền ngẩng lên trời than rằng: “Tất cả việc lựa chọn lấy hay bỏ, chỉ bắt nguồn từ tâm phân biệt trong thói quen tích tập của quan niệm mà thôi, bỏ đi các tướng chấp chước, tâm không đuổi vật, vạn kính thành không, làm gì còn sự khác biệt giữa tốt và xấu nữa?”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Người tu hành nhất định phải khu biệt rõ giữa “quá trình hành đạo” và “sở chứng quả vị”, dựa vào căn khí và

năng lực tu pháp của mình mà hành trì: Sở chứng kiến giải
rộng lớn như hư không, lấy hay bỏ thì nhân quả tinh diệu
như mây may.

PHẬT PHÁP VÔ NHỊ

Thiền sư Huệ Khả, vị tổ thứ hai của Thiền tông từng lấy dao tự chặt cánh tay mình, nhằm thể hiện chí thành cầu đạo. Sau khi tổ sư Đạt Ma tịch diệt, truyền y bát cho ông tiếp tục hoằng dương Thiền pháp.

Một hôm, có một cư sĩ tới gặp thiền sư Huệ Khả, nói: “Thân thể đệ tử bị bệnh nặng ám ảnh, xin thầy làm lễ sám hối cho được khoan thứ.”

Thiền sư Huệ Khả nói giống như tổ sư Đạt Ma năm nào: “Đưa tội của con ra đây, ta sẽ thay con làm lễ sám hối.”

Vị cư sĩ đó nghĩ nửa ngày trời, nói mông lung rằng: “Con chẳng tìm ra tội của mình.”

Thiền sư Huệ Khả nói: “Ta đã làm lễ cho con xong rồi! Con nên xuất gia làm tăng theo Phật pháp.”

Cư sĩ nói: “Hôm nay con gặp được thầy, đã biết bản thân chính là tăng nhân rồi. Nhưng, còn chưa biết Phật pháp là gì?”

Thiền sư Huệ Khả nói: “Là tâm, là Phật, là Tâm, là Pháp, Phật pháp chẳng có hai, Tăng bảo chẳng có hai.”

Vị cư sĩ đó nghe thấy mấy câu này của thiền sư Huệ Khả, ngộ sâu sắc rằng: “Cho tới hôm nay ta mới biết tội tính chẳng ở bên trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa; giống như tâm vậy, Phật pháp chẳng có hai mà!”

Đó mới là tôn chỉ đạt tới ngộ tâm thành Phật. Nên, thiền sư Huệ Khả sau khi nghe xong, vô cùng vui mừng, khen ngợi anh ta, rồi lệnh cho xuống tóc xuất gia. Và khen: “Của quý của ta, tên con là Tăng Xán”.

Thiền sư Huệ Khả nhìn ra Tăng Xán, vì thế truyền lại Pháp ấn và Pháp y của tổ sư Đạt Ma cho ông và niệm Kệ: “Bôn lai duyên hữu địa, Nhân địa chủng hoa sinh; Bôn lai vô hữu chủng, Hoa dịch bất tăng sinh.”¹

1. Pháp khí trong Phật giáo Tạng Truyền – Pháp khí là những vật dụng được dùng khi làm Pháp sự. Chủng loại Pháp khí trong Phật giáo Tạng Truyền có rất nhiều với màu sắc thần bí đậm nét. Những Pháp khí này đại thể có thể chia làm 6 loại lớn, gồm: Xưng tán, Cúng dường, Trì nghiệm, Hộ ma, Khuyến đạo. Cà sa, Hạng chu, Ha đạt thuộc loại Lễ kính; Chuông, trống, dịch xương, Pháp loa, đàn Lục huyền, Đại hào thuộc loại Xưng tán; Tháp, Đàn thành, Bát bảo, Thất chính, Cúng đài, Hoa cái... thuộc loại Cúng dường; Niệm chu, Mộc ngư (mõ) Kim cang xử, Quán đỉnh hồ, Bát Cát ba la... thuộc loại Trì nghiệm; Phật Hộ thân, Phù ấn bí mật... thuộc loại Hộ ma; Ma ni luân khắc hoặc viết 6 chữ Chân ngôn hay thư Chuyển kinh và tràng, thạch... thuộc loại Khuyến đạo. Mỗi Pháp khí đều có những ý nghĩa tôn giáo khác nhau, có Pháp khí mang nhiều tác dụng.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tu Thiên đắc ngộ, chẳng bị sa vào cảnh địa ngục những thứ sách vở vô dụng, có thể vất bỏ, thực sự dẫn thân, suy xét tỏ tường sẽ càng gặt hái được nhiều thành công hơn.

TÂM SINH PHÁP SINH, TÂM DIỆT PHÁP DIỆT

Thiền sư Bàn Khuê khi thuyết pháp không chỉ giản dị dễ hiểu, mà còn thường trước lúc kết thúc, để cho tín đồ đặt câu hỏi và giải thích tại chỗ, vì vậy những tín đồ từ xa nghìn dặm ngưỡng mộ tới rất đông.

Một hôm, có một tín đồ thỉnh thị thiền sư Bàn Khuê rằng: “Con bình sinh tính tình nóng nảy, không biết phải sửa làm sao?”

Thiền sư Bàn Khuê đáp: “Cái gì là bình sinh chứ? Con lấy nó ra đây cho ta xem, ta sẽ giúp con sửa liền.”

Tín đồ đáp: “Không! Bây giờ chưa có, một khi gặp chuyện, cái thứ “bình sinh” nóng nảy thô bạo mới lộ ra.”

Thiền sư Bàn Khuê nói: “Nếu bây giờ chưa có, chỉ xuất hiện những lúc gặp phải tình huống ngẫu nhiên, vậy chính là lúc con tranh chấp với người khác, tự mình tạo ra, bây giờ con lại nói nó là bình sinh, đẩy lỗi lầm cho cha mẹ, thực là quá không công bằng rồi.”

Tín đồ được khai thị như vậy bèn tự nhận ra và không còn dễ nổi nóng nữa.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thế gian vốn chẳng có thứ gì trời sinh, tự nhiên vì nhân duyên tụ hội mà sản sinh ra muôn hình vạn trạng, trong bản tính của con người bao hàm cả thiện ác, chur pháp, “tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt”. Mọi người chỉ cần có tâm, chẳng có thói xấu nào mà không sửa được cả.

1. Tượng A Nan – Bức tượng này là tượng ngồi của Nhất A Na Đà vị tổ thứ hai của Phật giáo. A Nan là Đường đệ của Phật Tổ, xuất gia năm 25 tuổi, phụng sự Đường huynh 25 năm. Nghe nói bốn chữ “Như thị ngã văn” trong cuốn kinh Phật đầu tiên là chân kinh sau khi đích thân A Nan nghe Phật thuyết pháp.

NGỘ RỒI SẼ TỈNH

Lý Dục Thượng Nhân (1887 – 1992) người Nê Khê Hương, huyện Hợp Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, tục danh là Hầu Dụ Quân, bản tính cương nghị, trí tuệ hơn người. Gia thế làm thương mại, khi ông được 15 tuổi, cảnh nhà suy tàn, nghèo kiệt xác, một hôm bỗng đọc được cuốn “Kinh Kim cang” ở nhà cô liền ngộ ngay tức thì, từ đó coi thường danh lợi, xuất gia cầu đạo.

Năm 1922 ở chùa Xạ Hồng Đông Sơn, nhờ hai thiền sư Bản Không, Tư Ma tích độ, lấy pháp danh là Giác Không, tự Lý Dục. Tu Đầu đà hạnh, chẳng quản nắng mưa, trải qua 13 năm ròng bỗng đại ngộ.

Cả đời thiền sư Lý Dục khắc khổ tu hành, thâm nhập Thiền quan, ngộ Phật tâm yếu và đối với mọi đệ tử thì dựa vào căn cơ, phổ biến dạy người niệm Phật, cầu sinh Tịnh thổ. Ông nói: “Tự lực của con người ta là vô hạn, nguyện lực và từ bi của Phật thì hữu hạn. Tự lực của con người giống như chiếc kim nhỏ, Phật lực thì giống như núi đá nam châm vô biên. Chúng ta học Phật tu hành tất phải minh tâm kiến tánh nhằm cầu thanh trừ mọi trở ngại tự thân, cộng với lòng thành tâm, cố gắng, thành kính niệm Phật, tiếp nhận sự dẫn dắt của Phật lực vô biên mới là con đường tắt.”

Về việc tu hành học Phật ra sao, thiền sư Lý Dục cho rằng: Yếu lĩnh của việc học đạo tất phải bắt tay từ trừ khử vọng niệm, 13 bộ Tam tạng có thể dùng khái quát bằng hai chữ “Bỏ vọng”.

Vọng tâm và chân tâm vốn là hai mặt của một thực thể, vọng tâm ký sinh vào chân tâm, vọng tâm mất thì chân tâm tự nhiên hiển hiện. Cổ Đức nói: “Đánh chết vọng tâm, để cho Pháp thân – chân tâm – sống”. Làm thế nào để bỏ vọng chứ? Cần phải phát đại tâm, tu hành chăm chỉ, lập chí thoát khỏi sinh tử, quảng độ hữu tình.

Đồng thời, mọi lúc mọi nơi phải suy xét 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý, kiểm soát tốt 6 đệ tử – Nhãn, Nhĩ, Tì, Thiệt, Thân, Ý.

Khi Cổ Đức tu hành, hằng ngày khoác một chiếc túi vải, trong bụng nổi lên ác niệm, liền lấy một hạt đậu đen bỏ vào trong túi; nảy sinh một suy nghĩ thiện liền nhặt một hạt đậu trắng bỏ vào trong túi, nửa đêm thường đếm xem có bao nhiêu suy nghĩ thiện và ác trong một ngày. Ban đầu đậu đen nhiều, đậu trắng ít; về sau dần dần đậu trắng nhiều lên, đậu đen ít đi. Như thế bỏ trọng điểm của việc tu hạnh vào con đường hành. Nói tóm lại bằng một câu, muốn hạ quyết tâm từ nơi tâm động thì đừng mánh lối, khôn lối.

Có mấy cư sĩ mới học Phật hỏi rằng: “Vọng tưởng tạp niệm của chúng con có rất nhiều, phải làm sao đây?”

Thiền sư Lý Dục đáp: “Mọi lúc mọi nơi, các con phải kiểm soát tốt 6 đệ tử của mình.”

Mọi người nhìn nhau, “Chúng con làm gì có đồ đệ!”

Một vị cư sĩ như chợt ngộ ra: “Nhãn, Nhĩ, Tì, Thiệt, Thân, Ý?”

Thiền sư Lý Dục cười nói: “Đúng rồi, phạm là người học đạo, vọng niệm quá nhiều giống như một miếng vải trắng có nhiều vết, muốn giặt sạch chẳng hề dễ dàng! Phải nãng niệm Phật, thanh tịnh 3 nghiệp Thân, Khẩu, Ý, đồng thời chăm chỉ tụng Kinh, lễ Phật sẽ có ngày ngộ ra.

Ngộ rồi sẽ tỉnh, trong cuộc sống chẳng có gì không vì 6 tay đệ tử này mà sinh sự, nếu có thể kiểm soát tốt chúng, Nhãn, Nhĩ, Tì, Thiệt, Thân, Ý của chúng ta cũng sẽ thanh tịnh. Cuộc sống của chúng ta cũng sẽ thanh tịnh, còn đâu phiền muộn? Đánh đờn phủ đầu, thực như tỉnh giấc mộng!¹

-
1. Mạn Đà La – Một trong những Pháp khí trong Phật giáo Tạng Truyền - Mạn Đà La là âm dịch từ chữ Phạn, có nghĩa là Đàn thành, ngôn ngữ Tạng gọi là “Cát quách”. Mạn Đà La có nguồn gốc từ hoạt động tu pháp Mật tông của Ấn Độ thời cổ, bấy giờ vì họ muốn phòng “Ma chúng”, khi tu Mật pháp thì phải xây dựng một đàn đất hình tròn hoặc hình vuông dùng làm nơi Tu pháp. Tu pháp trên đàn đất, mời chư Phật Quá Khứ, Hiện Tại, Tương Lai đích thân tới chứng giám và vẽ hình tướng của họ trên đàn đất, từ đó làm hình thành kết cấu cơ bản của đàn thành về sau, rồi dần biến thành Mạn Đà La với nhiều hình thức và chủng loại khác nhau. Đàn thành là bản nguyên mang ý nghĩa tượng trưng cho kết cấu của thế giới, vũ trụ, là Phật Bản Tôn và mô hình thu nhỏ nơi quyết thuộc chúng thần tụ cư với sự biến hóa đa dạng.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Cái lý của minh Phật, hành của việc quan Phật, đức của việc học Phật và trí của sự thành Phật. Niệm Phật phải bắt đầu từ tâm, học Phật phải bắt đầu từ hành động. Thành kính niệm Phật, Tịnh tâm niệm Phật Định tâm niệm Phật, Vô tâm niệm Phật. Lời nói không xa rời Chính luận, hành động không xa rời Chính hành, tâm không xa rời Di Đà, như thế chính là đạo ngộ Thiên một đời của thiền sư Lý Dục.

THIÊN VÔ BÀNG TÂM

Khi thiền sư Mã Tổ và một học sinh ra ngoài tản bộ, học sinh hỏi ông rằng: “Phật là gì?”

Mã Tổ đáp: “Trời màu xanh, cây màu xanh.”

Học sinh hỏi: “Về điểm này con hiểu.”

Bấy giờ, Mã Tổ chỉ nơi trước mặt học sinh nói: “Cần thận bước chân của con!”. Vốn có một con rắn độc đang trườn tới trước học sinh, vì thế học sinh giật nảy mình.

Vào thời khắc đó, tri kiến của cậu biến mất hết, tâm “trời màu xanh” biến mất, việc hiểu ra “cây màu xanh” cũng chẳng có tác dụng gì. Câu “Trời màu xanh, cây màu xanh” của Mã Tổ chẳng phải là tri kiến, mà là tâm không phân biệt.

Cái gọi là Tri kiến, là tạp niệm tư duy theo lô gích phân biệt của đại chúng. Thấy núi là núi, trên núi thấy có điểm giống khi gọi là “khí núi”, tức suy nghĩ vẩn vơ, mộng lung trước cảnh thấy được. Mã Tổ lấy đó làm câu trả lời cho câu hỏi “Phật là gì” của học sinh.

Học sinh đáp “đã hiểu về điểm này”, kỳ thực cậu học trò đó chẳng hề thực sự hiểu, khi trên đường xuất hiện con

rắn độc, trong lòng hoảng hốt, thực nghiệm chứng cho điểm này. Vì, trong lòng hoảng hốt mới là một loại Tri kiến. Câu nói “cẩn thận bước chân của con” của Mã Tổ là cách giáo pháp hết sức cao thâm.

Câu chuyện trên dạy cho chúng ta rằng Tri kiến không thể giúp được chúng ta, không thể cứu độ được cuộc sống của chúng ta, ngược lại, vào thời khắc đó con đang làm gì? Thời khắc đó hãy giữ cho lòng trong sáng, khi con làm một việc, chỉ có việc đó. Kể như con hiểu ra rằng trời xanh, cây xanh đều là chân lý, nhưng nếu con không thể giữ được trái tim sáng sủa, Tri kiến này sẽ không thể giúp cho cuộc sống của con được minh bạch.¹

-
1. Mũ Phật Ngũ phương – một trong những Pháp khí của Phật giáo Tạng Truyền - Mũ Phật Ngũ phương là thứ mà các ao tăng, Phật sống đội trong khi tu hành Mật tông. Nó tượng trưng cho Bảo Quán của Ngũ Trí Như Lai, hình trạng giống như 5 cánh sen, trên mỗi cánh có đỉnh trang sức, đồ án, bảo kiếm, hoa sen, Kim cang xử, Bảo luân, ngọn lửa... dưới đỉnh thêm tua dài. Ngũ Phật tức Phật Bất Động, Phật Bảo Sinh, Phật Quang Vô Lượng, Phật Bất Không Thành Tựu và Phật Tù Lư. Nghĩa lý của “Ngũ Phật Ngũ Trí” xuất phát từ giáo nghĩa Kim cang thừa, là một trong những nghĩa lý chủ yếu trong Mật tông, cho rằng chỉ có sở hữu 5 trí là Thể trí Pháp giới, Đại viên Cảnh trí, Bình đẳng Tính trí, Diệu quan Sát trí, Thành tựu Sở trí mới có thể đạt được “Bồ đề” (Chính giác), nhưng những trí tuệ này phải được truyền thụ trực tiếp từ thượng sư Đại Đức mới được.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mỗi thời khắc hiện tại chỉ biết đến bụng dạ làm việc là hết sức quan trọng. Tâm hiện tại là không có chủ thể và khách thể, bạn chỉ vận hành một cách rõ rệt vào thời khắc này, giúp mọi chúng sinh, đó cũng chính là việc làm của Đại Từ Đại Bi Đại Bồ Tát.

VẬN SỰ ĐỀU LÀ NHÂN QUẢ

“Muốn nhận trước hết phải đem cho”. Đó là đạo lý mà người xưa đã sớm biết trước. Trước tiên phải đem “cho”, chứ không hề “lấy”. “Cho” chính là bỏ ra, chính là dâng hiến. “Cho” là vì để “nhận” được nhiều hơn. “Cho” ít thường có thể “nhận” được nhiều. Câu cá tất phải có mồi đã, đó chính là lấy “cho” ít để đổi “nhận” nhiều. Thương gia “quăng lưới dài câu cá lớn”, thực thi chiến lược bán hàng lãnh thưởng, giảm giá cũng nhằm vận dụng “muốn lấy trước hết phải đem cho”.

Còn Thiền tông cũng chú ý điểm này để thức tỉnh thể nhân hiểu được vấn đề cốt lõi của cho và nhận.

Có một thương nhân gặp phải vấn nạn, làm ăn càng ngày càng ế ẩm, vì thế anh ta thỉnh giáo thiền sư Trí Thượng.

Thiền sư nói: “Thiền viện phía sau có một chiếc máy bơm nước, con đi lấy thùng nước giúp ta!”

Thương nhân lưng đẫm mồ hôi chạy về, nói: “Thiền sư, dưới máy bơm nước chẳng có nước.” Thiền sư nói: “Vậy con xuống núi mua cho ta một thùng.”

Thương nhân đi, sau khi trở về chỉ xách có nửa thùng. Thiên sư nói: “Ta chẳng phải nói con mua một thùng nước sao? Làm gì chỉ có nửa thùng thôi vậy?”

Thương nhân mặt đỏ, vội giải thích nói: “Chẳng phải con sợ tốn tiền, núi cao đường xa, thực chẳng dễ chút nào!”

“Nhưng, ta cần một thùng nước, con chạy thêm một lần nữa đi!” Thiên sư vẫn kiên trì nói.

Thương nhân lại xuống núi đi mua một thùng nước. Thiên sư nói: “Bây giờ ta có thể nói cho con cách giải quyết rồi.” Vì thế dẫn anh ta tới cạnh máy bơm nước, nói: “Hãy đổ nửa thùng nước kia vào đi!”

Thương nhân vô cùng ngạc nhiên, nhưng không dám làm trái lời dặn của thiên sư, do dự mãi, cuối cùng mới hạ quyết tâm, đổ nửa thùng nước vào chiếc máy bơm. Thiên sư để anh hút nước xem xem. Thương nhân hút nước, nhưng chỉ nghe thấy âm thanh u u, chẳng có giọt nước nào ra, cả nửa thùng nước bị máy bơm nước nuốt hết. Thương nhân hoắc nhiên đại ngộ, anh ta lại đổ tiếp toàn bộ thùng nước vào, rồi hút, quả nhiên dòng nước trong vọt trào ra ngoài.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Vạn sự đều bắt nguồn từ nhân quả, có nguyên nhân trước mới có được kết quả sau, giả sử bạn không bỏ ra nước của mình, không có áp lực đủ, thì nó chẳng bao đáp bạn một giọt nước nào hết. Muốn được đền đáp nhiều hơn, bạn phải dâng hiến trước đã.

THIỀN KHÔNG THAY ĐỔI

Có hai ngôi chùa, trong đó tăng nhân của một ngôi chùa nếu đi chợ mua thức ăn nhất định phải đi qua ngôi chùa kia. Và mỗi lúc như vậy, tăng nhân của ngôi chùa này thường xuất đầu lộ diện để “đấu pháp” với nhau.

Một buổi sáng, một tiểu hòa thượng đi chợ mua thức ăn, vừa qua trước cổng chùa kia, thì thấy một tiểu hòa thượng của chùa đó xuất hiện, chặn đường. “Thầy đi đâu vậy?” Tiểu hòa thượng hỏi. “Chân tới đâu, ta tới đó!” Tiểu hòa thượng đi mua thức ăn đáp. Tiểu hòa thượng hỏi không biết phải đối sao, chấp nhận bại trận rồi trở về thỉnh giáo sư phụ của mình. Thầy truyền tâm cơ, nói: “Ngày mai hỏi tiếp, nếu thầy vẫn trả lời thế thì con hỏi: nếu không có chân, thầy đi đâu? Thầy ấy chắc sẽ không biết trả lời đâu!”

Hôm sau, tiểu hòa thượng ra trước cổng chùa từ sớm, cho rằng lần này mình nhất định nắm chắc phần thắng! Vừa thấy tiểu hòa thượng hôm qua đi chợ xách làn đi tới liền vội vàng xông ra hỏi: “Thầy đi đâu thế?” “Gió tới đâu, tôi tới đó!” Tiểu hòa thượng ôn tồn đáp. Tiểu hòa thượng hỏi lại bị tắc tịt, không biết đối đáp sao nữa, chỉ biết lại về thỉnh giáo sư phụ.

Lần này sư phụ có chút không vui, nói: “Con làm sao đại thể? Con hỏi thầy ấy, nếu không có gió, thầy đi đâu? Thầy ấy chắc sẽ không trả lời được đâu!” Thầy bổ sung thêm, “nếu lần tới thầy ấy lại liệt kê tùy tiện chẳng hạn như nước tới đâu, ta tới đó thì con hỏi: nếu không có nước, thầy đi đâu? Thầy ấy nhất định không thể trả lời được!”

Nghe lời nói đó của thầy, tiểu hòa thượng vô cùng phấn khởi! Trong bụng nghĩ, ngày mai mình nhất định thắng rồi! Xem người có thể biến hóa ra làm sao!

Vì thế hôm sau, tiểu hòa thượng lại chờ sẵn từ sớm trước cổng chùa, vừa thấy tiểu hòa thượng cầm làn đi mua thức ăn tới, lại xông ra hỏi vội vã rằng: “Thầy đi đâu thế?” “Ta đi chợ mua rau!” Tiểu hòa thượng trả lời chậm rãi. Tiểu hòa thượng hỏi lại chẳng biết phải đối đáp sao.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu. Đúng như câu: Bò đê bồn vô thụ, Minh kính diệp phi đài. Bồn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai? (Bò đê vốn chẳng có cây, Gương sáng cũng không có đài. Bồn lai chẳng phải là một vật nào, đâu có bị nhuộm bụi trần).

-
1. Bát Cát ba lạp - một trong những Pháp khí của Phật giáo Tạng Truyền - Bát Cát ba lạp là Pháp khí những Yoga Vô thượng tu Mật tông sử dụng khi cử hành Sinh khởi thứ đệ. Bát Cát ba lạp là tiếng Tạng dịch từ Phạn ngữ, có nghĩa là xương sọ. Bát Cát ba lạp được làm từ xương đầu người, đa số là lấy thi thể của người chết, dựa vào di chúc của những cao tăng, đại đức lúc còn sống. Nó là một trong những Pháp khí thường dùng trong Phật giáo ở Tây Tạng.

TỰ TÍNH KHÓ TẶNG

Thiền sư Lương Khoan ở trong một lều tranh xơ xác dưới chân núi, cuộc sống vô cùng thanh bần. Một tối đi giảng kinh trở về, đúng lúc gặp một tên trộm vào lều, tên trộm thấy thiền sư, chẳng hề vội vàng, cũng không trốn tránh.

Thiền sư Lương Khoan lại nói với giọng hiền từ: “Nơi này e rằng chẳng có thứ gì có thể lấy được, duy chỉ có chiếc áo cà sa trên người lão nạp có thể tặng người.”

Tên trộm cảm lấy chiếc cà sa rồi chuồn mất.

Thiền sư Lương Khoan cười trần than rằng: “Chỉ trách ta chẳng thể nào tặng cho người vàng trắng sáng trong được!”

Vàng trắng sáng ở đây nhằm ngụ ý là tự tính, tự tính vốn sáng như trăng, là một vật quý vô giá, nếu có thể nhận ra tự vật quý trong “nhà” mình, đâu cần phải đi lấy đồ của người khác?

TRÍ TUỆ THIỀN:

Nỗi tiếc của thiền sư là, có thể tặng cho thế nhân những vật nhất thời, song không thể cho họ có được thứ

vĩnh hằng nhất – tự tính. Thật là một lời khuyên chúng sinh trong thiên hạ, người người đều có vật quý vô giá là Phật tính, có sao rơi vào kiếp đạo tặc?

PHẬT TÍNH CỦA CÂY

Một học sinh hỏi thiền sư Triệu Châu rằng: “Tâm pháp do tổ sư từ phương tây truyền sang là gì?”

Triệu Châu nói: “Đình tiền bách thụ tử.”

Tiếp theo có mấy người đều hỏi vậy, còn câu trả lời của Triệu Châu vẫn chẳng thay đổi. Vì thế có một học sinh hỏi ông: “Bách thụ tử có Phật tính chăng?”

Triệu Châu trả lời khẳng định rằng: “Có”.

Vì thế, học sinh liền hỏi lại: “Cây bách khi nào có thể thành Phật?”

Triệu Châu nói: “Chờ tới khi hư không rơi xuống đất thì thành Phật.”

Cây bách chờ tới khi khẳng định được mình, vấn đề này chẳng cần phải hỏi nữa, hỏi nữa chỉ tổ khiến cho học trò càng thêm phân biệt, tạo thành sự xa rời mà không khiết đạo thôi. Nhưng, học sinh vẫn chưa chịu, lại hỏi: “Khi nào hư không rơi xuống đất vậy?”

Triệu Châu nói: “Chờ tới khi cây bách thành Phật.”

Thiền gia cho rằng, các hiện tượng nơi trần thế được coi là một thứ thần tính được khẳng định. Mặc dù nó là

những vật vô tình, nhưng vô tình lại có thể thuyết pháp cho chúng sinh hữu tình, hai bên khẳng định sự tồn tại lẫn cho nhau. Đó chính là sức mạnh tinh thần đại từ đại bi.

Bởi thế, trong mắt của Thiền giả, bản thân một ngọn cỏ, một thân cây cũng có sự tồn tại của chúng.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Cuộc sống lành mạnh là một khát vọng, là một cuộc sống ý thức về tính tình. Con người không chỉ sống trong thế giới vật chất, mà còn phải sống trong các hiện tượng sinh mạng hữu tình – yêu thương và có ý thức.

MỘT BÁT NGHÌN NHÀ ĂN

Tính con người thích tự do, tự do chính là tâm hồn không chịu sự ràng buộc bởi thiên kiến, dục vọng và hư vọng trong lòng cái tôi, những tình cảm cuộc sống trào dâng trong lòng. Vì thế, nó có thể khẳng định cái tôi nội tâm, đưa ra những phán đoán tinh táo độc lập. Cuộc sống này không thấp chằng hèn, không gấp chằng chậm, lúc này có lẽ chỉ có thể dùng “tự tại” mới có thể biểu thị được tự do đó của tâm hồn và niềm hoan lạc tràn trề trong tim.

Một đệ tử hỏi thiền sư: “Tự do chân chính của nhân tính là gì?”

Thiền sư đáp: “Mây trôi mây về.”

Đệ tử không hiểu, vì thế thiền sư kể một câu chuyện rằng: ngày trước có mấy thương nhân muốn đi làm ăn xa. Vì đường lối không thuộc, mọi người sau khi bàn bạc tìm một người dẫn dắt rồi hồ hởi xuất phát. Một hôm, họ tới một nơi hoang vắng, nơi đó có một ngôi miếu thờ thần. Theo tập quán của họ thì phải giết đi một người để cúng, vậy mới được đi qua nơi này.

Các thương nhân tụ tập nhau lại cùng thương lượng và đều cho rằng mọi người là người thân của nhau, chỉ có

người dẫn đường là người ngoài, nên quyết định giết anh ta để cúng tế. Chờ tới lúc cúng xong, lại bắt đầu lên đường. Nhưng, vì không có người dẫn đường, họ lạc mất phương hướng, đi tới đi lui cho tới nơi hoang vắng rồi quay trở lại, cuối cùng mọi người đều chết vì mệt.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Hương đạo” trong câu chuyện giống như bản tính tự do của chúng ta. Nó có thể xuất phát từ những suy nghĩ hoặc phán đoán chính xác, vậy mấy thương nhân đó giống như sắc tướng căn trần của chúng ta, rất dễ cản trở tự tính, khiến cho mình mất đi năng lực tỉnh giác, rơi vào nơi hoang vắng của sự ngu mê.

-
1. Pháp loa - một trong những Pháp khí của Phật giáo Tạng Truyền - Pháp loa là một trong những nhạc khí bộ hơi được dùng trong Pháp hội. Trong Kinh Phật nói khi Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp giọng nói sang sảng, giống như âm thanh của loa biển dội về từ bốn phương, bởi vậy mà dùng nó làm Pháp âm. Nghe thấy tiếng của Pháp loa, mọi người có thể tiêu trừ được tội chướng, nhập vào thế giới cực lạc. Ngoài ra, trong nghi thức Quán đỉnh, nó cũng được coi là minh chứng cho việc bước lên Chánh giác. Pháp loa trắng muốt tinh diệu, hoa văn của loa được hình thành tự nhiên, chủ yếu là những đường xoắn từ trái qua phải, còn Pháp loa thường dùng là từ phải qua trái cực kỳ hiếm thấy.

TỰ ĐOẠN HY VỌNG

Một hôm, Phật Tổ nhìn xuống từ giếng địa ngục, chỉ thấy vô số những người trước kia vì mình gây ra nhiều tội ác, tà ác đang đau chịu khổ bởi ngọn lửa địa ngục thiêu đốt.

Bấy giờ, có một tên trộm nhìn thấy Phật Tổ từ bi liền cầu xin Phật Tổ cứu. Phật Tổ biết người này trước kia làm nhiều điều ác, hấn cướp tài sản của người khác, giết nhiều sinh linh. Nhưng, cũng chẳng phải hấn chưa từng làm bất cứ việc thiện nào. Một lần, khi hấn qua đường, đang định giẫm lên một con nhện nhỏ, bỗng trong lòng nảy sinh ý nghĩa thiện, chuyển vội bước chân, tha cho con nhện nhỏ đó. Đó là thiện nghiệp hiếm thấy trong đời hấn.

Nghĩ đến đó, Phật Tổ cho là hấn còn có chút tâm thiện, vì thế quyết định dùng sức mạnh của con nhện nhỏ đó để cứu hấn thoát khỏi biển khổ. Phật Tổ thả xuống một sợi tơ nhện từ trên miệng giếng, tên trộm dường như phát hiện ra vội cố cứu mệnh vạy, cố gắng ôm ghì lấy sợi tơ nhện, sau đó cố hết sức để trèo lên. Nhưng, những người khác đang chịu khổ sở trong giếng thấy cơ hội đó đều đeo bám sợi tơ nhện, bất kể tên trộm la bới chửi mắng thế nào, mọi người chẳng chịu buông tay.

Số người bám vào sợi tơ nhện càng nhiều dần lên, tên trộm vì lo sợi tơ nhện quá nhỏ, không thể chịu được sức nặng của nhiều người như vậy, nên đã bỏ đi hy vọng duy nhất thoát khỏi bẫy khổ của mình, và dùng dao chặt đứt sợi tơ nhện của mình. Kết quả, sợi tơ nhện bỗng nhiên biến mất, mọi người lại rớt xuống địa ngục vạn kiếp không rời. Tên trộm chẳng còn chút lòng thương xót sau cùng, Phật Tổ làm sao có thể cứu hắn được chứ?

Kỳ thực, sợi tơ nhện đã là của Phật Tổ giăng xuống, làm sao đứt nổi chứ?

Một việc thiện còn con con có thể cứu được rất nhiều sinh mạng; nhưng một tội ác nhỏ nhỏ càng có thể hủy hoại một hy vọng cực lớn. Nguồn thiện ở trong tim, là tập tính tích lũy lâu dài. Còn tội ác, chỉ là nhất niệm, tham lam, dục vọng tạo nên trong lòng, cuối cùng sẽ hủy diệt hết cả hy vọng.¹

-
1. Cuộc giao tranh giữa Phật và Đạo – Sau khi Phật giáo du nhập Trung Quốc, Nho, Đạo, Phật luôn nằm trong tình trạng xung đột và hòa nhập. Trong đó, cuộc xung đột giữa Phật giáo và Đạo giáo diễn ra kịch liệt nhất. Đạo giáo công kích Phật giáo trên các phương diện lý luận Cương thường, chính trị Vương đạo, biện luận Di hạ, đồng thời dựa vào thế lực vương quyền tiến hành “Tam Vũ diệt Phật”, tấn công mạnh mẽ vào thế lực Phật giáo. Đồng thời, Phật giáo cũng triển khai cuộc đấu tranh tương ứng nhắm vào Đạo giáo. Trong cuộc đấu tranh giữa Phật giáo và Đạo giáo, Đạo giáo cuối cùng không thể đuổi được Phật giáo ra khỏi Trung Quốc, và Phật giáo cũng chẳng hề bị tiêu diệt, đồng thời trong quá trình đó đã hoàn thành tiến trình bản thổ hóa Trung Quốc. Kết quả cuối

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên nói, cảm nhận sự tốt lành ở một cảnh giới khác dạy bạn cảm ngộ được thế giới này, cảm ngộ được nội tâm của bản thân, còn mọi thứ đó kỳ thực chính nằm trong lòng chúng ta.

cùng của cuộc đấu tranh giữa hai tôn giáo đã khiến cho Nho giáo trở nên đắc lợi.

HIẾU NHÂM

Có một người hết sức khôn khổ, vì anh thường nghi ngờ những người quanh mình, thậm chí tính toán chi li khi làm bất cứ việc gì, luôn luôn cảnh giác đến mệt, bởi thế anh đi tìm một thiền sư để thỉnh thị.

Sau khi gặp thiền sư, nói rõ tình cảnh và lý do mình đến và hỏi: “Đời người làm gì để có được sung sướng?”

Thiền sư nói: “Có lòng bao dung tự nhiên thấy nhẹ nhàng, mắt sáng tâm sẽ yên.”

Anh ta lại vô cùng hoài nghi, hỏi rằng: “Nếu người thân muốn hại mình thì làm thế nào?”

Thiền sư cười đáp: “Con người sẽ chẳng hại con, hại con chính là lòng của mình vậy.” Rồi lại nói: “Ta kể cho con nghe câu chuyện, con sẽ biết.”

Có một chàng trai kết hôn, sau đó sinh con, vợ anh vì khó sinh mà chết, để lại một đứa con trai. Anh bận rộn vì cuộc sống, vì không có người trông con, bèn dạy một chú chó. Chú chó đó khôn, biết nghe lời, có thể trông cho đứa trẻ, ngâm bình sữa cho đứa bé uống, vỗ về cậu bé.

Một hôm, chủ nhà đi vắng, tới thôn khác vì gặp tuyết lớn, hôm đó không thể về được. Hôm sau khi về nhà, chú

chó liền nghe thấy tiếng ra đón chủ. Anh ta mở cửa phòng vừa nhìn, khấp nơi là máu, nhìn lên trên, trên giường cũng đều là máu, con nhỏ chẳng thấy đâu, chó ở bên cạnh, đầy miệng là máu. Chủ thấy vậy cho là tính chó nổi lên, ăn mất đứa bé, trong lúc nổi giận đã cầm dao chém chết con chó.

Sau đó, bỗng nghe thấy tiếng đứa bé, rồi thấy đứa con bò từ trên giường xuống. Vì thế anh ôm lấy con. Mặc dù trên người đứa bé có máu, nhưng chẳng hề bị thương.

Anh lấy làm lạ, không biết rốt cuộc là chuyện gì. Rồi quay nhìn con chó, phát hiện trên đùi nó mất miếng thịt, bên cạnh có một con sói, miệng vẫn còn đầy thịt chó. Chủ chó đã cứu chủ, lại bị chủ giết nhầm.

Bấy giờ thiên sư lại nói: “Trên thế gian mọi sinh linh đều bình đẳng, chỉ vì suy nghĩ nhất thời mà giết hại sinh mạng, đó chính là nghiệp chướng của mọi sự, đừng vì nông nổi mà che mắt mắt, hãy nhớ lấy.” Con người này liền đốn ngộ.

Hễ hiểu nhầm, tức thì mãi chỉ nghĩ tới những sai lầm của người khác. Vì vậy, sẽ khiến cho hiểu nhầm càng thêm trầm trọng, dẫn tới chỗ không thể vớt vát được nữa. Con người hiểu nhầm đối với loài động vật vô tri còn dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đáng sợ thế. Vậy, hiểu lầm giữa người và người thì hậu quả càng khó tưởng tượng hơn.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên nói, con người thế gian đều là vì lòng có nỗi hoài nghi, nên không thể biết và hành động được. Bởi thế, nếu có thể nhìn thấu, bỏ qua, tất sẽ có dũng khí, có quyết tâm hoàn thành mọi việc.

SỨC HẤP DẪN CỦA THIỀN

Thiền là một tấm gương, nó có thể chiếu sáng tâm cảnh của con người; Thiền là một ngọn đèn, có thể dẫn đường lòng cho con người. Thiền là một sự thể nghiệm sâu sắc về tâm hồn. Mặc dù con đường vô hình này không dễ vượt qua, nhưng hễ ngộ Thiền sau khi đã vượt qua thì sẽ đạt tới cảnh giới chân thực, cảm hóa con người hết sức.

Có một nữ thí chủ, gia cảnh vô cùng giàu sang, bất kể về mặt tài chính, địa vị, năng lực, quyền lực và vẻ đẹp bề ngoài đều không ai có thể so bì, nhưng cô lại u buồn vờ vợi, chẳng có lấy một người tri kỷ. Vì thế cô tới thỉnh giáo thiền sư Vô Đức, làm thế nào mới có thể có sức hấp dẫn để được người khác thích mình.

Thiền sư Vô Đức nói với cô rằng: “Con có thể hợp tác với bất cứ ai mọi lúc mọi nơi và có tấm lòng từ bi như Phật, nói những lời Thiền, nghe âm thanh Thiền, làm việc Thiền bằng trái tim Thiền thì con có thể trở thành người có sức hấp dẫn.”

Sau khi nữ thí chủ nghe xong, hỏi: “Lời Thiền nói như thế nào?”

Thiền sư Vô Đức nói: “Lời Thiền chính là những lời hay ý đẹp, những lời nói chân thật, khiêm tốn, có lợi cho người.”

Nữ thí chủ lại hỏi: “Âm thanh Thiền nghe ra sao?”

Thiền sư Vô Đức nói: “Âm thanh Thiền biến hóa mọi âm thanh thành thứ vi diệu, biến những tiếng chửi bới thành âm thanh từ bi, những âm thanh phỉ báng thành âm thanh giúp đỡ, tiếng khóc gào, thô thiển, con đều có thể tiếp nhận, vậy chính là âm thanh Thiền đó.”

Nữ thí chủ lại hỏi: “Việc Thiền làm thế nào?”

Thiền sư Vô Đức nói: “Việc Thiền chính là bố thí, từ thiện, phục vụ, phù hợp với việc của Phật pháp.”

Nữ thí chủ hỏi thêm: “Tâm Thiền là gì?”

Thiền sư Vô Đức đáp: “Tâm Thiền chính là trái tim chung giữa con và ta, trái tim đồng nhất giữa thánh và phàm, trái tim bao dung tất cả, trái tim phổ độ tất cả.”

Sau khi nữ thí chủ nghe xong, liền thay đổi tính tình trước kia của mình, không còn khoe khoang tiền của trước mọi người, không kiêu căng vì nhan sắc của mình, khiêm nhường, lễ độ với mọi người, đối với người thân đặc biệt quan tâm, ân cần, ít lâu sau được liệt vào danh sách “Thí chủ có sức hấp dẫn nhất”!

Bởi vậy, Thiền là một đạo lý, một trí tuệ, một phương thức tư duy. Trong tiết tấu xã hội gia tăng hiện nay càng

cần chúng ta phải thường xuyên thẩm thị mình, chăm sóc tâm hồn của bản thân. Để lại cho tâm hồn cứu cánh nhất định, thì tia lửa trí tuệ mới có thể sản sinh được.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên là cuộc sống. Cuộc sống có Thiên thì sẽ có pháp lực vô biên, được con người tôn kính, được quý trọng ở mọi nơi; có Thiên, tiền đồ của bạn sẽ xán lạn rạng ngời.

NGHIÊM SƯ NGHI SƠN

Vào tháng chạp giá rét, có một vị hòa thượng tên là “Đích Thủy” tới chùa Thiên Long thăm thiền sư Nghi Sơn. Vị, gia phong của Nghi Sơn thâm nghiêm, kín cẩn, không tiếp người tùy tiện. Đối với những thiền giả du phương vân thủy thường thường cho ở hết và không cho những người hành hương ngủ nhờ.

Bên ngoài đồ tuyết lớn, nhưng thiền sư Nghi Sơn lại không cho thầy ta vào cửa. Vị hòa thượng đó quỳ ở ngoài cửa, quỳ tới ba ngày. Mặc dù tuyết đã ướt đẫm người, thầy cũng chẳng thềm nhúc nhích. Đệ tử của Nghi Sơn thấy bộ dạng tội nghiệp, nhao nhao đi xin cho, nhưng Nghi Sơn lại nói: “Chỗ ta ở đây chẳng phải nhà trọ, không nhận những người chẳng có chỗ ở!” Các đệ tử chẳng biết làm thế nào, đành lui ra.

Tới ngày thứ tư, những chỗ bị gió lạnh thổi rách trên người vị hòa thượng đó bắt đầu rỉ máu, cứ đổ xuống rồi dựng dậy hết lần này tới lần khác, nhưng thầy vẫn quỳ trước sấm đôn. Nghi Sơn ra lệnh cho các đệ tử không mở cửa, nếu không sẽ đuổi đi hết.

Ngày thứ bảy, vị hòa thượng đó cuối cùng không chịu nổi, đổ xuống, Nghi Sơn ra xem thử hơi thở, thấy vẫn

còn chút hơi thở, bèn ra lệnh đỡ lên. Cuối cùng Đích Thủy được vào cửa của thiền sư Nghi Sơn tham học.

Đích Thủy học hành khổ luyện ở chỗ thiền sư Nghi Sơn, có một lần thỉnh thị rằng: “Vô tự và Ban nhược có gì khác biệt?”

“Tiểu bối ngạo mạn này! Vấn đề đó người có thể hỏi được sao? Trong tiếng gầm lên, Nghi Sơn đánh cho một chưởng. Và đuổi Đích Thủy ra khỏi Pháp đường. Đích Thủy vô cùng buồn rầu, trở về Tăng đường. Tiếng đóng cửa đập vào tai, Đích Thủy bỗng khai ngộ nói: “Có và Không đều là lớp da ý thức mỏng của mình, anh nhìn thì ta có, ta nhìn ta Không.”

Còn có một lần, Đích Thủy dùng giấy trắng hỷ mũi, thiền sư Nghi Sơn rất không khách khí nói: “Mũi của thầy quý đến thế sao? Giấy trắng sạch có được chẳng dễ, chẳng phải thầy đang chà đạp giấy trắng sao hay tu hành gì vậy?”

Rất nhiều Học tăng đều không chịu được thiền phong lạnh lùng này của Nghi Sơn và rút lui, chỉ có Đích Thủy kiên trì, và nói: “Tăng có ba loại: Loại hạ đẳng nhờ ảnh hưởng của thầy mà phát dương bản thân; Loại trung đẳng hâm mộ lòng từ bi của thầy, luôn quán quýt theo sư phụ; Loại thượng đẳng trưởng thành từng bước theo búa dùi của thầy để tìm khoảng trời cho mình.”¹

1. Tôn xưng đối với Tăng nhân và Cư sĩ – (1) Pháp sư là người thường tu Phạn hạnh, thông hiểu Phật pháp và có thể dẫn dắt, giáo

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền sư Đích Thủy là hạng tăng Thượng đẳng, vì thầy có thể trưởng thành từng ngày theo búa dùi, bởi vậy mới nói roi vọt quất vào bạn thường chỉ làm cho đầu bạn càng ngẩng cao hơn, lưng càng uốn thẳng hơn.

hóa chúng sinh tu hành. (2) “Tam Tạng Pháp sư” còn gọi là Tam Tạng Tỳ Khâu, Tam Tạng Thánh Sư hoặc gọi tắt là Tam Tạng, là tôn xưng đối với người tinh thông Kinh, Luật, Luận trong Thánh điển Phật giáo; (3) “Thiền sư” là Tỳ Khâu (kheo) chuyên tâm tọa Thiền, thông hiểu Thiền định; (4) “Luật sư” còn gọi là Trì luật sư, Luật giả, nhằm chỉ những tăng nhân chuyên nghiên cứu, giải thích, đọc tụng Giới luật; (5) “Đại sư” (Đại Đức) là bậc thánh nhân từ Sơ quả trở lên cho tới Chư Phật Bồ Tát, thậm chí Sư Phạm Phương trong chúng sinh được gọi là “Đại sư”.

NƯỚC CHẾT KHÔNG CHỨA RỒNG

Thiền sư Lương Sơn Duyên Quan là người đầu thời Tống, sống ở Lương Sơn, Hồ Nam, làm Phó pháp cho thiền sư Đại Dương Cảnh Huyền, có Kệ rằng: “Lương Sơn nhất khúc ca, Cách ngoại nhân nan hòa, Thập tải phòng tri âm, Vị thường phùng nhất cá.”

Một hôm có một Học tăng tới thỉnh thị ông: “Tri âm nan phùng, là điều đáng tiếc trong đời, nhưng giặc nhà khó phòng càng khiến cho chúng ta khốn đốn. Làm thế nào để phòng được giặc nhà, xin thầy nói cho một câu?”

Thiền sư Duyên Quan đáp: “Biết người, hiểu người, thay đổi người, vận dụng người, hà tất đề phòng người?”

Học tăng hỏi: “Nhà binh dễ sử dụng, giặc nhà làm sao dùng?”

Thiền sư Duyên Quan nói: “Mời họ tới ở nước Vô Sinh.”

Học tăng hỏi thêm: “Chẳng lẽ ngay cả chốn an thân cũng không có chăng?”

Thiền sư Duyên Quan nói: “Nước chết chẳng chứa rồng?”

Học tăng hỏi: “VẬY, nước sống có rồng là thế nào?”

Thiền sư Duyên Quan đáp: “Mây vui không nả mù.”

Học tăng chưa đã, hỏi tiếp: “Bỗng gặp lúc mây vui tới mức đổ mưa thì thế nào?”

Thiền sư Duyên Quan xuống giường tóm lấy Học tăng nói: “Chớ làm ướt cà sa của lão tăng!”

Vương Dương Minh Tăng là cao thủ của Thiền môn, ông nói: “Phòng giặc trên núi dễ, phòng giặc trong lòng khó.” “Tâm như quốc vương có thể thi hành lệnh, tâm như oan gia thực khó phòng.” Khi mà tâm Thiền của chúng ta thực sự chưa đạt, vọng tâm vô danh quả thực khó dự phòng. Nhưng, thiền sư Duyên Quan nói rất hay rằng, biết người, hiểu người, hóa người, dụng người, bắt tất phòng người! Thực như trừ được cái họa nơi biên phòng của quốc gia, mà Gia Cát Khổng Minh đã bảy lần tha cho Mạnh Hoạch, dùng biện pháp cảm hóa hẳn mới có thể dẹp được hậu họa mãi mãi.¹

1. Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – tháp chùa Vĩnh Ninh. Tháp chùa Vĩnh Ninh được xây dựng vào năm đầu Hy Bình, Bắc Ngụy (516), nay đã không còn tồn tại, di chỉ ở phía đông thành phố Lạc Dương ngày nay. Theo ghi chép, tháp cao 49 trượng hoặc hơn 40 trượng, tức trên 100m, là tháp Phật vĩ đại nhất thời cổ đại. Tháp chùa Vĩnh Ninh có mặt bằng thẳng thắn, mỗi mặt, mỗi tầng đều có ba cửa, sáu cửa sổ. Trên tháp sắt có treo chuông vàng, cùng với

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm ở đâu mới tốt, nước Vô Sinh chính là tâm sinh không chốn trú ẩn, trú bằng không ở. Tâm không thể ở yên ổn trong thân Ngũ uẩn hay cảnh Lục trần, vì nơi nước chết này không thể có rồng, giả sử mây vui, Chân long phun mưa, không thể ướt mát áo cà sa của Lão tăng.

binh Kim bảo. Dưới Kim bảo có bốn đường sắt dẫn tới bốn góc tháp, trên đầu mỗi đường cũng có treo chuông vàng. Buổi chiều gió nhẹ lay động, ngoài xa hơn 10 dặm cũng có thể nghe thấy. Tháp được trang trí rất đẹp, xung quanh cột trụ thêu gấm, phết son, trên cửa có đỉnh vàng ngũ hành và vòng vàng làm tay nắm. Tháp chùa Vĩnh Ninh xây dựng ở trung tâm chùa Vĩnh Ninh, bốn bên được bao bọc bởi hành lang, cửa, điện, là đại diện tiêu biểu trong các chùa Phật có tháp trung tâm thời kỳ đầu.

THIÊN CHẶNG TRANH BIỆN

Có đứa bé 7 tuổi thường tới tìm thiền sư Vô Đức nói năng linh tinh, nhưng thiền sư Vô Đức lại cho rằng đứa trẻ này khôn ngoan bất phàm, lời nói có ý, thường tiếm ẩn vị Thiên.

Một hôm, thiền sư Vô Đức nói với cậu bé rằng: “Lão tăng hằng ngày rất bận rộn, không có thời gian ở đây chuyện trò với con. Giờ ta lại tranh luận với con này, giả sử con thua, con phải đi mua bánh cúng dường cho thầy; còn thầy thua, thầy phải mua bánh để kết duyên với con.”

Đứa bé nghe xong, nói: “Vậy thầy hãy lấy tiền ra trước đã!”

Thiền sư Vô Đức nói: “Quan trọng nhất là tranh biện thua mới cần tiền, thắng chẳng thành vấn đề. Trước tiên giả định lão tăng ta là một con gà trống.”

Đứa bé nói: “Con là con trùng nhỏ.”

Thiền sư Vô Đức nhân cơ hội nói: “Thế hả, con là con trùng nhỏ, con phải mua bánh cho gà trống lớn này ăn đi!”

Đứa trẻ chẳng chịu, cãi: “Không được, thầy ơi! Thầy phải mua bánh cho con mới phải, thầy là gà trống lớn, con là con trùng nhỏ, con nhìn thấy thầy, con có thể bay, vì thế,

giữa thầy trò không thể tranh cãi được! Vậy chẳng phải thầy thua rồi sao?”

Thiền sư Vô Đức nắm lấy tay đứa trẻ, dẫn nó đi xem rất nhiều người. Thiền sư Vô Đức nói: “Vấn đề này giống như chiến tranh và chính trị, giả dụ Nha môn nói chung không thể phán xét được thì phải mời dân làng tới phán quyết. Ở đây có 300 dân làng, trong đó ai không thể nói được thì không có được bảo hộ, thế nhé các người! Mời các vị phán quyết giúp lão tăng và đứa trẻ, giữa khách chủ chúng ta ai có lý?”

Mọi người chẳng thể phán quyết được, vì thế thiền sư Vô Đức nghiêm chính, can trọng nói: “Chắc phải là thiền sư Trọn Mắt mới phán quyết nổi.”

Sau 3 hôm, nhân tài cả chùa chú ý tới, thiền sư Vô Đức lên mua bánh cho đứa bé 7 tuổi.

Gà trống và con trùng nhỏ, đôi Thiền giả già nhỏ này, giữa họ nhất định có rất nhiều chuyện thú vị.

Thiền sư Vô Đức ban đầu muốn thắng đứa bé 7 tuổi, nhưng đứa bé 7 tuổi tự nguyện làm một con trùng nhỏ yếu ớt, gà trống lớn thò mỏ ra mổ, trùng nhỏ chính là món ăn hợp khẩu vị nhất. Nhưng, trùng nhỏ có thể bay, tượng trưng cho cuộc tranh luận không thể được thực hiện, bởi vậy, Thiền là thế giới không thể tranh luận.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Trong Thiên chẳng có lớn nhỏ, dài ngắn, thị phi, tốt xấu, đương nhiên cũng chẳng có thắng, thua, Thiên chính là thế giới không tranh biện.

NHÂN QUẢ CỦA LƯỠI

Thiệt (lưỡi) là một trong Lục (6) căn, vì lưỡi mà sinh họa, vì những chuyện lưỡi sinh ra họa, sử sách đã có vô số. Còn chúng ta là chủ nhân chúa tể của lưỡi, lưỡi hành sự theo mệnh lệnh, nói những lời chúng ta muốn mà chẳng phải nó muốn chúng ta nói. Bất hạnh là, đối với đại bộ phận con người, lưỡi trở thành chúa tể, còn họ dường như không thể nào ra lệnh được cho lưỡi uốn. Sự thiếu kiểm soát này thường dẫn đến những tai nạn lớn.

Trước kia có vị tăng lữ, đồ đệ của ông là Lãn Trùng, thường ngủ tới trưa. Có một hôm ông gọi đồ đệ dậy và nói lớn rằng: “Con còn ngủ, đến rùa cũng đã bò tới bên bờ ao phơi nắng rồi!”

Bấy giờ, có người nghĩ muốn bắt rùa cho mẹ chữa bệnh, sau khi nghe thấy tăng lữ nói, liền vội tới bên bờ ao. Quả nhiên, có rất nhiều rùa đang nằm dưới ánh mặt trời. Cậu bắt mấy con rùa về nấu canh cho mẹ. Vì muốn cảm tạ tăng lữ, cậu đem ít canh rùa cho ông. Tăng lữ lại cảm thấy áy náy đối với cái chết của rùa, vì thế thề rằng sẽ không nói nữa.

Vài ngày sau, vị tăng lữ đó ngồi ở trước chùa trông thấy một người mù đang đi về phía ao. Ông vốn muốn gọi

người mù đừng tiến lên phía trước nữa, nhưng nhớ tới lời thề của mình, quyết định giữ im lặng.

Đang lúc cuộc chiến diễn ra trong lòng ông, người mù lại bị ngã xuống ao. Sự việc này khiến cho tăng lữ vô cùng đau khổ, ông mới hiểu được rằng con người sống trên thế gian này không thể cứ giữ im lặng mãi hay thao thao bất tuyệt được.

Phạm sai lầm là chuyện thường tình, khoan thứ là một thứ siêu phàm. Không chỉ phải học khoan dung cho người, mà còn phải khoan thứ cho mình.

Lưỡi mọc trong miệng mình, chúng ta phải làm được việc là trở thành chúa tể của lưỡi, và đừng để nó làm chúa tể của tâm hồn mình, nói điều cần nói, phải lời nói có trí tuệ. Như vậy, mới không bị phúc họa liên lụy.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Chúng ta phải sử dụng trí tuệ mới có thể tồn tại trên thế gian này. Nghệ thuật ăn nói nằm ở những điều thầm thì, nhỏ nhẹ có lễ độ, không thể ăn nói gàn dở. Giả sử chúng ta muốn tránh tranh chấp hoặc bình phẩm phải học cách nói những lời thỏa đáng trong điều kiện phù hợp.

TÂM CHẴNG BẰNG CHÚ HỀ NHỎ

Con người tu tập theo bầy, một trong những đặc điểm của con người là lấy lạc thú làm vinh quang và được chấp nhận. Thành tựu được coi là thỏa mãn sự thành công, khoái lạc, một bộ phận lãnh hội được hàm nghĩa của sự tồn tại, “nhìn thấu hồng trần, đón nhập cửa Không, đệ tử nhà Phật lấy Thiền làm đức, lục căn thanh tịnh, tâm vô tạp niệm, trong lòng hướng tới Phật”, cũng coi như bộ phận hiểu được ý nghĩa chân thật của nhân gian.

Thiền sư Bạch Vân Thủ Đoan tham thiền ở chỗ thiền sư Phương Hội, rất lâu không thể nào khai ngộ, thiền sư Phương Hội rất lâu chưa tìm được cơ hội giúp đỡ.

Một hôm, thiền sư Phương Hội nhân cơ hội ở quảng trường trước chùa nói chuyện chơi với thiền sư Thủ Đoan. Thiền sư Phương Hội hỏi: “Thầy có nhớ sư phụ mình khai ngộ ra sao không?”

Bạch Vân Thủ Đoan đáp: “Thầy tôi vì hôm đó ngã một cái mới khai ngộ, sau khi ngộ đạo, thầy nói một bài Kệ: “Ngã hữu minh chu nhất khóa, Nhập bị trần lao phong tỏa. Nhi kim trần tận quang sinh, Chiếu phá sơn hà vạn nhĩ.”

Sau khi thiền sư Phương Hội nghe xong, cố ý cười giỡn đẽ Bạch Vân Thủ Đoan lấy làm lạ, trong bụng nghĩ: “Chẳng lẽ ta nói không đúng sao? Đã bị sai ở đâu nhi? Tại sao thầy cười giỡn ta thế?”

Bạch Vân Thủ Đoan không quên được tiếng cười của thiền sư Phương Hội, vài ngày sau, đến cơm chẳng buồn ăn, trong lúc ngủ thường bị tiếng cười của thiền sư Phương Hội làm giật mình tỉnh giấc. Thầy chẳng chịu được bèn tới thỉnh cầu thầy minh thị. Thiền sư Phương Hội nghe thầy thổ lộ nỗi khổ mấy ngày nay. Khai đạo nói: “Con đã xem chú hề biểu diễn khi trên quảng trường trước chùa chưa? Chú hề giải thuật mô hôi đằm đi chỉ vì muốn được một tiếng cười của người xem. Hôm đó ta cười với thầy, thầy không chỉ không thích, ngược lại còn suy nghĩ kém ăn, đêm ngủ bất an. Người chú ý tới ngoại cảnh như thầy chẳng bằng chú hề diễn khi, làm sao thấu được Thiền pháp vô tâm vô tướng chứ?”

Con người thường chúng ta chẳng phải vậy sao, thường vui buồn trước tiếng cười tiếng giỡn của tha nhân, đặt hạnh phúc ở thế giới biến ảo ngũ dục, chúng ta thường đẽ bụng một lời nói, buồn thiu vì một việc, hồn siêu phách lạc vì một người, đau khổ suốt đời vì một ý niệm sai.¹

1. Tháp chùa Sùng Nhạc – Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc - Tháp chùa Sùng Nhạc là tháp ngôi dạng hiên dày hình đa giác lâu đời nhất hiện còn tồn tại ở Trung Quốc. Tháp này nằm ở khu vực cách phía tây bắc huyện thành Đãng Phong 6km, trong chùa Sùng

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tăng thêm một phần định lực đối với ngoại cảnh thì sẽ giảm đi một phần đau khổ, có thể bỏ bớt một phần so sánh thị phi, tức có thể xa lánh được chuyện người phiền phức. Vô tâm, hằng ngày như được tắm gội gió xuân, lúc nào cũng mát mẻ, không ưu tư.

Nhạc, Nam Lộc núi Thái Thất, được xây dựng vào năm đầu Chính Quang vua Hiếu Minh Bắc Ngụy (520). Trên dưới tháp chùa Sùng Nhạc phủ kín ngói, tầng lớp bố trí mái dày đặc, bên ngoài phết tro trắng, trong loại lâu các, ngoài dạng mái dày, cao tất cả khoảng 41m, rộng 33.72m, thân tháp hiển hiện mặt bằng với 12 góc, tòa tháp giữa là dạng bát giác chính, tòa tháp rộng 7.6m, tầng trệt tường ngói tháp dày 2.45m. Trên dưới cả tòa tháp ăn thông với nhau, dạng hình ống tròn. Tháp chùa Sùng Nhạc xét về mặt nghệ thuật kiến trúc hay kỹ thuật kiến trúc đều là một tác phẩm quý giá trong lịch sử kiến trúc cổ đại của Trung Quốc và thế giới.

TỊNH THỔ TRONG TÂM

Thiền nói, cầu Phật ở trong tính, đừng hướng ra ngoài thân. Tự tính mê tức là chúng sinh, tự tính giác tức là Phật. Có nghĩa nói, làm người tốt tức là thành Phật, chẳng hề cần phải tu ngoài hay cầu ngoài.

Có người hỏi Lục Tổ rằng: “Thường thấy tăng nhân hoặc tục sĩ niệm kinh, cầu Bồ Tát phù hộ vãng sanh Tây Phương. Loài người chúng ta rốt cuộc có thể vãng sanh Tây Phương được không?”

Lục Tổ nói: “Tây Phương gì? Vốn chẳng có chốn gọi là Tây Phương. Tịnh thổ cuối cùng là ở trong tâm chúng ta. Tâm ta chính là Phật.”

Lục Tổ lại nói tiếp: “Người mê niệm Phật cầu sinh ở đây. Người ngộ tự làm trong sạch tâm mình. Bởi thế Phật nói, Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật thổ tịnh.”

Tâm tịnh người phương Đông tức là Tịnh thổ sinh, tâm người Tây Phương bất tịnh cũng công toi, người Phương Tây tâm không tịnh cũng chẳng là Phật. Phạm phu tục tử chẳng biết tâm tức là đạo lý của tịnh thổ, niệm Phật cầu Kinh, muốn vãng sanh Tịnh thổ, thực tế đối với người đại tuệ mà nói, “Tùy sở trú xứ tức an lạc”.

Có người cũng từng hỏi thiền sư: “Đệ tử thường thấy tăng tục niệm A Di Đà Phật, nguyện sinh Tây Phương. Như vậy có thể vãng sanh Tịnh thổ, đúng không? Có thể được hay không?”

Thiền sư nói: “Thứ nhất, Tịnh thổ chẳng hề xa xôi, Tịnh thổ chính ở trong lòng, chẳng cần phải đi đâu tìm cầu cả. Thứ hai, người có hiền ngu, người hiền cho rằng Phật trong tâm, người ngu cho là Phật ở ngoài xa vạn dặm, bởi thế, người mê niệm Phật cầu sinh ở đó; kẻ ngộ tự làm trong sạch tâm mình, bởi vậy Phật nói: “Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật thổ tịnh.” Nếu nói Tịnh thổ chỉ là khoảng cách xa gần, vậy người ở ngay tại Tây Phương đều là Phật cả sao? Sự thực chẳng phải như thế.”

Thiền sư lại nói: “Ở nơi nào cũng có thể an lạc, nếu tâm địa con người thiện, thế thì Tịnh thổ ở Tây Phương đâu có xa xôi gì. Nếu trong lòng chẳng thiện, dù có niệm Phật thế nào cũng chẳng đạt được. Bởi vậy trước tiên hãy diệt trừ Thập ác, sau trừ Bát tà, giúp cho tâm bình lặng, dần dần có thể thấy được Di Đà.”

Lục Tổ từng nói: chẳng thấy thị phi, thiện ác, sai lầm nơi con người, cũng chẳng nói chuyện thị phi, này nọ của tha nhân, tâm sẽ tịnh; nếu chấp vào 2 chữ Tâm và Tịnh cũng sẽ làm cản trở con đường tu hành.¹

1. Tháp Đại Nhạn – Một trong những tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc - Tháp Đại Nhạn chùa Từ Ân nằm ở trong chùa Từ Ân thành phố Tây An, bắt đầu xây dựng vào năm 652. Tương truyền phương

TRÍ TUỆ THIÊN:

Hòa thượng Tế Công người Trung Quốc mọi người đều cho rằng ông là Phật, trước tiên vì ông là một người tốt hành thiện trừ ác.

trượng, Trụ trì đầu tiên chùa Từ Ân Pháp sư Huyền Trang (Đường Tam Tạng) sau khi qua An Độ trở về, vì muốn cung phụng và cất giữ những kinh điển chữ Phạn và Xá lợi, tượng Phật đã đích thân thiết kế và giám sát xây dựng. Tháp Đại Nhận là tòa tháp ngôi dạng lầu các, tháp cao hơn 60m, nền tháp dài 25m, tất cả có 7 tầng, thân tháp hình trụ vuông. Toàn tháp dùng gạch mài để rấp khít, trên tường ngôi lộ góc trụ, có thể phân biệt rõ bề ngang giữa tường, thể hiện phong cách nghệ thuật kiến trúc truyền thống Trung Quốc, là kiến trúc tiêu biểu của thành phố Tây An. Đường Cao Tông và Đường Thái Tông từng đích thân viết “Đại Đường Tam Tạng thánh giáo tự bi” và “Thuật Tam Tạng thánh giáo tự ký bi”.

PHÁP MÔN TRONG THIỀN

Nó là tám vạn bốn nghìn trí tuệ sản sinh từ Tự tính Ban nhược tới diệt trừ tám vạn bốn nghìn phiền não hồng trần. Nó có thể giúp con người lãnh ngộ được nguyên lý Trung đạo, tìm thấy phương pháp thích hợp với bản thân.

Phật Tổ tỉnh tọa trong Tịnh xá, có một người mặt mày ủ rũ quỳ mãi trước Phật Tổ, chờ Phật Tổ khai thị.

Không lâu sau, Phật Tổ mở mắt ra, hỏi: “Con có việc gì vậy? Cứ hỏi đi.”

“Phật Tổ! Sau khi con tin Phật giáo, cha con rất không tán thành. Người cho rằng Giới luật trong Phật giáo rộng rãi, quá nghiêm khắc, làm sao có thể thọ trì được hết, chi bằng đừng học thì hơn. Ông cướp lời đoạt lý kiên trì kiên giải của mình, con đã cố hết lời, ông vẫn không chịu chấp nhận. Con sợ cha sẽ lụy kiếp lưu chuyển sinh tử, rơi xuống ác đạo chịu khổ, nên cầu xin Phật Tổ độ hóa cho cha con.”

Phật Tổ nói: “Cha con là người Lợi căn, chỉ cần con kể câu chuyện này cho ông nghe, ông nhất định sẽ cải tà quy chính, chuyên mê thành ngộ.”

“Là câu chuyện gì, xin Phật Tổ khai thị.”

Vì thế, Phật Tổ kể câu chuyện thế này: Có một người đại khờ đi nhiều ngày nơi hoang dã, chẳng có giọt nước vào miệng, khát khô hai mắt sa sầm, người toát hết mồ hôi, nóng lên, men theo đường tìm nguồn nước, nhưng tìm không thấy.

Bỗng trong thấy một con sông từ đằng xa. Nước sông thanh khiết, trong vắt. Song, ông đứng nửa ngày, lại không muốn tới lấy nước uống. Bấy giờ người cùng đi cảm thấy buồn bực, bèn tiến lên hỏi: “Anh chẳng phải đang khát nước sao? Có gì tìm được nước mà chẳng chịu uống thế?”

Người đại bốp cổ họng khô rát nói: “Anh không biết đó, nước nhiều như thế, tôi uống hết làm sao được? Tôi sợ bụng mình đựng không được nhiều nước như vậy, nên dứt khoát không uống nữa.”

Người đi đường nghe thế, không dừng được lắc đầu than: “Thật đúng là người vô tri, đáng thương biết bao!”

Sau khi nghe câu chuyện đó, chàng trai liền quay về nhà nói với cha. Cha nghe xong liền đại ngộ, vì thế bèn cùng con học Phật hướng đạo.

Đó chính là điều Phật pháp nói rằng “tất cả đều là hư vô, chẳng có tương đối, cũng không có tuyệt đối. Tám vạn bốn nghìn Pháp môn mà Pháp môn Bất nhị là Pháp môn thứ nhất, con người hễ một ngày nhập môn thì bước vào cảnh giới Niết bàn vượt qua sinh tử, có thể trở thành Phật. Bất nhị là một ý niệm sâu sắc vô cùng, cũng chẳng phải

thứ ngôn ngữ của chúng ta có thể nói rõ. Nói một cách đơn giản, chẳng phải Một, chẳng phải Hai, chẳng có sự phân biệt giữa đây và đó thì là Bất nhị.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Nhuộc Thủy ba nghìn dặm, mức lấy một gáo uống có thể giải trừ được cơn khát. Mặc dù Phật pháp có tám vạn bốn nghìn Pháp môn, nếu có thể thành thực phụng sự một Pháp thủy chung, thì có thể thu được lợi ích.

-
1. Tháp Tứ Môn – Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc - Tháp Tứ Môn được xây dựng vào năm Đại Nghiệp thứ 7 triều Tùy, tức năm 611, là tháp đá lâu đời nhất hiện còn tồn tại ở Trung Quốc, cũng là tháp Phật đình các sớm nhất ở trong chùa Thần Thông thành Lịch, Sơn Đông. Tháp Tứ Môn có dạng hình vuông, toàn bộ là kết cấu đá, có một tầng, bảo tháp Xá Lợi có dạng đình các, được tổ hợp bởi nền tháp, thân tháp, hiên tháp và đỉnh bảo. Tháp Tứ Môn cao 15.04m, thân tháp mỗi bên dài 7.4m, toàn bộ được xây bởi đá xanh có khắc hoa văn Kỹ hà. Trong tháp có tạc tượng, điêu khắc tinh tế truyền thần, đao pháp uyển chuyển, hoa văn trang sức sáng sủa, là hiện vật quý giá hiếm có về điêu khắc, tạc tượng Phật giáo và có giá trị nghiên cứu lịch sử Phật giáo.

SỰ KỲ DIỆU CỦA THIỀN

Có một Tú tài ở trong chùa học tập, tự giác nghe ngóng sáng suốt, thường tranh biện với thiền sư Triệu Châu về Thiền cơ. Một hôm cậu hỏi thiền sư rằng: “Phật Tổ từ bi, khi phổ độ chúng sinh thường nương theo tâm nguyện của mình, không đi ngược lại điều chúng sinh mong ước, không biết có thật như vậy không?”

Thiền sư Triệu Châu đáp: “Đúng vậy!”

Tú tài lại nói: “Con rất muốn có cây trượng đó trong tay của thiền sư, không biết có thể mãn nguyện được chứ?”

Thiền sư Triệu Châu liền từ chối, nói: “Quân tử không đoạt nghĩa lý tốt của người, con hiểu không?”

Tú tài nhân đó cãi rằng: “Con không phải là quân tử.”

Thiền sư Triệu Châu nói phủ đầu rằng: “Ta cũng chẳng phải là Phật.”

Mặc dù Tú tài không cho là đúng, nhưng chịu thua.

Rồi một hôm, khi Tú tài tọa Thiền, thiền sư Triệu Châu đi qua từ bên cạnh cậu, cậu nhìn thiền sư hề như chẳng thèm đếm xỉa. Thiền sư Triệu Châu trách rằng: “Chàng trai thấy trưởng giả làm không đứng dạy lễ phép nghênh đón!”

Tú tài học thiên sư nói: “Con ngồi nghênh tiếp thầy, cũng giống như đứng dậy đón tiếp thầy vậy!”

Thiên sư Triệu Châu nghe rồi bỗng tiến lên tát cậu một cái!

Cậu nổi nóng, quở thiên sư Triệu Châu: “Sao thầy đánh tôi?”

Thiên sư Triệu Châu ôn hòa đáp: “Ta đánh con như chẳng đánh con vậy!”

Thiên sư Triệu Châu dùng cách gậy ông đập lưng ông, khiến cho Tú tài chẳng biết đầu cua tai nheo ra làm sao, nhưng dường như ngộ ra.

Rồi có người vẽ cho Triệu Châu một bức chân dung, dâng lên cho Triệu Châu. Triệu Châu nói: “Giả sử bức chân dung này thực giống như ta, xin hãy giết ta đi, nếu không xin hãy đốt nó đi.” Hình tượng Triệu Châu chỉ là một thực thể sinh diệt được sinh ra từ Duyên khởi; chẳng hề là Triệu Châu thật. Chân dung của Triệu Châu chỉ là hình tượng giống Triệu Châu mà thôi và khác với Triệu Châu thật. Vì, Triệu Châu thật vượt qua hình tượng, cũng là thứ không thể đối đãi. Giả sử bức chân dung thực có thể đại diện cho Triệu Châu, vậy chẳng phải hóa ra có hai Triệu Châu. Đã khu biệt thì không thể siêu việt, bởi thế chỉ có thể để lại một và bỏ đi một.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên rất kỳ diệu, cái gọi là Đạo có ở mọi nơi, hiện lên ở bất cứ chốn nào. Tâm vượt ra ngoài hình tướng mới là gặp được cái tôi tự tính chân thực.

VÔ HÌNH VÔ TƯỚNG

Đại sư Lục Tổ Huệ Năng vì muốn nói “Minh tâm kiến tánh, Đốn ngộ thành Phật” mà rằng “Duy truyền kiến tánh pháp, Xuất thế phá tà tông”. Từ đó khiến cho những người học đời sau có thể lìa ngọn theo gốc, trực khiết tâm nguyên, giúp cho Pháp môn đốn ngộ phổ biến khắp nơi.

Thiền sư Đức Sơn nghiên cứu sâu sắc “Kinh Kim cang”, viết cuốn “Thanh long sơ sao”. Nghe nói miền Nam đề xướng thuyết “Đốn ngộ thành Phật”, hơi có chút hoài nghi, ông bèn đem “Thanh long sơ sao” xuống phía Nam, chuẩn bị biện luận cùng với đại sư Huệ Năng.

Tới miền Nam, trên đường đi qua một cửa hàng nhỏ bán bánh, Đức Sơn thấy đôi bụng muốn mua bánh ăn lót dạ.

Trong cửa hàng chỉ có một bà lão, thấy Đức Sơn mua điểm tâm, liền hỏi: “Thầy gánh trên vai gì thế?”

“Kinh Kim cang, Thanh long sơ sao”.

“Vậy, tôi thử kiểm tra vấn đề kinh Kim cang của thầy, nếu trả lời đúng, thì điểm tâm miễn phí cúng dường.”

“Xin cứ nói!” Đức Sơn trả lời đầy tự tin.

“Kinh Kim cang” nói: “Quá khứ tâm bất khả đắc, Hiện tại tâm bất khả đắc, Vị lai tâm bất khả đắc.” Xin hỏi Đại Đức muốn ăn điếm tâm, điếm cái tâm nào vậy?”

Đức Sơn ngạc nhiên chẳng biết phải đối đáp sao, khí thế ban đầu bay đi đâu hết. Ông mới biết thuyết Đốn ngộ của đại sư Huệ Năng, đã được ẩn chứng ở bà lão đó.

Bởi vậy, thời gian có thuyết Quá khứ, Vị lai, Hiện tại, nhưng chân tâm vô trú không có sự khác biệt giữa quá khứ, hiện tại, vị lai, đó chỉ là một ý niệm, Bản lai diện mục của chúng ta “tự cổ kim nhi bất biến, lịch vạn kiếp nhi thành tâm”, có gì xưa qua (quá khứ) mà nay chưa lại (vị lai) chứ?¹

-
1. Tháp Hồ Khâu - Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Tháp Hồ Khâu còn gọi là tháp chùa Vân Nham, bắt đầu xây dựng vào năm Nhân Thọ thứ 9, đời vua Tùy Văn (601), ban đầu xây thành tháp gỗ, sau bị hỏng. Tháp Hồ Khâu hiện giờ được xây dựng từ năm Kiến Hựu thứ 8 Hậu Chu đến năm Kiến Long thứ 2 đời Tống (959 – 961). Tháp Hồ Khâu ở phía tây bắc cách Tô Châu 7km, là một tòa tháp cổ lâu đời nhất hiện còn tồn tại ở Tô Châu, vì phong cách và thời gian xây dựng của nó gần tương tự tháp Lô Phong ở Hàng Châu, hai tháp đều được mệnh danh là Nhị cổ tháp Giang Nam. Mặt bằng của toàn tháp có hình bát giác, bảy tầng. Tháp Hồ Khâu hiện cao 47.5m, toàn bộ thân tháp xây bằng gạch. Theo ghi chép, vì bắt đầu từ thời Minh (1368 – 1644), tháp Hồ Khâu có khuynh hướng nghiêng về phía tây bắc, trung tâm đỉnh tháp hơi bị lệch tầng đáy 2.3m, nên gọi là “Tháp nghiêng phương Đông”.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Phật tính là thứ vô hình vô tướng, chẳng có Pháp nào biểu đạt được, không thể nói nên hình trạng, không thể dùng tên để đặt, không thể dùng tướng để nói về tướng. Trong cuộc sống có rất nhiều sự việc cũng không thể nói rõ được nguyên lý, cứ thuận theo lẽ tự nhiên thì được rồi.

TA VÀ VẬT ĐỀU LÀ MỘT

Thiền giả cho rằng, sự sáng tạo chân chính là sáng tạo ra cái “Vô”: khi ta nhìn núi Đại Hải bèn sáng tạo ra núi Đại Hải; khi ta nói cây bách liền sáng tạo ra cây bách. Người cảnh không có hai, cảnh giới vật và ta hợp nhất. Cuộc sống thực sự trong quan niệm bình đẳng về mọi lực lượng này, ta và vật chẳng bị thiên lệch trong Người nơi cảnh giới, đó chính là Thiền giả chân chính.

Một hôm, Tô Đông Pha và Tần Thiếu Du cùng ăn cơm với nhau, vì hai người đều là những bậc tài hoa lỗi lạc, thường đàm luận về học Đạo, hai bên chẳng chịu nhường nhau.

Hôm đó vừa lúc trông thấy một người đi qua, vì nhiều ngày không tắm, người đó khắp mình đầy chấy. Tô Đông Pha nói: “Người đó dơ thật, ghét trên người đều sinh ra chấy rồi!” Tần Thiếu Du giữ ý kiến của mình nói: “Chẳng phải thế đâu? Chấy được sinh ra từ sợi len!” Cả hai người ai nấy đều theo ý của mình, cãi nhau mãi, rồi quyết định đi mời thiền sư Phật Ấn làm trọng tài, đánh giá xem chấy sinh ra như thế nào và người nào thua phải mời một chầu rượu.

Tô Đông Pha nóng vội muốn thắng, lên chạy tới chỗ thiền sư Phật Ấn, nhờ ông phải giúp mình. Sau, Tần Thiếu

Du cũng nhờ thiền sư giúp, thiền sư Phật Ấn đều trả lời họ. Cả hai đều cho là mình nắm chắc phần thắng, yên tâm chờ kết quả phán xét, thiền sư kết luận rằng: “Đầu của chấy được sinh ra từ ghét, còn chân của chấy thì sinh ra từ len.” Thiền sư trả lời một cách nước đôi như thế.

Thơ rằng:

Nhất thụ xuân phong hữu lượng ban,
Nam chi hướng noãn bắc chi hàn;
Hiện tiền nhất đoạn tây lai ý,
Nhất phiên tây phai nhất phiên đông.

Đó chính là nói “vật và ta hợp nhất”, vật ta là một thể. Hình tướng bề ngoài của núi non, đất đai chính là núi non, đất đai nội tại. Thế giới Đại Thiên là thế giới trong lòng, giữa vật và ta chẳng có gì khác biệt. Còn điều tiết chúng giống như so với một cái cây, mặc dù cùng tiếp nhận không khí, ánh mặt trời, lượng nước giống nhau, nhưng lá cây lại sinh sôi khác nhau, có thể vẫn cùng tồn tại trên cùng một thân cây không hề trở ngại qua lại.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên coi trọng Trời và người hợp nhất, hãy quên cả ta và vật, chú trọng sự tương thông về tinh thần, chú ý sự sáng tạo trong ý và cảnh.

ĐỘ BAY SINH TỬ CỦA CHIM ĐẠI BẰNG

Có một Học tăng tên là Đạo Tụ, mặc dù tinh thông tu trì đạo Thiên, nhưng rốt cuộc không thể khế ngộ. Mắt thấy không ít người tham Thiên học đạo muộn hơn mình đều có những thể hội về Thiên, nghĩ tới bản thân thực chẳng có tư cách nào học Thiên, vừa chẳng chí thú, vừa không linh hoạt, trước sau không thể nhập môn. Bụng nghĩ hay là làm một vị sư khổ hạnh đi hành hương! Vì thế, Đạo Tụ xé tà chiếc áo, lên kế hoạch đi xa. Trước khi đi bèn tới Pháp đường từ biệt thiền sư Quảng Vũ.

Đạo Tụ nói năng nghiêm chỉnh rằng: “Thầy ơi! Học tăng phụ lòng từ bi của thầy, từ khi Quy y dưới chỗ của thầy tham học đã hơn 10 năm, đối với Thiên vẫn chẳng có tí thông tin gì. Con thực không phải là người có căn học Thiên, nay xin cáo từ thầy, con sẽ vân du đi nơi khác,”

Thiền sư Quảng Vũ hết sức kinh ngạc hỏi: “Ừa! Tại sao không giác ngộ được lại phải đi nhỉ? Chẳng lẽ tới nơi khác thì có thể giác ngộ sao?”

Đạo Tụ trả lời thành khẩn rằng: “Con hằng ngày ngoài ăn cơm, ngủ, đều tinh tấn vào việc tu trì nghiệp Đạo.

Con chăm chỉ chính là nhân duyên không hợp. Ngược lại thấy các bạn cùng học người người đều trở về căn nguyên khổ cơ. Trước mắt trong sâu thăm lòng con nảy nở một cảm giác nản, con nghĩ hay là làm một vị sư khổ hạnh đi hành hương nhỉ!”

Thiền sư Quảng Vũ nghe rồi khai thị rằng: “Ngộ là một biểu hiện nội tại bản tính, vốn không thể nào hình dung được, cũng không thể truyền đạt cho người khác, càng không thể học gáp mà có được. Người khác là cảnh giới của người khác. Con tu đạo Thiền của con. Đó là hai việc khác nhau, tại sao lại nhập nhằng làm một vậy?”

Đạo Tụ nói: “Thầy ạ! Thầy không biết, con hề so với những người cùng học liền xấu hổ như chim đại bàng và chim sẻ.”

Vì thế, thiền sư Quảng Vũ giả không hiểu ý hỏi: “Lớn thế nào? Nhỏ ra sao?”

Đạo Tụ đáp: “Chim bằng lớn giương cánh có thể bay hàng mấy trăm dặm, còn con chỉ chuyền được trên thăm cỏ vuông tròn mấy trượng mà thôi.”

Thiền sư Quảng Vũ hỏi sâu sắc rằng: “Chim bằng lớn giương cánh có thể bay tới mấy trăm dặm, nó đã bay qua sinh tử chưa?”

Đạo Tụ nghe rồi lặng lẽ không thốt lên lời, dường như ngộ ra.

Chim bằng lớn giương cánh bay hàng nghìn dặm nhưng cũng không thể bay qua được biển lớn sinh tử. Chim sẻ tuy nhỏ, bay chậm, bay gần, nhưng cũng chẳng phải sống như nhau sao? Bởi vậy, Đạo Tụ một khi trừ được so đo, tính toán, trở về tự tính bình đẳng mới có thể ngộ ra.

TRÍ TUỆ THIÊN:

So bì, tính toán, đó là cội nguồn của phiền não, làm sao có thể thấu qua Thiên mà ngộ Đạo được chứ? Tục ngữ nói: “Người bì người, tức chết người”. Bởi thế, chỉ có loại trừ so bì, tính toán, trở về tự tính bình đẳng mới có thể ngộ ra.

MỘT CÂU MANG Ý VỊ THIÊN

Thiên nói, khổ hải vô biên, quay đầu là bờ. Đạo chính là lý, lý là tâm vậy.

Thiên sư Lương Khoan khi về già biết được một tin từ quê nhà, nói người cháu ngoại của ông cả ngày nhớn như chơi bời, chẳng làm nghiệp chính, sắp khuynh gia bại sản rồi. Hàng xóm đều hy vọng lão thiên sư có thể trở về khai thị cậu, giúp cậu làm lại người.

Thiên sư vì thế đi bộ 3 ngày về tới nhà và chẳng nói gì, chỉ ngồi một đêm ở trên giường. Tới hôm sau, nói với người cháu rằng: “Tuổi đời của cậu đã cao, tay chân run rẩy, không thể đi giày được cho bản thân, cháu có thể giúp cậu đi giày được không?” Người cháu nhớ cậu nhiều năm đã không về nhà, vì thế giúp ông đi giày.

Thiên sư nói: “Cảm ơn cháu, trông này, khi người ta về già thì mỗi ngày một tiêu tụy đi. Cháu sở dĩ giúp cậu đi giày, là vì cậu còn một chỗ nhỏ bé trong lòng cháu. Bởi vậy, cháu phải giữ gìn mình, làm việc cho giỏi để chuẩn bị tốt cho tuổi già.”

Nói xong thiên sư ra đi. Ông chẳng nói với người cháu ngoại đến nửa câu về hành vi phi pháp. Từ đó về sau,

người cháu này cũng cảm ngộ được tâm ý của cậu, không còn sống lâu lẳng nữa.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên ngộ ở người, có lúc ân cần hỏi, có lúc chẳng nói một câu, có khi ám thị hàm súc. Đặc điểm của nó chính là không nói toạc, vì như vậy mới là của mình toàn bộ và người ngộ đạo càng hiểu thấu hơn.

-
1. Tháp Lục Hòa - Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Tháp Lục Hòa nằm ở phía nam Tây Hồ, trên núi Nguyệt Luân bên bờ sông Tiền Đường. Năm Khai Bảo thứ 3 đời Bắc Tống (970), tăng nhân thiên sư Trí Nguyên đã sáng kiến ra việc lấy ý nghĩa của “Lục hòa kính” để ngăn thủy triều sông, lấy tên là Tháp Lục Hòa. Ban đầu tính xây thân tháp cao 9 tầng, đỉnh tháp lắp đèn nhằm dẫn đường cho tàu bè qua sông. Năm Tuyên Hòa thứ 5, tháp bị đốt cháy, năm Thiệu Hưng đời Nam Tống mới xây dựng lại. Tháp Lục Hòa hiện tồn bên ngoài có 13 tầng, 8 mặt, bên trong chia thành 7 tầng, cao 59.89m, diện tích 888m². Trải qua 2 năm nhà Minh thống trị, đã sửa tầng đỉnh và tháp Sát, năm Quang Tự thứ 25 nhà Thanh xây dựng kết cấu gỗ ngoài tháp. Tháp Lục Hòa là kiệt tác nghệ thuật kiến trúc thời cổ, năm 1961 được Quốc vụ viện liệt vào Đơn vị bảo vệ văn vật trọng điểm quốc gia.

Ý NGHĨA THỰC SỰ CỦA TRIỆU CHÂU

Thiền sư Triệu Châu hỏi Vi Sơn Linh Hựu rằng: “Ý đồ của tổ sư Thiền tông các đời là gì?”

Thiền sư Vi Sơn gọi thị giả nói: “Đi lấy ghế lại đây mau lên!”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Kể từ khi ta trở thành chủ của chùa Nhất tới nay, vẫn chưa gặp được vị thiền giả chân chính nào.”

Bấy giờ, đúng lúc có một Học tăng đứng kế bên, hỏi: “Giả sử gặp được Thiền giả chân chính, thầy sẽ làm gì?”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Thứ nhất dùng một chiếc tên với sức mạnh nghìn cân, bắn một con chuột ở dưới cống nước không vì đánh nó.”

Học tăng lại hỏi: “Người nào là cha của chư Phật vậy?”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Nam Mô A Di Đà Phật.”

Học tăng hỏi: “Nam Mô A Di Đà Phật là ai thế?”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Nam Mô A Di Đà Phật là đệ tử của ta.”

Học tăng dùng câu nói này hỏi thiền sư Trường Khánh: “Thiền sư Triệu Châu nói Nam Mô A Di Đà Phật là đệ tử của ông, rốt cuộc là lời dẫn dắt đối phương à? Hay là bỏ qua cho đối phương?”

Thiền sư Trường Khánh nói: “Giả sử tìm hiểu từ hai đầu mối sẽ chẳng hiểu được ý nghĩa đích thực của Triệu Châu.”

Học tăng hỏi: “Ý nghĩa đích thực của Triệu Châu là gì vậy?”

Thiền sư Trường Khánh cuối cùng búng một ngón tay. Học tăng chẳng hiểu được ý nghĩa là gì, tiếp tục theo Triệu Châu tham vấn.

Một lần, Triệu Vương mời thiền sư Triệu Châu thuyết pháp, Triệu Châu lên bảo tòa thuyết pháp, bắt đầu giảng kinh. Học tăng ở bên cạnh hỏi: “Mọi người mời thầy thuyết pháp, không biết sao thầy đi tụng kinh?”

Thiền sư Triệu Châu nói: “Chẳng lẽ đệ tử Phật môn không thể tụng kinh được à?”

Lại có một lần, mọi người đang tụng kinh, thiền sư Triệu Châu bỗng ngồi yên khoanh chân.

Học tăng hỏi: “Tại sao thầy không tụng kinh?”

Triệu Châu đáp: “May con nói với thầy Tụng Kinh, nếu không lão tăng dường như quên mất.”

Trong Thiền môn cổ đức, Triệu Châu là một nhân vật vô cùng lý thú. Ông bắn tên của mình chẳng vì đánh một con chuột. Ông tự nói là thầy của A Di Đà Phật. Mời ông thuyết pháp ông lại đi tụng kinh, lúc tụng kinh thì ông tự Thiền.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền sư chẳng hề làm ngược đời với người khác tùy tiện, Thiền giả phải đối đãi siêu việt và phải làm được một chữ “quên”, quên anh, quên tôi, quên tình, quên cảnh, quên đúng, quên sai, quên có, quên không. “Tự cổ gian nan tại nhất vong”, quả đúng là vậy.

TRÔNG BÓNG TỰ NGỘ

Thiền sư Động Sơn Lương Giá khi ngộ đạo ở chỗ của thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên, đúng vào ngày kỵ của thiền sư Vân Nham Thăng ân sư tích độ của ông, vì thế bèn làm chay cúng, có Học tăng hỏi: “Thiền sư ở nơi của Lệnh Sư Vân Nham đã được khai thị gì?”

Động Sơn đáp: “Mặc dù ở chỗ Vân Nham, nhưng chưa từng nhận được sự chỉ bảo nào.”

Học tăng nghi hoặc hỏi: “Đã không được chỉ dạy, tại sao phải làm chay cúng phụng ông ta?”

Động Sơn nói: “Làm sao thầy dám phản bội thầy chứ?”

Học tăng lại nói: “Con thật không hiểu, thầy tới chỗ thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên ngộ đạo, tại sao lại làm chay cho Vân Nham?”

Động Sơn ôn tồn đáp: “Ta không tôn kính đạo đức Phật pháp của tiên sư, chỉ tôn trọng ông không nói hết lời vì ta, chỉ riêng điểm này đã hơn cả cha mẹ rồi.”

Học tăng lại hỏi tiếp: “Thiền sư đã làm chay cho tiên sư, vậy là sự khẳng định phong thái Thiền của tiên sư rồi?”

Động Sơn đáp: “Khẳng định một nửa, không khẳng định một nửa.”

Học tăng hỏi: “Tại sao không khẳng định toàn bộ chứ?”

Động Sơn đáp: “Vì, nếu khẳng định toàn bộ thì phụ lòng tiên sư rồi.”

Thiền sư Động Sơn Lương Giá sau khi thầy Vân Nham viên tịch, thầy bóng mình trên nước mới khai ngộ, bài Kệ ngộ đạo của ông viết: “Thiết kỵ tùy tha mịch, Thiều thiều dữ ngã sơ, Ngã kim độc tự vãng, Xứ xứ đắc phùng cư. Cừ kim chính thị ngã, Ngã kim bất thị cừ, Ứng tu bình ma hội, Phương đắc khế như như.” Động Sơn ngộ đạo, mặc dù là sau khi thầy viên tịch, nhưng không quên ân sư, vì thế vào ngày kỵ làm chay cúng, để cảm tạ điều ông chưa nói ra, bởi thế mới trông bóng tự ngộ.¹

1. Tháp chùa Hựu Quốc - Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Tháp chùa Hựu Quốc là tháp Phật được xây dựng vào thời Tống, nằm ở góc đông bắc thành phố Khai Phong. Vì, bên ngoài thân tháp rập gạch kính màu xám kềm, nên còn gọi là tháp Thiết Khai Phong. Tháp được xây dựng trong chùa Khai Phong vào năm đầu Hoàng Hựu, Bắc Tống (1049). Sau đời Minh, chùa này đổi tên thành chùa Hựu Quốc, nên tháp được gọi là tháp chùa Hựu Quốc. Tháp có hình bát giác, 13 tầng, cao 54.66m, xây dựng bằng gạch phòng theo kết cấu gỗ, tạo hình vô cùng đẹp đẽ. Đáy tháp có 4 cửa, cửa bắc có đường thông với các tầng, 3 cửa còn lại bên trong có những phòng nhỏ hình bát giác. Đỉnh tháp là đỉnh nhọn bát giác, trên tòa sen là tháp sát dạng bảo bình. Năm Quang Đạo 21 nhà Thanh (1841) chùa Hựu Quốc bị nước phá hủy, còn tháp dù trải

KHẲNG ĐỊNH MÌNH

Thiền sư Đàm Châu Huệ Lãng ban đầu theo Mã Tổ, thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất thấy ông bèn hỏi: “Con tới cầu gì?”

Huệ Lãng đáp: “Câu Phật tri kiến.”

Mã Tổ lại hỏi: “Phật đã vượt qua tri kiến, có tri kiến thì là ma.”

Huệ Lãng nghe xong, cung kính lễ bái.

Thiền sư Mã Tổ lại hỏi: “Con từ đâu đến?”

Huệ Lãng đáp: “Nam Nhạc!”

Ý nói ông từ chỗ thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên ở Nam Nhạc, Hồ Nam tới. Bảy giờ thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất đã nổi tiếng về Thiền phong ở Giang Tây, thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên hùng cứ Hồ Nam, vì thế bảy giờ người học không tới hỏi đạo thiền sư Mã Tổ ở Giang Tây thì thỉnh pháp thiền sư Thạch Đầu ở Hồ Nam, qua lại “Giang – Hồ” trở thành lời hay ý đẹp một thời, từ “Giang – Hồ” cũng vì thế được lưu truyền tới ngày nay.

qua động đất, thủy tai đến nay vẫn đứng sừng sững hiên ngang.

Mã Tổ chẳng khách khí chỉ bảo rằng: “Con từ Nam Nhạc tới, phụ lòng từ bi của Thạch Đầu, con phải quay về mau đi, đi những nơi khác chẳng thích hợp với mình!”

Huệ Lãng vì thế lại trở về nơi thiền sư Thạch Đầu, thỉnh thị rằng: “Phật là thế nào?”

Thiền sư Thạch Đầu đáp: “Con chẳng có Phật tính.”

Huệ Lãng bụng đầy hoài nghi hỏi: “Loài sâu bọ tinh ranh đều có Phật tính, tại sao con không có Phật tính?”

“Vì con chẳng phải loài sâu bọ tinh ranh.”

“Chẳng lẽ Huệ Lãng chẳng bằng loài sâu bọ tinh ranh?”

“Vì con không dám chịu đựng!”

Huệ Lãng cuối cùng đã ngộ ra.

Người học Phật phải khẳng định mình, khẳng định nơi tu học của mình quan trọng nhất. Có những người học không hiểu mình, không tin vào “cõi đi về”, mù quáng đắm lao, cuối cùng quay đầu mới phát giác ra rằng “Đi hồng giày sắt chẳng tìm thấy nơi, những thứ có được uổng công hết”.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Làm người, xử thế phải hiểu mình trước hết, trung thành với bản thân, tận tụy với công việc và vị trí của mình, chớ dưng vì chưa được trọng dụng mà chạy vạy khắp chốn.

MÂY NƯỚC TÙY DUYÊN

Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích khi tham thiền ở chỗ thiền sư Khánh Huy, rốt cuộc không thể nào khế ngộ nhập đạo, vì thế, ông từ biệt thiền sư Khánh Huy, bắt đầu vân du tứ phương.

Một lần gặp mưa lớn, trên đường trọ ở một Viện Địa Tạng, thầy Tri khách trong chùa hỏi ông: “Thiền sư đi đâu vậy?”

Pháp Nhãn nói: “Ta chẳng có điểm đến, chỉ đi nhơn nhơ thôi!”

Thầy Tri khách hỏi: “Thầy có cảm tưởng gì khi đối với cách vân du tứ phương?”

Pháp Nhãn đáp: “Mây nước tùy duyên.”

Thầy Tri khách nói: “Mây nước tùy duyên”, câu nói này tiêu dao tự tại nhất!”

Thiền sư Pháp Nhãn nghe rồi, liền cảm nhận được sự tiêu dao tự tại!¹

1. Tháp chùa Diệu Ứng - Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Tháp chùa Diệu Ứng còn gọi là tháp Trắng, nằm ở Đại Nhai Bắc Lộ trong Cửa Phụ Thành, khi Tây Thành, thành phố Bắc Kinh. Ngôi chùa này được xây dựng vào năm 1271, ban đầu gọi là chùa Đại

TRÍ TUỆ THIÊN:

Cuộc sống của chúng ta trên thế gian này, mặc dù hằng ngày đều bận rộn, lúc nào cũng có thể tùy duyên như mây nước giống thiền sư, thực hiểu được sự thú vị của tiêu dao tự tại.

Thánh Thọ Vạn An, năm 1368 từng bị đốt cháy, vào năm Tuyên Đức thứ 8 triều Minh (1433) được xây dựng lại, đổi tên thành chùa Diệu Ứng. Vì trong chùa có tháp rồng phết vôi trắng, tục gọi là chùa Tháp Trắng. Nó là tác phẩm của thợ mộc A Ni Ca nổi tiếng người Nê Bạc Nhĩ. Toàn tháp cao 53m, tháp xây dựng trên nền đài hình chữ “Đột”. Trên đài lại làm hai tầng tòa Tu Di dạng hình chữ “Á” (góc hướng vào trong rồi gập về hai khúc), trên tòa bày phục liên và vài đường mũi kim thẳng để hứng thân tháp ngắn và mập (còn gọi là Bảo bình hoặc bụng tháp), cổ tháp, Thập tam thiên (tức Tướng luân) và Nắp bảo làm bằng vàng. Thân tháp màu trắng phối hợp với màu vàng của nắp Bảo phía trên, bên ngoài trông vô cùng tráng lệ.

ĐÁNH ĐÒN PHỦ ĐẦU

Có một Học tăng từ chỗ thiền sư Định Châu (học trò của Thần Tú Bắc Tông) tới chỗ thiền sư Điều Cữu tham học. Thiền sư Điều Cữu hỏi: “Định Châu và chỗ này của ta có gì khác nhau không?”

Học tăng đáp: “Chẳng có gì khác nhau lắm.”

Thiền sư Điều Cữu nghe rồi không cho là thể liền phát huy đại cơ đại dụng của học trò Mã Tổ, nói: “Nếu chẳng có gì khác biệt lắm, vậy con đừng ở lại đây, trở về chỗ cũ đi!” Nói rồi, bèn vọt cho một roi.

Học tăng trả lời: “Nếu thầy thực có cặp mắt dùng roi, nên phải nhắm rõ người rồi mới đánh, mặc dù là roi Thiền, cũng không thể đánh người tùy tiện!”

Thiền sư Điều Cữu nói: “Hôm nay ta phát hiện được người đáng để ta đánh!” Nói xong lại đánh Học tăng thêm 3 cái nữa.

Sau khi Học tăng bị đánh liền quay đi, bụng nghĩ: Sức chịu đựng của thiền sư Điều Cữu lừng lẫy cũng chẳng qua vậy thôi, roi vọt của Thiền chưa được nhập đạo làm sao có thể đánh lung tung?

Thiền sư Điều Cữ thấy Học tăng muốn đi, nói: “Là roi mù, cũng nên làm người cam tâm chịu đựng chứ!”

Học tăng nghe rồi, liền quay người lại nói với thân phận của khách: “Roi trong tay thầy, con có cách gì nào?”

Thiền sư Điều Cữ nói: “Nếu con nghĩ như thế, vậy ta sẽ đánh con.”

Học tăng nghe xong theo lời đi qua, giành lấy chiếc roi trong tay của thiền sư Điều Cữ và đánh cho thiền sư Điều Cữ ba roi. Thiền sư Điều Cữ giả như sợ hãi nói: “Roi nhục, roi nhục!” Ý nói, thực là quá ầm ỨC, thực là quá ầm ỨC.

Học tăng liền nói đối đầu: “Dù là roi mù, nhưng cũng phải làm người cam tâm chịu đựng chứ!”

Thiền sư Điều Cữ cuối cùng nói: “Đối với nhân tài ưu tú thế này, tùy tiện dùng roi, thực quá có lỗi.”

Học tăng nghe xong, liền ra lễ.

Thiền sư Điều Cữ lập tức nói lớn: “Đó tính toán gì?” Nói xong, lại đánh cho một roi nữa!

Học tăng không chịu được, quỳ xuống nói: “Dùng hay! Dùng hay! Vốn đánh người thân, chửi tức là yêu!”

Dưới ngọn roi như thế, người thầy cuối cùng khế hợp.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Chúng ta rất không hiểu tại sao các thiền sư dùng roi, họ vốn thuyết pháp với nhau bằng roi, so đo Thiền công, roi sử dụng chẳng phải roi mù, mà là roi trí tuệ. Thầy càng đánh ta, ta càng cảm tạ thầy. Thầy đánh đúng, ta lạy thầy; thầy đánh hay, ta quý lâu. Thực ra đánh là thể hiện sự thân tình, chứ là yêu thương vậy!

TÂM VÔ NGOẠI VẬT

Pháp sư Tam Tạng người Ấn Độ tự cho là mình có phép thần thông, tới trước mặt thiền sư Huệ Trung để nghiệm chứng cho ông thấy.

Huệ Trung khiêm tốn, hòa nhã hỏi: “Lâu nay nghe nói thầy có thể biết được trong bụng người khác nghĩ gì, chẳng biết có thực hay không?”

Pháp sư Tam Tạng trả lời: “Chẳng qua là chút tiểu xảo nhỏ mà thôi!”

Vì thế, Huệ Trung nghĩ về một việc ở trong bụng, hỏi: “Hãy xem tâm của lão tăng bây giờ đang ở đâu?”

Tam Tạng vận dụng thần thông, rà soát một lượt, đáp: “Núi cao ngưỡn trời, sông nhỏ nước trôi.”

Huệ Trung cười gật đầu, rồi đổi ý trong lòng, lại hỏi: “Xin xem thân lão tăng giờ đang ở đâu?”

Tam Tạng lại khảo sát một hồi, cười nói: “Làm sao thiền sư vào núi giỡn khi chứ?”

“Quả nhiên vậy!” Huệ Trung biểu lộ vẻ vui mừng ra mặt, sau khi khen ngợi, rồi thu những tâm niệm gió bay mưa tán về, phơi bày ruột gan, nhập vào cảnh giới thiền định. Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô thể cảnh tướng, vô

động tĩnh tương, lúc đó mới cười thầm hỏi: “Hãy xem bây giờ lão tăng đang ở đâu?”

Tan Tạng thần thông quá trớn, chỉ thấy trời trong không có mây, nước đầm không có trăng, nhân gian không bóng, gương sáng không ảnh.

Tam Tạng dùng hết tầng công lực, rọi thấu trên trời, dưới đất, không hề thấy tâm tích của Huệ Trung, chán ngán không biết làm sao.

Huệ Trung từ từ xuất định, mỉm cười nói với Tam Tạng: “Các hạ có thần lực thông tâm, có thể biết hết mọi thứ của tha nhân, hay tuyệt! Hay tuyệt! Nhưng, không thể suy xét được tâm tích của ta, thầy biết là tại sao không?” Tam Tạng mê hoặc.

Thiền sư Huệ Trung cười nói: Vì, ta chẳng có suy nghĩ gì, đã không có, làm sao rà soát?”

Người tu thiền, co rút thân tâm, không sinh vọng niệm. Vọng niệm đã giảm thiểu, hành vi lại chính đại, lâu dần trở thành bụng dạ từ bi. Người mạnh chuyển thành hiền hòa, người ngu muội nảy sinh trí tuệ, trước sau giống như hai người. Tâm địa thanh tịnh, không nhiễm mảy may một hạt bụi, nên người niệm Phật, niệm tới tâm vô vọng niệm, không sinh tạp niệm. Tạp niệm không sinh, trời thật chẳng diệt.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Bất kể bụng dạ của bạn giấu giếm cỡ nào, chỉ cần tồn tại, người khác có thể dò xét được. Chỉ có tâm vô ngoại vật mới có thể khiến có người khác không thể nào sát giác.

DUYÊN NGỘ VÔ BIÊN

Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni có người đệ tử tên là Ban Đặc, tâm tính trì độn. Phật Tổ để năm trăm vị La Hán hằng ngày thay nhau dạy cậu học, nhưng cậu vẫn chẳng mở mang được chút nào. Vì thế Phật Tổ gọi cậu tới trước mặt, dạy cậu một bài Kệ với từng câu từng chữ một: “Thủ khẩu nhiếp ý thân mạc phạm, Như thị hành giả đắc độ thế.”

Phật Tổ nói: “Con đừng cho lời lẽ bài Kệ này quá bình thường. Con chỉ cần chăm chỉ học được bài Kệ này, cũng đã không dễ dàng rồi!”

Thiền bản thân không lập văn tự, toàn bộ dựa vào sự lĩnh hội ý nghĩa trong tâm. Tham thiền không thể khôn vặt, chỉ cần hạ quyết tâm, từ từ rèn luyện về thân tâm, tinh thần tự nhiên thăng hoa, thời tiết nhân duyên chín muồi, tự nhiên minh tâm kiến tánh. Còn Thiền gia không hề mong cầu việc học hành phải gắng gượng cho rộng, cái gọi là vạn pháp đều là 1, tinh ngộ một xứ, sẽ được vạn pháp, tương tự như trong lòng hư không sẽ kiến tánh.

Vì thế, Ban Đặc học đi học lại bài Kệ, rồi một hôm cuối cùng hiểu ra được nghĩa lý của nó.

Một lần, Phật Tổ sai Ban Đặc đi tới chỗ tăng ni gần đó giảng kinh thuyết pháp. Những tăng ni đó từ lâu biết Ban Đặc nổi tiếng khờ khạo, bởi vậy trong bụng rất không phục. Ngâm nói: “Con người ngu độn này cũng biết giảng kinh thuyết pháp sao?” Nhưng, ngoài mặt họ vẫn rất lễ độ tiếp đãi Ban Đặc.

Ban Đặc xấu hổ, khiêm tốn nói với các tăng ni rằng: “Tôi sinh ra vốn ngu dốt, ở bên cạnh Phật Tổ học được một bài Kệ, giờ giảng cho mọi người nghe.”

Ban Đặc vừa đọc xong, các tăng ni bắt đầu cười khúc khích, ngâm nói rằng: “Thì ra chỉ là một bài kệ Vỡ lòng, chúng ta đã thuộc lâu bài nay từ lâu rồi còn cần thầy ta giảng gì nữa chứ?”

Nhưng, Ban Đặc chẳng hề biến sắc vẫn thông dong giảng tiếp. Thầy nói rõ ràng, rành mạch, đồng thời giảng giải rất nhiều ý nghĩa mới, từ một bài Kệ dường như phổ thông nói ra những Thiên lý sâu sắc vô hạn.

Bấy giờ các tăng ni nghe thấy mê ly, tấm tắc khen ngợi: “Một bài Kệ vỡ lòng, thế mà có thể hiểu được sâu sắc như vậy, quả thực là cao nhân hạng nhất!” Vì thế, mọi người bắt đầu kính trọng thầy.

Thiên là một sự thể nghiệm sâu sắc về tâm hồn. Mặc dù bộ môn đường lối vô hình chẳng dễ vượt qua, nhưng sau khi đã ngộ Thiên vượt qua ngưỡng thì đó là cảnh giới chân

thực khiến con người rung động. Nên, học không quan trọng ở nhiều, mà quý trọng ở hành.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Chỉ thông minh trên miệng, thì loại thông minh này không thể kết thành nhiều trái lớn được. Có nhiều câu răn nổi tiếng, xem như bình thường thực tế chứa đựng những đạo lý sâu sắc.

-
1. Tòa bảo tháp Kim Cang - Tháp Phật giáo nổi tiếng Trung Quốc – Tòa bảo tháp Kim Cang nằm ở chùa Đại Chính Giác, ngoài Cửa Tây Trục, Bắc Kinh, được xây dựng năm Thành Hóa thứ 2 (1464). Tháp này có tạo hình đặc biệt, cấu tứ tinh xảo, có màu sắc ngoại nhập đậm nét. Hình mẫu của nó là tháp Bồ đề Ca Già của Ấn Độ. Nền tháp hình vuông, cao 77m, gọi là Bảo tòa. Bảo tòa chia làm 5 tầng, trước Bảo tòa mở ra chiếc cửa có hình gập, bên trong có cầu thang đá hình xoắn đi lên, ăn thông với đỉnh Bảo tòa. Trung tâm và bốn góc của phía trên Bảo tòa có 5 mái hiên dày hình vuông sừng sững. Tháp lớn ở giữa, cao 8m, 13 tầng, tháp nhỏ bốn góc cao hơn 7m, 11 tầng. Tòa bảo tháp Kim Cang toàn bộ dùng trên nghìn viên ngọc Hán Bạch đã điêu khắc trước, sáng chói lấp lánh.

PHẬT TỔ UỐNG NƯỚC

Thiền là sự khám phá những trí tuệ cao siêu về ý nghĩa đời sống con người, là tinh túy của sự ngộ đạo. Nếu nói, tâm hồn dị hóa giống như hoang mạc, Thiền như nước suối ngọt ngào, làn gió mát lành, như đánh đòn phủ đầu, giúp chúng ta giữ được sự tỉnh táo, dẫn dắt tâm hồn chúng ta bước vào cảnh giới tự do siêu thoát. Thiền rất đáng để chúng ta tìm hiểu và theo đuổi, trong đó tràn trề trí tuệ của Phật giáo, ẩn chứa giá trị chân chính của đời sống.

Phật Tổ và Thị giả đi trên đường, ánh nắng vô cùng chói chang. Giữa trưa, Phật Tổ khát nước khó chịu, bèn nói với Thị giả: “Chẳng phải chúng ta vừa đi qua mấy con sông nhỏ sao? Con đi lấy ít nước về nhé.”

Vì thế, Thị giả cầm bình đi múc nước, đường không xa lắm, anh nhanh chóng tìm thấy liền. Nhưng, vừa tới đó, có một nhà buôn cưỡi ngựa đi qua con suối nói với anh rằng nước suối bị họ làm đục rồi, làm sao còn uống được nữa! Bởi vậy anh quay người trở về, nói với Phật Tổ: “Nước suối bị nhà buôn làm đục rồi, không thể uống được nữa, hay là đi tìm con suối khác vậy! Con biết phía trước có một con suối nhỏ và nước suối vô cùng trong trẻo, cách đây cũng không xa lắm, khoảng hai giờ đồng hồ.”

Phật Tổ nói: “Chúng ta cách con suối nhỏ này gần và ta bây giờ khát lắm, tại sao còn phải đi hai giờ đồng hồ nữa để tìm con suối nhỏ phía trước kia? Hay là con lại tới nơi con suối vừa rồi xem sao.”

Thị giả mặt mày không vui lại cầm bình ra đi, trong bụng nghĩ: “Vừa rồi chẳng phải đã đi rồi sao! Nước dơ như thế, làm sao uống được chứ? Bây giờ lại kêu ta đi, chẳng phải lãng phí thời gian thêm một lần nữa sao?”

Anh ta quyết định nửa đường không đi nữa, quay về nói với Phật Tổ: “Con đã nói với thầy rồi, nước suối đã bị làm dơ, tại sao thầy còn muốn con đi công cốc thêm một lần nữa vậy?”

Phật Tổ chẳng giải thích gì với cậu, nói: “Chờ chút con sẽ biết, giờ con chỉ làm theo lời, con chắc sẽ không uống công đâu!”

Thị giả chỉ biết lại đi, khi cậu tới bên con suối, thấy nước suối sao trong, sạch thế, đất cát đã chẳng còn thấy đâu nữa.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Đạo Thiên: Trên thế gian chẳng có gì là vĩnh hằng cả. Chờ đợi là một quá trình, học cách nhẫn nại chờ đợi, bạn sẽ đạt được điều mà mình mong muốn.

CHẰNG HỀ NGỘ

Mục Châu Đạo Minh là Pháp Tụ của thiền sư Hoàng Bá Hy Vận, nhà sư đời Đường, từng ở chùa Long Hưng của Mục Châu (Triết Giang ngày nay), ngộ pháp chú trọng tác dụng của Đại cơ, tất thấy hương thượng.

Đại sư Vân Môn Văn Yển trước khi chưa ngộ đạo tới gặp thiền sư Mục Châu, thiền sư Mục Châu thấy Văn Yển vừa tới liền đóng cửa không gặp. Văn Yển gõ cửa, Mục Châu ở trong hỏi: “Ai đấy?”. Văn Yển nói: “Con là Văn Yển.” Mục Châu nói: “Con muốn làm gì?” Văn Yển nói: “Con tham cứu Chân Như Phật tính tới nay vẫn chưa hiểu, xin thầy chỉ bảo cho con.” Hòa thượng Mục Châu kể cũng quái đản, vừa mở cửa liền đóng ngay lại. Văn Yển ba ngày liên tục tới gõ cửa, thiền sư Mục Châu liền ba ngày vừa mở liền đóng lại.

Tới ngày thứ tư, khi thiền sư Mục Châu mở cửa, Văn Yển đã chuẩn bị trước, đạp một chân bước vào. Mục Châu thấy một chân của thầy bước tới, dứt khoát mở cửa ra, tóm lấy cổ áo của Văn Yển nói: “Nói mau! Nói mau!” Văn Yển đang định nói, Mục Châu dùng tay đẩy thầy ra, nói: “Nhà người chẳng phải ngộ một cách căn bản, giống như nhà Tân để lại chiếc đầu dùi của cây dùi gỗ vậy, đã sớm bị mục

rồi, không thể dùng được, đó chẳng phải thật sao.” Nói rồi đẩy thầy ra ngoài, nhân lúc chân sau còn chưa tiến lên trước, đóng cửa vào để cho chân của thầy bị kẹp. Chiếc chân này bị thương, bấy giờ Văn Yên liền đại ngộ.

Thiền sư Mục Châu cố tình đóng cửa liên tục ba ngày trời khiến cho Văn Yên luôn có ý nghi hoặc, bởi thế trong bụng thầy muốn hiểu rõ, khi Mục Châu mở cửa bèn cố thò một chân vào. Cửa Thiền mở, gắng bước chân vào nhằm bày tỏ rằng mình đã ngộ, bởi thế, Mục Châu bấy giờ muốn xác định Văn Yên có thực sự ngộ chưa, vì thế dứt khoát mở cửa ra, tóm lấy cổ áo của Văn Yên, ép thầy nói vội. Lúc đó Văn Yên đang chuẩn bị mở miệng, Mục Châu biết thầy chưa ngộ đạo, lấy tay đẩy thầy ra khỏi cửa, nhân lúc chân sau của thầy chưa rút ra thì Mục Châu nhanh chóng đóng cửa để kẹp vào chân.

Nếu bản thân không thực sự có tài học, có sao liêu lĩnh vào Cửa nhà khác? Không những không thu được ích lợi, cuối cùng bị rơi vào kết cục thảm bại, thực chẳng đáng. Chi bằng chờ tới lúc thực sự học thành tài, mới lại gõ cửa này cũng chưa muộn.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Bước đầu tiên học Thiền phải học cách rà soát hoạt động của tâm thức mình. Nếu có thể cảm nhận được, tâm chúng ta sẽ được tự do.

BÁNH VÀ THIỀN

Thiền sư Mục Châu hỏi đệ tử Tăng Chính rằng: “Có biết giảng Duy thức luận không?”

Tăng Chính nói: “Con chẳng dám, mới chỉ đọc qua hồi nhỏ.”

Thiền sư Mục Châu bèn lấy một chiếc bánh ngọt, bẻ nó làm hai miếng, hỏi Tăng Chính: “Đây là cái gì?”

Tăng Chính không nói. Thiền sư Mục Châu hỏi Tăng Chính: “Gọi là bánh ngọt đúng không? Hay là không gọi là bánh ngọt?”

Tăng Chính đáp: “Không thể gọi là bánh ngọt được.”

Thiền sư Mục Châu lại gọi đệ tử Sa Di tới hỏi: “Lại đây, con gọi là gì?”

Sa Di trả lời: “Bánh ngọt.”

Thiền sư Mục Châu cười nói: “Vậy con cũng giảng được Duy thức luận rồi.”

TRÍ TUỆ THIỀN:

Một chiếc bánh ngọt, tròn trịa là chiếc bánh ngọt, bẻ thành hai mảnh vẫn là bánh ngọt. Nguyên lý đơn giản, hiển nhiên thế, người chưa ngộ cũng hiểu được huống chi Tăng Chính! Nếu có một mặt tài học, làm sao phải giấu giếm, xấu hổ không thể hiện chứ?

THIỀN VÔ VỌNG NGŨ

Một đệ tử trẻ tuổi thường bị ám ảnh bởi một vấn đề, vì thế bèn hỏi thiền sư Thần Sơn Tăng Mật: “Đệ tử ngu muội, không biết chuyện sống chết, xin thầy khai thị.”

Thiền sư Tăng Mật nói: “Con đã chết bao giờ chưa?”

Đệ tử trả lời: “Con chưa từng chết, cũng không biết chết là gì, xin thầy chỉ rõ cho.”

Thiền sư Tăng Mật nói: “Con đã chưa từng chết, cũng không biết chết vậy làm sao hiểu rõ được lẽ sinh tử? Chỉ có tự mình chết một lần mới có thể hóa giải được nghi hoặc của con.”

Đệ tử lại hỏi: “Vậy thầy đã chết qua chưa?”

Thiền sư Tăng Mật nói: “Thầy cũng chưa từng chết, cũng không biết lẽ sinh tử, nên khó thể khai thị được cho con về cảm nhận này. Điều này thầy cũng chưa hề nghi hoặc, càng chưa bàn luận bao giờ. Con hãy làm việc giống như thầy, có thể giải thích được nó.”

Đệ tử đốn ngộ, từ đó về sau không còn khổ sở về suy nghĩ đó, cũng không đề cập tới những việc chưa từng trải nghiệm qua.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Đã chưa từng chết, lại không biết chết mà cứ cố bàn về “chết”, chắc là nói năng tùy tiện, nhằm nhí. Nên, thiền sư Tăng Mật muốn đệ tử đích thân chết một hồi, thì sẽ biết được sự bí hiểm của cái chết. Còn những người thực sự đã chết có nói được ra bí ẩn của cái chết?

1. Nguồn gốc của Mật tông ở Trung Quốc

Kinh điển Mật tông truyền vào Trung Quốc rất sớm, đa số thuộc loại tính chất chân ngôn chú ngữ. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, người chính thức đưa Mật Tông vào Trung Quốc và biến nó trở thành một Tông phái là những đại sĩ mở đầu “Khai Nguyên Đại sĩ” là Chỉ Thiện Vô Úy, Kim Cang Trí, Bất Không. Đệ tử của họ là Nhất Hạnh và Huệ Quả có công lao làm hưng thịnh Mật tông lên rất lớn. Khai Nguyên Đại Sĩ chú trọng hoằng dương Mật tông trên ba phương diện: thứ nhất là Mạn Đà La Quán Đỉnh, thứ hai là “Kim Cang” Yoga, thứ ba là Hộ ma, tức Hỏa tế. Cuối thời nhà Đường, Mật giáo của Phật giáo Ấn Độ du nhập ồ ạt vào Trung Quốc và thịnh hành một thời.

LỜI KỆ

Lời Kệ tức là những lời hát tụng ca trong kinh Phật. Nó là lời dự báo, dùng để dạy bảo con người nơi thế gian nên làm gì sau khi sự việc xảy ra. Lời Kệ hấp dẫn những người theo Thiền môn các đời tham khổ, nó ẩn chứa vô số huyền cơ, có thể nói là kho báu của Thiền gia.

Phụ Hấp triều Lương (497 – 569), còn gọi là Hoảng, người huyện Nghĩa Điền, Triết Giang là một nhân vật khá ly kỳ, cũng là một Thiền giả tu hành vô cùng. Vì ở núi Vân Hoàng, trồng hai cây trên núi gọi là “Song Lâm” (mượn điển cổ hai cây Sa La Thích Ca Mâu Ni diệt độ), tự xưng là “Đại sĩ Đương Lai Thiện Huệ”. Về sau, người đời đều gọi ông là Đại sĩ Phụ, “Đại sĩ Thiện Ý”. Ông thường giáo hóa đệ tử bằng lời Kệ.

Một lần, Đại sĩ Phụ nói Kệ với đệ tử:

Dạ dạ bảo Phật miên, Chiêu chiêu hoàn cộng khởi.

Khởi thọ trấn tướng tùy, Ngũ mặc đồng cư chỉ.

Tiêm hào bất tương ly, Như thân ảnh tương tự.

Dục thức Phật khứ xứ, Chỉ giá ngũ thanh thị.

Ý rằng, đi, ở, ngồi, nằm hằng ngày đều theo Phật như hình với bóng, cùng ngủ cùng thức, nếu muốn biết Phật đi đâu, Tự tính phải thanh tịnh.

Đại sĩ Phụ còn để lại một bài Kệ vô cùng nổi tiếng:
Không thủ bả sừ đầu, Bộ hành ky thủy ngư,
Nhân tùng kiêu thượng quá, Kiêu lưu thủy bất lưu.

“Không thủ bả sừ đầu” nhằm chỉ cánh tay cầm dụng cụ (tức nhục thể), cũng giống như chiếc cày, là người chủ xúi chúng ta phải làm việc. “Bộ hành ky thủy ngư” là nói chúng ta có thể đi, chạy, cũng là kết quả của chủ nhân thúc ép nhục thể, giống như người cưỡi trâu giục trâu đi. “Nhân tùng kiêu thượng quá”, nhục thân giống như cây cầu, con người chính là chủ nhân, con người trên thế gian trải qua một thời kỳ cũng giống như việc đi qua cây cầu. “Kiêu lưu thủy bất lưu” ý nói xác nhục thân này của chúng ta chẳng trường tồn với thế gian, thường xuyên thay đổi. Con người từ nhỏ đến lớn, từ lớn đến già, cây “cầu” chẳng phải luôn chuyên đông, thay đổi sao? Nước nhằm biểu thị Phật tính, nó không dịch chuyển, không lay động, cũng chẳng nói rằng đến và đi.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Con người trên thế gian, nắm bắt được ngày hôm nay kể như sẽ có ngày mai. Mỗi người đều có lý tưởng của mình, phải thực hiện lý tưởng, chỉ có không ngừng cố gắng, thay đổi bản thân mới hoàn thiện được mình.

LỜI THIỀN ĐƯỢC MẬT

Có chàng trai đa tài đa nghệ, nhưng việc học thực chẳng có tiến bộ lớn lắm. Vì thế cậu thỉnh cầu một vị thiền sư chỉ bảo cho.

Vị thiền sư này sau khi gặp cậu, chẳng hề nói gì, chỉ mời cậu ăn một bữa cơm. Trên bàn sắp hàng trăm món chay khác nhau, đa số là những thứ chàng trai chưa từng thấy. Ban đầu khi dùng chay, cậu khua đũa muốn ném hết các món, kết quả sau bữa ăn, cậu ăn vô cùng nô nê.

Vì thế Thiền sư hỏi: “Những món con ăn có mùi vị gì nào?”

Cậu xoa xoa bụng, trả lời khó khăn rằng: “Hàng trăm loại mùi vị, rất khó xác định, chỉ nhét cho căng.”

Thiền sư lại hỏi: “VẬY, con có thấy thoải mái, đã chưa?”

Cậu đáp: “Rất khó chịu.”

Thiền sư cười, cũng chẳng nói gì.

Ngày hôm sau, Thiền sư mời cậu cùng lên núi. Khi họ leo tới lưng chừng núi, ở đó có rất nhiều hòn đá lấp lánh quý hiếm. Chàng trai rất phấn khởi, vừa đi vừa lượm đá

bỏ vào trong túi. Túi cậu nhanh chóng đầy đá, cậu đã vác chẳng nổi, nhưng lại không nỡ vất những viên đá đó đi.

Bấy giờ Thiền sư hỏi: “Nên vất đi thôi, nếu vậy làm sao leo lên được tới đỉnh núi chứ?” Chàng trai nhìn lên đỉnh núi chưa từng nhìn thấy bao giờ, liền đốn ngộ, lập tức vất túi, hướng lên đỉnh núi nhẹ tênh. Chàng trai bái biệt Thiền sư, vài năm sau cuối cùng cậu đỗ bằng vàng, trở thành một nhân tài nổi tiếng một thời.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Nữ bỏ tất mới có được, tương tự có được chắc sẽ có mất. Con người trên đời, có rất nhiều thứ cần phải bỏ đi. Chỉ có học được cách bỏ mới có thể sống thoải mái, mới có thể có được gặt hái, mới có thể lên đến đỉnh cao cuộc đời.

1. Tên gọi của 18 vị La Hán – Trong các chùa chiền Phật giáo, 18 vị La Hán nói chung đều có Đường La Hán riêng. Trong Phật giáo họ có rất nhiều màu sắc ly kỳ. Nhưng, tên gọi của 18 vị La Hán lại mới có người biết, đại thể như sau: La Hán Cử Bát, La Hán Phục Hồ, La Hán Hỷ Khánh, La Hán Khán Môn, La Hán Trường Mi, La Hán Tĩnh Tọa, La Hán Oát Nhĩ, La Hán Kỳ Tượng, La Hán Tọa Lộ, La Hán Khai Tâm, La Hán Thám Thủ, La Hán Thác Tháp, La Hán Ba Tiêu, La Hán Quá Giang, La Hán Bồ Đại, La Hán Tiểu Sư, La Hán Trâm Tư.

LỜI DẠY VÔ NGÔN

Có một Học tăng thỉnh thị thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội rằng: “Từ xưa tới nay, tổ sư các đời đều lập ngôn giáo huấn người đời sau, tại sao Thiền sư lại dạy vô ngôn?”

Thiền Hội nói: “Ba năm không ăn cơm, nay người chẳng hề đói.”

Học tăng nói: “Đã là người không đói, tại sao con không khai ngộ?”

Thiền Hội nói: “Chẳng qua chỉ là vì lầm lạc, mê mẩn cả con, hãy nghe ta kệ: Minh minh vô ngộ pháp, Ngộ pháp khước mê nhân; Trường thư lưỡng cước thụ, Vô nguy dịch vô chân.”

Học tăng nói: “Thập Nhị Phân Giáo và Tổ Sư Tây Lai Ý có thể nói đều là người ngộ pháp, tại sao Thiền sư nói không ngộ pháp cũng không có người mê?”

Thiền Hội nói: “Những Tây Lai Ý là Tọa Điện của lão tăng, con hỏi Tây Lai Ý, tại sao không hỏi Kỳ ý của bản thân mình?”

Học tăng nói: “Con chẳng hiểu Kỳ ý là gì? Con chỉ hỏi Thiền sư rốt cuộc muốn dạy người ta bằng Pháp nào?”

Thiện Hội nói: “Vạch hư không, chẳng có đỉnh, Trò Tử Hư có công mắc sợi. Con tại sao nhất định phải vẽ rắn thêm chân chứ? Biết không?”

Học tăng nói: “Không biết.”

Thiện Hội nói: “Cứ theo như ta thấy Phạm hành tại nhà của cư sĩ Duy Ma, Quan cơ thuyết pháp của Phật Tổ Như Lai đều là việc thừa.”

Học tăng nói: “Chẳng lẽ thánh dạy đều chẳng thu được gì sao?”

Thiện Hội nói: “Cái có thể thu được đều chẳng phải thánh dạy!”

Học tăng nói: “Nếu dạy vô ngôn, Học tăng làm sao có thể khai ngộ?”

Thiện Hội nói: “Tây Lai Ý của mình, đâu cần lời dạy của người khác?”

Học tăng cuối cùng đã ngộ ra.

Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp trong 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội. Nhưng, Phật Tổ nói: “Ta chẳng hề nói qua 1 chữ.” Đó chẳng phải nói sàm, thực đúng vậy, vì đã là “chân lý”, nói cũng chẳng tăng thêm, không nói cũng chẳng giảm đi, “Ba năm không ăn, chẳng hề có người đói”. Anh nói có ba mươi tài, chẳng nói cũng có ba mươi tài.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền giả xa lánh tướng văn tự, xa lánh tướng lời lẽ, xa lánh tướng tâm duyên, thuyết pháp bằng lời, quá xa rời Thiền. Vì Thiền không thể nói, cái có thể nói được đều chẳng phải là Thiền. “Ngôn ngữ đạo đoạn”, đó chính là tín điều của tổ sư các đời.

TẾ THẦN NHƯ CÓ THẦN ĐANG NGỰ TRI

Thiền sư Vân Cư Đạo Ứng khi tới thăm thiền sư Động Sơn Lương Giá, thiền sư Lương Giá hỏi: “Thầy từ đâu tới đây?”

Thiền sư Đạo Ứng đáp: “Con từ chỗ thiền sư Thúy Vi tới!”

Thiền sư Lương Giá lại hỏi: “Ở chỗ thiền sư Thúy Vi, ông ta dạy thầy những gì?”

Thiền sư Đạo Ứng nói: “Vào tháng giêng hàng năm thiền sư Thúy Vi đều tế tự 16 vị La Hán và 50 vị La Hán và cúng vô cùng long trọng! Con từng thỉnh thị rằng: Cúng bái La Hán long trọng thế, các vị La Hán có tới dự không? Thiền sư Thúy Vi trả lời con rằng: Vậy hằng ngày con ăn gì? Con nghĩ, câu nói đó chính là lời dạy của thầy.”

Sau khi thiền sư Lương Giá nghe xong, vô cùng kinh ngạc hỏi: “Thiền sư Thúy Vi thực dạy bảo như thế chứ?”

Thiền sư Đạo Ứng khẳng định chắc chắn rằng: “Đúng vậy!”

Thiền sư Lương Giá hết sức phấn khởi.

Đạo Ứng hỏi thiền sư Lương Giá thêm nữa rằng: “Thầy ạ! Xin hỏi hằng ngày thầy ăn những gì?”

Thiền sư Lương Giá không thèm suy nghĩ, liền trả lời rằng: “Ta cả ngày ăn cơm, xưa nay chưa hề ăn qua một hạt gạo; cả ngày uống trà, chưa từng uống một giọt nước.”

Sau khi thiền sư Đạo Ứng nghe rồi bỗng vỗ tay rằng: “Thầy ạ! Vậy hằng ngày thầy thực đang ăn gạo, uống nước đó.”¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Không Tử nói: “Tế thần như có thần đang ngự trị”. Thần minh có tới dự hay không, đó là một chuyện khác. Từ có làm tới không làm, từ sinh diệt tới vô sinh diệt, đó là vấn đề của giải thoát rồi.

-
1. Huyền Trang – Một trong bốn nhà dịch kinh lớn của Trung Quốc – Đại sư Huyền Trang (600 – 664), tục danh họ Trần, người huyện Câu Thi, Lạc Châu tỉnh Hà Nam (nay thuộc vùng giáp ranh phía nam huyện Yên Sư, tỉnh Hà Nam). Năm Trinh Quan thứ 3 sang An Độ cầu pháp, Huyền Trang ở thành của Ấn độ, trở về nước hoàng thông, tháng giêng năm Trinh Quan thứ 19 về tới Trường An. Sau khi Huyền Trang về nước chủ yếu dịch kinh luận đồng thời truyền bá tri thức mới, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dịch kinh của Trung Quốc. Tác phẩm dịch của ông chủ yếu có: “Du già sư địa luận”, “Bà Sa”, “Đại ban nhược kinh”, “Câu xá luận ký”, “Thành duy thức”, “Đại bồ đề tạng kinh”, “Xung tán tịnh thổ kinh”, “Giải thâm mật kinh”...

TỰ NGÃ TỰ PHẬT

Một hôm, thiền sư Linh Huấn tới thăm thiền sư Quy Tông.

Thiền sư Linh Huấn hỏi thiền sư Quy Tông rằng: “Thiền sư! Phật là gì vậy?” Thiền sư Quy Tông vô cùng khó xử nhìn thiền sư Linh Huấn nói: “Này! Không thể nói được với thầy, nói với thầy, thầy cũng không tin đâu.”

Thiền sư Linh Huấn nghe xong liền nói: “Không! Thiền sư! Tôi hỏi thầy thành khẩn, lời nói của thầy, tôi làm sao không dám tin chứ?”

Thiền sư Quy Tông gật gật đầu, nói: “Được! Thầy đã chắc tin, thầy dựa lại đây, tôi nói thầy nghe!” Sau đó thiền sư Quy Tông ghé sát miệng vào tai thiền sư Linh Huấn, nói nhỏ rằng: “Thầy chính là Phật đấy!”

Thiền sư Linh Huấn sau khi nghe xong, trước tiên là ngó ra, sau cười lớn nói: “Ta chính là Phật! Ha ha! Ta chính là Phật!”

Công án này nói với chúng ta rằng: nếu chúng ta cầu pháp ngoài tâm chẳng khác nào cưỡi lừa tìm lừa, Duyên Mộc tìm cá. Trên thực tế, mỗi người đều có Phật tính khi sinh ra, “Phật tại Linh Sơn đừng cầu xa, Linh Sơn ở tại

lòng mình”, đừng nỡ bỏ Linh Sơn trong tim mình, phải rèn luyện vật báu tự tính hướng vào nội tâm ta.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tu hành chỉ có dựa vào bản thân, học theo, bắt chước chỉ giống như anh vũ học nói mà không biết được ý nghĩa thực.

-
1. Nghĩa Tịnh – Một trong bốn nhà dịch kinh lớn của Trung Quốc – Đại sư Nghĩa Tịnh tục danh họ Trương (635 – 713), tên Văn Minh, người Sơn Trang, Tế Châu (nay thuộc Tế Nam, tỉnh Sơn Đông) đời Đường. Ngưỡng mộ Pháp Hiền, đặc biệt việc Huyền Trang sang Tây phương cầu pháp, Nghĩa Tịnh Tây hành cầu pháp, ý muốn truyền rộng ra. Tác phẩm dịch của ông chủ yếu có: “Kinh Hoa Nghiêm”, “Trinh Nguyên lục”, “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tì nại da tụng”, “Nhất bách ngũ thập tán Phật tụng”, “Dược sự”, “Kim quang minh”, “Chường trung luận”, “Đại không tước chú vương”, “Thành duy thức bảo sinh”, “Xưng tán Như Lai công đức thần chú”, “Năng đoạn kim cang luận tụng”, “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tì nại da giới kinh”, “Ni giới kinh”, “Tập sự”, “Ni Đà na mục đắc ca”, “Tì nại da tụng”, “Luật nhiếp”...

NGỘ TÍNH KHÔNG ĐƯỢC BẮT CHƯỚC

Có hai Học tăng cùng ở trong một Am, hai người đã lâu không gặp nhau. Một hôm hai người gặp nhau, Học tăng ở phía trên nói với Học tăng phía dưới rằng: “Đã lâu không gặp, chẳng hay thầy đạo này bạn gì vậy?”

Học tăng ở phía dưới trả lời: “Tôi đang bận làm một ngọn tháp không có khe hở.”

Học tăng ở phía trên nghe rồi vô cùng phấn khởi, nói: “Tôi cũng đang muốn làm một ngọn tháp không có khe hở, có thể mượn tháp của thầy xem được chứ?”

Học tăng ở phía dưới nói: “Thực không may, tôi làm sao không nói sớm nhỉ? Tháp không có khe hở của tôi cho người khác mượn rồi!”

Học tăng ở phía trên rất tự tin nói: “Không sao, thầy cho tôi xem một cái là được rồi.”

Bản tính của chúng sinh mới là ngọn tháp không có khe hở thực sự, ngoài pháp tính viên mãn, còn có tháp gì không có khe hở chứ?

Pháp thân Xá lợi là pháp tính toàn thể của Phật giác ngộ, chính là chỗ mà Phật dựa vào đó để giác tính. Kinh điển Pháp ngữ trong Pháp tính như khai thị cũng nói là pháp

thân, cũng có thể gọi là Pháp thân Xá lợi. Trong “Kinh Kim cang” viết: “Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thể gian thiên nhân A Ta La sở ứng cúng dường, đương tri thử xứ, tác vi thị tháp.”

Học tăng phía dưới đã biết được pháp thân vô biên, nên mới biết làm tháp không có khe hở, ngọn tháp vô biên để cúng dường pháp thân. Nhưng, loại ngộ tính này bắt chước không được, là duy chứng tương ứng, nên có mượn cũng không được, học cũng không học được, Học tăng phía dưới đương nhiên lấy có rằng đã cho người khác mượn.

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Phật” không cần phải tìm ở ngoại giới, không cần theo đuổi ngoài tâm, vì Phật ở trong lòng mỗi người, phải hướng vào bảo tàng tâm hồn nơi sâu thẳm tâm hồn mình để rèn luyện.

TRONG CỬA HAY NGOÀI CỬA

Thiền sư Vân Môn đi thăm thiền sư Mục Châu, tới đạo tràng của thiền sư Mục Châu đúng lúc hoàng hôn. Vân Môn cố gõ hai cánh cửa đóng kín, rất lâu sau, Mục Châu mới ra mở cửa. Sau khi Vân Môn nói rõ lý do tới, định bước chân vào cửa, Mục Châu liền đóng sầm cửa lại, Vân Môn la lớn:

“Ái chà! Úi chao! Đau quá!”

Thiền sư nói: “Ai đang kêu đau thế?”

Vân Môn đáp: “Thầy ơi! Là con.”

Thiền sư nói: “Người đang ở đâu thế?”

Vân Môn đáp: “Con đang ở ngoài cửa!”

Thiền sư nói: “Người ở bên ngoài, tại sao kêu đau vậy?”

Vân Môn đáp: “Vì, thầy đóng cửa sập vào chân con ở bên trong.”

Thiền sư nói: “Chân ở trong cửa, tại sao người ở bên ngoài chứ?”

Vân Môn đáp: “Quả thực tách con ra thành trong ngoài rồi.”

Thiền sư nói: “Đồ dốt! Một người còn có chia làm trong ngoài nữa à?”

Vân Môn nghe thấy lời nói đó dường như gõ vào tim, bỗng thế giới thân tâm hư vọng bị vỡ vụn, cuối cùng đại ngộ.

Thiền sư Vân Môn mặc dù bị kẹp đứt chân, nhưng sự “đóng mở” này lại chặt đứt ý thức hư vọng bời bời, chứng ngộ đạo lý nội ngoại nhất như, bình đẳng vô nhị.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Mọi sự nơi thế gian trong mắt Thiền giả đều là sự đối đãi hư vọng, trong ngoài, anh tôi, thiện ác, lớn nhỏ... bởi vậy người thường bị hư vọng bó sát, không thể nào siêu việt được. Còn nay phải đoạn tuyệt chúng lưu, trở về bản nguyên, thống nhất nội ngoại, siêu việt người và ta, không ngộ còn là gì?

TRẢ LỜI HAY KHÔNG

Thiền sư Vân Nham Đản Thăng là đệ tử của thiền sư Dược Sơn, thầy của thiền sư Động Sơn Lương Giá. Một lần, ông nói với mọi người: “Có một người, ai hỏi ông cũng có thể trả lời được.”

Động Sơn hỏi: “Nhà ông ta có bao nhiêu sách?”

Đản Thăng nói: “Một chữ cũng chẳng có.”

Động Sơn hỏi: “Làm thế nào mà ông ta có nhiều kiến thức đến thế?”

Đản Thăng nói: “Ông ta đêm ngày đều không ngủ.”

Động Sơn hỏi: “Ta có thể hỏi ông ta một việc được chứ?”

Đản Thăng trả lời: “Câu trả lời của ông ta chính là không trả lời.”

Động Sơn hỏi: “Đã là không có câu không thể trả lời, tại sao không trả lời chứ?”

Đản Thăng đáp: “Vi không trả lời mới là câu trả lời thực sự.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Nghi vấn của Thiền môn là sự khai hoa của tâm trí; không nói toạc. Không nói hết mới là chỗ dụng công của Thiền giả.

HUYỀN DIỆU CỦA THIÊN

Có một người Đố Tín Phật cứ không hiểu Thiên là gì, đi khắp nơi tìm người dò hỏi, nhưng đều không tìm được câu trả lời làm anh ta hài lòng. Từ đó, Thiên giống như sợi thừng trói buộc trong lòng anh ta không thể cởi ra được.

Anh tới cánh cửa của một ngôi chùa cô, định vào lạy Phật. Sau khi vào Phật đường, có một vị hòa thượng ra đón anh. Lễ Phật xong, anh nói vị hòa thượng nơi nào của thiên sư cao minh phi thường, muốn thỉnh giáo về vấn đề Thiên, để cởi mối tơ lòng. Hòa thượng nói với anh rằng nơi này chính là Thiên tự và vui lòng trả lời bất cứ câu hỏi nào của anh, giúp anh cởi mối tơ lòng. Vì thế, Tín ngưỡng giả hỏi liền: “Thiên là gì?”

Thiên sư trả lời: “Thiên là tất cả.”

Hiển nhiên, câu trả lời này không làm Tín ngưỡng giả hài lòng, nên anh hỏi tiếp: “Cái gì không phải là Thiên?”

Thiên sư nói: “Cái gì cũng chẳng phải là Thiên.”

Tín ngưỡng giả dù không hài lòng câu trả lời đó, nhưng lại cảm thấy có chút lý, nhưng vẫn cảm thấy mông lung không hiểu, như đúng như sai, bèn hỏi: “Vậy, làm thế nào để phân biệt được giữa Thiên và không phải Thiên?”

Thiền sư nói: “Khi con cho là Thiền, đó chính là Thiền; Khi con không cho là Thiền, đó chính là không Thiền.”

Tín ngưỡng giả nghe câu trả lời của thiền sư, vẫn không biết đầu cua tai nheo ra sao. Đầy đầu tơ vò, Tín ngưỡng giả bực mình, cảm thấy thiền sư đang giỡn mình, phi báng Phật, thực đang chơi mình. Nhưng, không thể có hành vi thiếu lễ độ, anh liền suy nghĩ nhanh, biểu hiện những điều không hài lòng trong bụng ra, nói một cách không khách khí rằng: “Nhưng, Thiền là gì, có thể tách bạch bằng cách “tôi cho rằng” hoặc “tôi không cho rằng” được chứ?!”

Thiền sư nghe ngầm hiểu ý của Tín ngưỡng giả, nhưng vẫn trả lời ôn hòa: “Khi con đã không “cho rằng”, cũng chẳng “không cho rằng” thì con phân biệt thế nào?!”

Huyền cơ của Thiền nhằm biểu đạt chữ “cơ”, thì nó chẳng là điều kiện, mà là sự bay nhảy, là vượt qua nhân quả, giống như đưa trẻ hai tay cầm chiếc kẹo, sau đó hỏi người lớn trong tay nó có bao nhiêu chiếc kẹo. Người lớn không thể nào phán đoán được, chỉ biết trả lời: “Không phải một chiếc, chính là một cặp.” Nhưng, câu trả lời đó rõ ràng nhạt nhẽo vô vị, có lúc gặp phải cậu bé thông minh hóm hỉnh, nó còn nheo mắt nói: “Có một chiếc kẹo, con đã ăn mất một nửa.” Bây giờ, chúng ta không thể không khâm

phục câu trả lời của Thiên sư quả thực quá sáng suốt, rất huyền diệu.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Lời lẽ của Thiên thường không rõ ràng, nhưng, đó chính là chỗ huyền cơ của Thiên, đòi hỏi bản thân phải ngộ ra, để tự tìm ra lời giải trong sự mông lung. Thênh thang sáng sủa có lẽ chính là Thiên.

-
1. Cưu Ma La Thập – Một trong bốn nhà dịch kinh lớn của Trung Quốc – Đại sư Cưu Ma La Thập (343 – 413) là người Quy Tư. Cưu Ma La Thập hiệu là Tam Thiên, việc học tập, nghiên cứu Đại thừa của ông tạo cơ sở tốt cho sự nghiệp dịch kinh. Về sách dịch của Cưu Ma La Thập có thể thấy được việc hoằng dương của ông, chủ yếu dựa vào kinh Nhưặc ban để xây dựng hàng loạt học thuyết Đại thừa Long thụ nhất hệ. Sách dịch của ông chủ yếu gồm: “Đại phẩm Ban nhưặc kinh”, “Tiểu phẩm Ban nhưặc kinh”, “Bách luận”, “Trung luận”, “Thập thất địa luận”, “Thập tụng giới”, “Thập nhị môn”, “Đại Trí độ luận”, “Pháp Hoa kinh”, “Duy Ma kinh”, “Thủ Lăng Nghiêm tam muội kinh”, “Thập trú kinh”...

TRẢ LỜI ĐIỀU KHÔNG HỎI

Khi thiền sư Lâm Tế và thiền sư Phụng Lâm qua lại với nhau, có một lần thiền sư Phụng Lâm hỏi: “Tôi có một câu hỏi muốn thỉnh giáo thầy, không biết thầy có đồng ý trả lời không?”

Thiền sư Lâm Tế trả lời: “Ai chẳng biết người trên Phụng Lâm là nhà thơ lớn. Ta có thể không phải nạo thịt mình để bị thương! Nhưng, ta lại rất hiếu kỳ về câu hỏi của thầy là gì?”

Phụng Lâm hỏi: “Hải nguyệt trùng vô ảnh, Du ngư độc tự mê.”

Lâm Tế nói: “Hải nguyệt ký vô ảnh, Du ngư hà đắc mê được?”

Phụng Lâm hỏi: “Quan phong khán lãng khởi, Ngoạn thủy dã phàm phiêu.”

Lâm Tế nói: “Cô luân độc chiếu giang sơn tĩnh, Trường khiếu nhất thanh thiên địa thu.”

Phụng Lâm hỏi: “Nhậm tương tam thốn duy thiên địa, Nhất cú lâm cơ thí đạo khán.”

Lâm Tế nói: “Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm, Bất thị thi nhân mạc hiển thi.”

Phụng Lâm tới đây đã không còn biết nói sao, vì thế thiền sư Lâm Tế vẫn ngâm tụng:

“Đại đạo tuyệt đông, Nhậm hướng đông tây; Thạch hỏa mạc cập, Điện quang vãng thông.”

Về sau thiền sư Vi Sơn thấy mấy câu tụng này, bèn hỏi thiền sư Nguỡng Sơn: “Tốc độ của nó nhanh, ngay cả tia lửa đá cũng không bằng, thậm chí ánh sáng của chớp cũng không bằng, vậy tiên hiền cổ quái dạy dỗ người sau học bằng cách nào chứ?”

Nguỡng Sơn hỏi: “Thầy, ý của ngài là gì vậy?”

Vi Sơn đáp: “Chỉ muốn có thể nói ra, chứ không có ý gì.”

Nguỡng Sơn nói: “Con chẳng hề cho là vậy.”

Vi Sơn: “Tại sao?”

Nguỡng Sơn nói: “Mọi lời nói đều là Phật pháp; mọi Phật pháp đều ở nguồn tâm; tâm niệm hễ động, trải khắp 10 phương giới, lửa của viên đá, ánh sáng của chớp đều chẳng nhanh bằng tâm.”

Vi Sơn nói: “Quả thực hay, Hải nguyệt cũng hay, cá lội cũng hay, gió sóng cũng hay, buồm cũng hay, sông núi tịch mịch, trời thu tiêu điều, thi nhân kiếm khách, trời đất gặp nhau đều ở trong lòng, có quan hệ gì với mê ngộ? Liên quan gì tới tốc độ chứ?”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền giả hay hỏi, vì họ đối với nhân sinh, Phật đạo, Thiền tâm tràn đầy nghi vấn. Nhưng, câu trả lời xét trên phương diện khác thường lại chẳng để trả lời câu hỏi, xem ra vấn đáp chẳng có quan hệ gì với nhau, song trên thực tế lại gắn kết chặt chẽ, liên quan mật thiết.

GIỎI BIẾT TỰ GIỮ GÌN

Thiền sư Linh Huấn khi học ở chùa Quy Tông, Lư Sơn, một hôm có ý định muốn xuống núi. Vì thế xin từ biệt thiền sư Quy Tông, thiền sư hỏi: “Con muốn đi đâu vậy?”

Linh Huấn trả lời thực thà rằng: “Trở về Lãnh Trung.”

Thiền sư Quy Tông từ bi hỏi: “Con học ở đây 13 năm, nay muốn đi, thầy nên nói cho con một số tâm yếu Phật pháp, chờ con chuẩn bị xong hành lý, rồi tới gặp thầy một chút.”

Thiền sư Linh Huấn chuẩn bị xong hành lý để bên ngoài cửa trước rồi топ gặp thiền sư Quy Tông.

Thiền sư Quy Tông dặn: “Tới trước mặt thầy đây!”

Linh Huấn theo lời đến gần phía trước.

Quy Tông nhẹ nhàng nói: “Thời tiết lạnh giá, trên đường giỏi biết tự giữ gìn.”

Thiền sư Linh Huấn bỗng khế ngộ.

Tu học Phật pháp chưa thành đã thoái, đó là bỏ trách nhiệm đối với việc bổn phận của mình. Câu nói thể hiện lòng quan tâm “Thời tiết lạnh giá”, câu động viên “trên

đường tự biết giữ gìn” cuối cùng khiến cho Linh Huấn trở về nhà nhận được ra mình!¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Phật pháp tâm yếu” thiền sư Quy Tông nói là gì? Tâm từ bi, tâm BỒ ĐỀ, tâm Ban nhược? Nói tắt một lời, đó chính là tâm Thiên.

-
1. Đại sư Chân Đế – Một trong bốn nhà dịch kinh lớn của Trung Quốc – Đại sư Chân Đế là người Ưu Thiền Ni, Ấn Độ, ở Trung Quốc 23 năm, dịch tất cả hơn 60 bộ kinh luận. Ông là một trong những nhà dịch kinh quan trọng nhất, đặc biệt nhất thời Nam Bắc triều. Trong những kinh điển mà Đại sư Chân Đế dịch, “Câu xá thích luận”, “Nhiếp đại thừa luận”, “Duy thức luận” là những tác phẩm dịch quan trọng có ảnh hưởng sâu sắc tới Phật giáo Trung Quốc. Những tác phẩm luận này thông qua bản dịch của Đại sư Chân Đế, Đại thừa Duy thức học đã được phát triển ở Trung Quốc.

THIÊN KHÔNG CÓ TA VÀ NGƯỜI

Thiền sư Phật Quang thấy thiền tăng Khắc Khiết cả ngày không nói, bèn hỏi: “Thầy từ khi tới đây học, dường như ngày tháng thấm thoát đã 12 năm, tại sao thầy chưa từng hỏi ta về Đạo nhỉ?”

Thiền tăng Khắc Khiết nói: “Lão thiền sư hằng ngày rất bận, Học tăng thực không dám làm phiền.”

Thời gian thoi đưa, bỗng chốc đã 3 năm nữa trôi qua. Một hôm, thiền sư Phật Quang trên đường gặp Thiền tăng Khắc Khiết, lại hỏi: “Thầy tham thiền tu đạo, có vấn đề gì không? Tại sao không tới hỏi ta nhỉ?”

Thiền tăng Khắc Khiết trả lời: “Lão thiền sư rất bận, Học tăng chẳng dám nói năng tùy tiện với thầy!”

Rồi 1 năm nữa trôi qua, Thiền tăng Khắc Khiết tới ngoài phòng của thiền sư Phật Quang, thiền sư lại nói với Thiền tăng Khắc Khiết: “Thầy lại đây, hôm nay rảnh rồi, mời đến Thiền thất của ta nói chuyện về đạo Thiền.”

Thiền tăng Khắc Khiết liền chấp tay hành lễ, nói: “Lão thiền tăng rất bận, con làm sao dám tùy tiện để lãng phí thời gian của thầy chứ?”

Thiền sư Phật Quang biết thiền tăng Khắc Khiết quá khiêm nhường, không dám đối diện với hiện thực, rồi tham thiền thế nào cũng không thể khai ngộ được. Thiền sư Phật Quang biết không chủ động thì không được, nên lần nữa gặp thiền tăng Khắc Khiết bèn hỏi: “Học đạo tọa Thiền phải không ngừng tham cứu, tại sao thầy cứ không tới hỏi ta thế?”

Thiền tăng Khắc Khiết vẫn nói: “Lão thiền sư, thầy quá bận, Học tăng không tiện quấy rầy!”

Bấy giờ thiền sư Phật Quang la lớn tiếng rằng: “Bạn! Bạn! Ta bận làm người, người không biết vì sao bận.” Thiền tăng Khắc Khiết sau khi nghe thế liền ngộ.

Bản lai diện mục của Thiền chính là gánh vác trực diện! Khi ăn cơm thì ăn cơm, khi tu đạo thì tu đạo, khi hỏi phải hỏi thật cần trọng, khi trả lời phải trả lời chắc chắn. Không thể uốn éo vòng vèo, nửa vời ba phải! Có thể giúp, tại sao không cần người giúp? Người và ta đâu thể phân biệt rạch ròi đến thế!¹

-
1. Tôn vị của Thần Tài Võ – Hàng trăm nghìn năm nay, trải qua sự truy phong của tầng lớp thống trị qua các thời đại cho đến hý khúc, văn học điển nghĩa, miêu thuật, hình tượng Quan Công có những mỹ đức đại biểu cho truyền thống của dân tộc Trung Hoa hoàn mỹ với “trung với nước, nhân với người, xử sự mưu trí, kết bạn tín nghĩa, dũng cảm chiến đấu” hiển hiện trước thế nhân. Ông từ “Vạn thể nhân kiệt” thăng đến “Thần trung chi thần” trở thành tôn vị hóa thân bởi Chiến Thần, Tài Thần, Văn Thần, Nông Thần, Tập Thần giáo, Đạo giáo và Phật giáo, là vị thần vạn năng toàn phương vị,

TRÍ TUỆ THIÊN:

Có những người quá ích kỷ mà chẳng để ý tới người khác, chuyện nhỏ nhặt cũng nhờ vả; có những người quá khắt khe, giữ kẽ, chẳng dám vì mình, cuối cùng để mất đi nhiều cơ hội tốt.

được tầng lớp thống trị và nhân dân khắp nơi, Thần Châu Hoa Hạ và hải ngoại cùng phụng thờ, ngưỡng vọng.

LỤC TỔ NÓI VỀ THIỀN

Thiền sư Thần Hội tới thăm Lục Tổ, Lục Tổ hỏi: “Con từ đâu đến đây?”

Thần Hội thưa: “Chẳng từ đâu đến cả.”

Lục Tổ hỏi: “Thế tại sao không đi?”

Thần Hội đáp: “Không đến, nói gì đến đi!”

Lục Tổ hỏi: “Con có đem sinh mạng tới rồi chứ?”

Thần Hội đáp: “Đem đến rồi.”

Lục Tổ hỏi: “Đã có sinh mạng, chắc biết chân tướng trong sinh mạng mình rồi chứ?”

Thần Hội đáp: “Chỉ có nhục thân đi đi về về, chẳng có linh hồn tới tới lui lui!”

Lục Tổ cảm thiên trượng lên, đánh cho một cái. Thần Hội chẳng hề né tránh, chỉ cao giọng hỏi: “Khi hòa thượng toạ Thiền có nhìn hay không nhìn?”

Lục Tổ lại đánh thêm ba phát mới nói: “Ta đánh ngươi có đau hay không?”

Thần Hội đáp: “Cảm thấy đau rồi không đau.”

Lục Tổ hỏi: “Đau hay không đau có ý nghĩa gì chứ?”

Thần Hội trả lời: “Chỉ có người phàm mới vì đau mà sinh lòng oán hận, gổ và đá thì không cảm thấy đau.”

“Là thế đó! Sinh mạng là phải vượt qua mọi quan niệm thế tục, bỏ đi mọi trần tượng và dụ niệm. Nhìn hay nhìn, có quan hệ gì? Đau và không đau thì có sao? Không thể vứt bỏ sự trói buộc của tám xác còn nói gì đến bản nguyên của sinh mạng?”

Lục Tổ lại nói: “Người hỏi đường là vì chẳng biết đường đi, nếu biết còn hỏi làm gì? Bản nguyên của sinh mạng con chỉ có bản thân con có thể nhìn thấy, vì con lạc lối, nên con mới đến đây hỏi ta có thấy sinh mạng của con không. Sinh mạng đòi hỏi bản thân mình phải nắm, hà tất hỏi ta có thấy hay không?”

Thần Hội lặng lẽ chấp tay bái lạy.

TRÍ TUỆ THIÊN:

“Ý tịnh tâm thanh”, người muốn Tu thân trước tiên phải Chính tâm, muốn chính tâm trước tiên phải Thành ý, muốn Thành ý trước tiên phải Chí tri, chí tri nơi Cách vật.

AI LÀ THIỀN SƯ

Thiền sư Phật Quang trong cuộc sống tham Thiền thường quen đi bản thân. Có những Thiền giả đến học từ các nơi muốn gặp thiền sư để thỉnh giáo. Khi Thị giả thông báo nói, có những Học tăng nào từ đâu đến muốn gặp thiền sư để hỏi về Thiền.

Thiền sư Phật Quang thường hỏi lại một cách tự nhiên rằng: “Ai là thiền sư?”

Có lúc, thiền sư Phật Quang đang ăn cơm, Thị giả hỏi: “Thiền sư! Thầy ăn cơm no chưa?”

Thiền sư cũng giống như mông lung hỏi: “Ai đang ăn cơm?”

Một lần thiền sư Phật Quang xuống ruộng cuốc cỏ, từ sáng tới chiều chẳng nghỉ ngơi chút nào, trong chùa mọi người trông thấy đều hỏi han: “Thiền sư! Thầy vất vả quá!”

Thiền sư Phật Quang lễ phép đáp: “Ai đang vất vả thế?”

“Ai đang vất vả?”, “Ai đang ăn cơm?”, “Ai đang đi qua?”, “Ai đang nói chuyện?” thiền sư Phật Quang thường quen mình mà trả lời người khác như vậy và hỏi lại người khác.

“Ai là thiền sư?”, kỳ thực đó chính là thiền sư vậy. Không ít Thiền giả, người học, vì lời nói của thiền sư Phật Quang mà tìm lại chính mình, nhận ra bản thân mình.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Lời lẽ lặng lẽ động tĩnh của Thiền giả đều hàm chứa những ý nghĩa sâu sắc. Nó giống như cuộc sống của chúng ta, đừng để vòng hào quang bên ngoài úp vào, bước đi vẫn là chính mình, hãy tiến lên phía trước trên mặt đất chân thực.

CHÂN TÂM CỦA MẮT

Thiền sư Đạo Ngô hỏi thiền sư Vân Nham: “Quan Thế Âm Bồ Tát có nghìn mắt nghìn tay, xin hỏi thầy, mắt nào là mắt thực vậy?”

Thiền sư Vân Nham trả lời: “Giống như buổi tối thầy ngủ, khi gối rơi xuống đất, thầy chẳng hề mở mắt, tay quờ xuống đất lấy lên rồi ngủ tiếp. Xin hỏi thầy, thầy lấy nó bằng mắt nào thế?”

Sau khi thiền sư Đạo Ngô nghe xong, nói: “Ồ! Sư huynh, ta hiểu rồi!”

“Người hiểu gì?”

“Khắp người là mắt”, Đạo Ngô nói.

Thiền sư Vân Nham cười, nói: “Thầy chỉ hiểu 80% thôi!”

Đạo Ngô nghi hoặc hỏi: “Vậy phải nói sao cơ?”

“Suốt người là mắt!”

“Quan Âm nghìn mắt nghìn tay” là một câu chuyện thần thoại và truyền thuyết đẹp đẽ nhất trong giới Phật Trung Quốc. Quan Âm Bồ Tát là một biểu tượng đẹp “quan ái nhân gian, phổ độ chúng sinh”. Người chủ sáng tạo cho

người phàm vị Quan Âm yêu thương với “nghìn tay nghìn mắt”, ý nghĩa của nó không nằm ngoài việc nhằm tăng cường thêm sức hấp dẫn của Phúc tinh, có thể khiến cho con người mãi mãi mong có được, luôn luôn hướng về, yêu thương vô hạn, tất cả đều nằm trong nghìn mắt nghìn tay của Quan Âm, đạt được thứ mong muốn, thực hiện và dựa dẫm.

Bởi vậy, “Khấp người là mắt”, là nhận thức bằng ý thức phân biệt, còn “suốt người là mắt” là sự hiển hiện của trí tuệ tâm tính và không phân biệt. Chúng ta có một chân tâm suốt người là mắt, tại sao không dùng nó chiếu rọi mọi thứ thấu trời đất chứ?

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiên là một thứ tu hành quan chiếu “tồn tại và tự tính”, sắp xếp yên ổn tư tưởng của con người, khiến cho tư tưởng ký thác nơi cảnh giới trường tồn xa xôi và không thể hình dung được.

SIÊU ĐỘ CHO CHÓ

Có hai vị hòa thượng cùng nhau học Thiền, thầy A nhật về một con chó đã tắt thở và nói với thầy B rằng: “Tôi đi xin chút sữa bò về cho nó uống.”

Nhưng vừa đi được một lát, thầy B phát hiện thấy con chó đã chết, vì thế niệm kinh cho con chó. Thầy A đi xin sữa bò về thấy thế nói: “Kinh văn thâm sâu như vậy, nó làm sao nghe hiểu nổi, để tôi.”

Vì thế, thầy đưa sữa bò ra trước con chó, nói: “Con cả đời này sống quá đau khổ rồi, uống ly sữa này đi, mong con kiếp sau ngày nào cũng được uống sữa. Siêu độ hoàn tất.”

Thầy B đứng bên cạnh bỗng tỉnh ngộ: “Thiền vốn giản đơn tự nhiên như vậy, có trái tim yêu thương, có tình ý biết bao.”

Thiền thâm thấu mọi ý nghĩa chân thực cuộc đời, tràn trề hạnh phúc cuộc đời, khiến cho bản thân nhập vào tâm của vũ trụ với một thái độ tự nhiên thoải mái, tự do tự tại để sống. Mỗi người chúng ta đều có thể tạo dựng hạnh phúc, hòa bình, có thể yêu thương chúng sinh, bao dung lẫn nhau, Thiền dạy chúng ta càng chuyên tâm, nhập tâm

hơn đối với tình yêu và công việc, càng có lòng từ bi, trái tim yêu thương đối với vạn vật.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền tu tâm của ta, ban phước cho tha nhân. Thiền giản dị tùy ý, tùy tính theo tính. Cuộc sống của Thiền thanh tịnh, bình thường, bình đẳng. Chỉ cần bạn có tâm có tình, có ý có yêu thì có thể đạt đến cảnh giới thuần mỹ “Thân tại vạn vật trung, Tâm tại vạn vật thượng”.

-
1. Thế giới Tây phương cực lạc – Phật giáo cho rằng, thông qua tu hành có thể chuyển sinh tới Tịnh thổ – nơi Phật cư trú - sau khi chết. Phật có vô số, vì thế Tịnh thổ cũng có vô số, trong đó nơi Phật A Di Đà cư trú gọi là “Tây phương Tịnh thổ A Di Đà”, gọi tắt là “Tịnh thổ Di Đà”, cũng gọi là “Thế giới Tây phương cực lạc”. Theo truyền thuyết, Phật A Di Đà là giáo chủ của thế giới Thế giới Tây phương cực lạc, có thể đón những người niệm Phật vãng sanh Tây phương. Theo cách nói của “Kinh Vô lượng thọ”, Thế giới Tây phương cực lạc vô cùng trang nghiêm, toàn bộ mặt đất được trải các vật báu như vàng, bạc, hồ phách, mã não, khí hậu hiền hòa, không có thời tiết giao mùa. Những quần áo chúng sinh mặc cũng được sản sinh từ ứng niệm. “Kinh Đại A Di Đà”, “Kinh Vô lượng thọ”, “Kinh Quan Vô lượng thọ” có rất nhiều ghi chép nhằm giới thiệu và ca ngợi Thế giới Tây phương cực lạc.

MỘT VÀ BA

Thiền sư Huyền Sa Sư Bị có một lần nói với thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn rằng: “Có chổng gậy không? Ta hóa duyên cho thầy một chiếc gậy chổng.”

Thiền sư Tuyết Phong khẳng khái đáp: “Tôi có ba cây gậy chổng, thầy lấy một chiếc đi tốt rồi.”

Thiền sư Huyền Sa kinh ngạc nói: “Mỗi người đều chỉ có một cây, vậy tại sao thầy lại có ba cây chứ?”

Thiền sư Tuyết Phong giải thích: “Ba cây có tác dụng của 3 cây.”

Thiền sư Huyền Sa không cho là thế, nói: “Đúng tức là đúng, tôi lại không dùng như thế.”

Thiền sư Tuyết Phong hỏi: “Vậy thầy dùng làm gì?”

Thiền sư Huyền Sa trả lời: “Là ba là một.”

Bấy giờ, tới lúc thiền sư Tuyết Phong không cho vậy, nói: “Ba là ba, Một là một; Ba là một, Một là ba; là ba là một, là một là ba. Việc này giống như một mảnh đất, một nhóm người trồng trọt, mọi người chẳng ai không dựa vào đó để sinh sống, là một là ba, thầy làm sao có thể chỉ nói là ba là một?”

Thiền sư Huyền Sa nói: “Thầy dựa vào đâu nói là một mảnh đất?”

Thiền sư Tuyết Phong dùng tay vẽ một nét trong không, nói: “Xem! Đây là một mảnh đất!”

Thiền sư Huyền Sa nói: “Đúng là đúng, tôi không nói vậy.”

Thiền sư Tuyết Phong hỏi: “Tại sao thầy không nói thế chứ?”

Thiền sư Huyền Sa nói: “Đó là việc của các người, các người sinh tử các người, các người ăn cơm các người no.”

Thiền sư Tuyết Phong hỏi: “Người người đã vậy, tại sao mượn gậy của người khác, mà không dùng gậy của mình nhỉ?”

Thiền sư Huyền Sa bèn đọc kệ: “Đạt Ma bắt lai Đông Thổ, Nhị Tổ vát vãng Tây Thiên, Đương Lai đích tắc lai, Đương khứ đích tắc khứ, Dụng nhất trụ trượng tử trợ tha, Mạc dụng tam chi trụ trượng tử lụy tha!”¹

-
1. Công đức của phóng sinh – Phóng sinh là trông thấy sinh mạng của chúng sinh khác loài gặp nguy hiểm, phát lòng từ bi, mua vật cứu chuộc, một hành vi nhằm giải cứu thích phóng. Công đức của phóng sinh vô lượng vô biên: (1) không dùng đao binh cướp để tránh tai họa chiến tranh, sát hại; (2) Trường thọ, mạnh khỏe, ít bệnh; (3) Tránh được thiên tai giáng họa, nhiều thứ tai nạn; (4) Con cháu đời đời hưng thịnh, sinh sôi nảy nở; (5) Khí hậu hiền hòa, bốn mùa yên ổn.

TRÍ TUỆ THIỀN:

Gậy chống Thiền tông nói chính là bản tính thanh tịnh mọi người vốn có, không thể nói có, cũng không thể nói không; không thể nói một, làm sao có thể nói ba? Anh không là tôi đoạt của anh, anh có là tôi đưa cho anh, giữa Thiền sư với nhau chỉ là 1 đến 1 đi, 1 đi 1 đến, hà tất phân biệt 2, 3 làm gì?

NGOẠI GIÁO ĐỪNG TRUYỀN

Tướng quốc Bùi Hưu thời nhà Đường là một cư sĩ học Thiền. Ông ghi chép lại bằng văn tự những điều tâm đắc về việc tham Thiền của mình đồng thời biên soạn thành sách. Sau khi hoàn tất sách, ông vô cùng cung kính dâng lên thiền sư Hoàng Bách, hy vọng thiền sư có những nhận xét về nội dung của nó.

Thiền sư Hoàng Bách sau khi nhận cuốn sách, xem cũng chẳng buồn xem bèn đặt lên trên bàn, rất lâu mới hỏi Tể tướng Bùi Hưu: “Con hiểu ý của thầy chứ?”

Bùi Hưu thành thực đáp: “Không hiểu!”

Thiền sư Hoàng Bách khai thị nói: “Thiền là thứ không lập văn tự, con biểu thị Phật pháp trên giấy trắng mực đen là bóp chết ý nghĩa chân chính của Phật pháp, cũng như làm mất đi tôn chỉ của môn ta, nên thầy mới không xem.”

Bùi Hưu nghe xong càng khế ngộ hơn đối với Thiền, cũng càng kính trọng thiền sư Hoàng Bách và viết bài tụng ngợi ca rằng:

Tự tùng đại sĩ truyền tâm ấn, Ngạc hữu viên chu thất xích thân,

Quái tích thập niên thâm thực thủy, Phù bối kim nhật độ
Chương Tân,

Bát thiên long tượng tùy cao bộ, Vạn lý hương hoa
kết thắng nhân,

Nghĩ dục sự sự vi đệ tử, Bất tri tương pháp thị hà
nhân?

Thiền sư Hoàng Bách xem bài tụng này và chẳng có
ý nói tốt hay xấu, chỉ nói:

Tâm như đại hải vô biên tế, Chỉ thổ hồng liên dưỡng
bệnh thân,

Tự hữu nhất song vô sự thụ, Bất tăng chỉ áp đẳng
nhàn nhân.

Thiền sư Hoàng Bách là một người thẳng thắn chính
trực nhất trong lịch sử Thiền tông của Trung Quốc. Ông và
các thiền sư Lâm Tế trở thành thủy tổ “chất chúa”. Khi 65
tuổi, ông ở chùa Long Hưng, Giang Tây, Bùi Hưu đưa lời
thuyết pháp của ông vào cuốn Thượng “Truyền pháp tâm
yếu”. Năm ông 72 tuổi, ông ở chùa Khai Nguyên, Hà Nam,
Bùi Hưu biên soạn lời khai thị của ông thành cuốn quyển
Hạ “Truyền pháp tâm yếu”, nhưng đối với những ghi chép
của Bùi Hưu, rốt cuộc ông cũng chẳng buồn xem, có thể
thấy tác phong Thiền môn cao như ông quá hiếm có.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Không lập văn tự, Thiên truyền đạt tới cuộc đời bằng phương thức giản dị nhất. Giản đơn là một loại trí tuệ minh mông, nhanh gọn sáng sủa, song cao rộng sâu sắc.

NGỘ RA TÂM YẾU

Thiền sư Quảng Huệ Nguyên Liên khi mới học Đạo ở chỗ thiền sư Chân Giác, ban ngày phụ trách những công việc bếp núc, buổi tối thì học tu hành, tụng kinh. Một hôm, thiền sư Chân Giác hỏi: “Con xem kinh gì rồi?”

Nguyên Liên trả lời: “Kinh Duy Ma.”

Chân Giác hỏi thêm: “Kinh ở đây, cư sĩ Duy Ma ở đâu?”

Nguyên Liên không biết phải trả lời sao, vô cùng xấu hổ vì hiểu biết nông cạn của mình, rồi hỏi lại thiền sư Chân Giác rằng: “Duy Ma ở đâu thầy?”

Chân Giác trả lời: “Thầy biết cũng được, không biết cũng chả sao, nhưng không thể nói được cho con biết!”

Nguyên Liên cảm thấy rất xấu hổ, bèn từ biệt thiền sư Chân Giác đi hành hương vân du khắp nơi, với hiểu biết nhiều gấp 50 người, nhưng vẫn không sao ngộ được. Một hôm ông tới thăm thiền sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm ở Hà Na, hỏi: “Học nhân thân đáo bảo sơn, Không thủ hội khứ chi thời là sao?”

Thiền sư Thủ Sơn nói: “Thu gom của quý nhà mình!”

Nguyên Liên liền ngộ và nói: “Tôi chẳng nghi ngờ lưỡi của các Thiền sư.”

Thủ Sơn hỏi: “Tại sao vậy?”

Liên Nguyên trả lời: “Tôi cũng có lưỡi.”

Thủ Sơn vô cùng hoan hỷ nói: “Thầy đã ngộ ra tâm yếu của Thiền rồi.”

TRÍ TUỆ THIÊN:

Con người ai cũng có lưỡi, nhưng những người hiểu được chỗ diệu dụng của lưỡi chẳng có bao nhiêu. Lưỡi biết nói, một lời có thể hưng bang, một lẽ dẫn tới mất nước. Có người làm công đức bằng lưỡi, có người gây ra tội lỗi vì lưỡi. Lưỡi lẽ của Thiền sư mọi người có thể biết được chứ?

1 2 3 4 5

Thiền sư Đạo Nguyên người Nhật Bản mất cha khi mới được 3 tuổi, năm 8 tuổi mồ côi mẹ, từ nhỏ nhờ chú nuôi dưỡng, năm 14 tuổi xuất gia tu ở chùa Kiến Nhân, Kinh Đô.

Thời Tống, thiền sư Đạo Nguyên tới Trung Quốc lưu học, khi tàu cập cảng Khánh Nguyên, có một lão thiền sư chừng hơn 70 tuổi lên tàu mua mộc nhĩ. Thiền sư Đạo Nguyên rất thân thiện hỏi han ông, qua nói chuyện được biết lão Thiền sư tên là Hữu Tĩnh, nấu cơm trong chùa A Dục Vương, Triết Giang, vì thế nói với ông rằng: “Thiền sư! Trời đã tối rồi, thầy đừng vội về làm gì, ở trên tàu với chúng con qua một đêm, mai hãy về!”

Lão thiền sư Hữu Tĩnh cũng rất lễ độ trả lời: “Cảm ơn ý tốt của thầy, ngày mai trong chùa A Dục Vương phải nấu mì cúng dường mọi người, hôm nay phải ra mua mộc nhĩ để tiện tối đem về, cho kịp sử dụng vào ngày mai, bởi vậy không tiện ở lại đây qua đêm đâu.”

Thiền sư Đạo Nguyên nói: “Kể như thầy không ở trong chùa, chẳng lẽ không có người khác thế sao?”

Lão thiền sư Hữu Tĩnh nói: “Không, không thể để người khác làm thay, ta tới tuổi này rồi mới nhận được nhiệm vụ đó, làm sao có thể dễ dàng bỏ đi hay nhờ người làm thế chứ? Huống hồ ta chưa từng nhận được sự đồng ý ra ngoài qua đêm, không thể phá hoại thanh quy của tăng đoàn được.”

Thiền sư Đạo Nguyên nói: “Thầy đã là bậc trưởng giả đức cao vọng trọng, tại sao còn phải phụ trách công việc bếp núc đó vậy? Phải an tâm tọa Thiền, chăm chỉ đọc kinh chứ!”

Sau khi lão Thiền sư Hữu Tĩnh nghe bèn cười hả hê, nói: “Thiền giả trẻ tuổi người ngoại quốc, có lẽ thầy còn chưa hiểu thế nào là tu hành, xin đừng lấy làm lạ, thầy là người chẳng hiểu gì về tâm Thiền lời kinh.”

Thiền sư Đạo Nguyên hồ thẹn hỏi: “Tâm thiền lời kinh là gì vậy?”

Lão thiền sư Hữu Tĩnh không buồn suy nghĩ bèn trả lời: “12345.”

Thiền sư Đạo Nguyên lại hỏi: “Tu hành là gì?”

Lão thiền sư Hữu Tĩnh trả lời rành mạch: “678910.”

Thiền sư Đạo Nguyên tới Trung Quốc học Pháp vào thời Tống, đi khắp các chùa chiền nổi tiếng, sau đắc Pháp ở chỗ thiền sư Như Tịnh chùa Thiên Đài, Triết Giang. Sau khi về Nhật Bản cố gắng hoằng dương đạo Thiền, trở thành tổ sư khai tông phái Tào Động tông, tác phẩm quan trọng

về Thiền môn của ông có “Chính pháp nhãn tàng”, Phổ khuyển Thiền nghị”. Khi thiền sư Đạo Nguyên mới tới Trung Quốc, liền gặp vị lão thiền sư Hữu Tĩnh này, khiến cho ông biết được trong Thiền lâm Trung Quốc thực là nơi rộng rãi hỏ phục, một lão nấu nướng mà Thiền phong cao siêu, sâu sắc khó ngờ.¹

TRÍ TUỆ THIÊN:

Tâm Thiền lời kinh là gì? Tu hành là gì? Là câu trả lời “12345, 678910” của lão thiền sư Hữu Tĩnh. Đương nhiên đó không nhất định nhằm chỉ thứ gì, cũng có thể nói “1 là tất cả”, “12345” vẫn không đủ bao quát hết tâm Thiền lời kinh chứ?

1. Chùa Đại Minh – Tổ đình Luật tông - Chùa Đại Minh nằm ở đồi Thục phía tây bắc thành phố Dương Châu, tỉnh Giang Tô, được xây dựng vào năm Đại Minh, đời Lưu Tống Nam Bắc triều, là tổ đình của Luật tông. Năm đầu Khai Hoàng (581) vua Tùy Văn Dương Kiên hạ chiếu xây dựng 30 tòa tháp cúng dường Xá lợi ở 30 châu trong khắp cả nước. Chùa được xây dựng ở Dương Châu năm Đại Minh gọi là tháp Thê Linh, cao 9 tầng, được mệnh danh là “Trung Quốc chi ưu tuần đặc giả”. Cuối thời Đường, tòa tháp này bị hỏa hoạn phá hủy, tháp Thê Linh ngày nay được xây lại vào năm 1993. Tháp có dạng hình vuông, cao 9 tầng, phỏng theo đời Đường, tổng diện tích xây dựng là 1865m². Trên bình đài giữa trung tâm phía trong mỗi tầng tháp có bốn pho tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi xoay lưng vào nhau, trong cửa chùa có bốn tượng Kim Cang sắp theo hai bên, trong Đại Hùng bảo điện có một pho tượng Thích Ca Mâu Ni trên tòa hoa sen, hai bên tường sắp 18 vị La Hán. Ngày nay Đại điện đã trải qua trùng tu tô màu, trang sức bằng vàng, càng tăng thêm vẻ bay bổng.

ĐỘNG SƠN HỎI VỀ THIỀN

Thiền sư Động Sơn đi thăm thiền sư Long Sơn, thiền sư Long Sơn hỏi: “Đừng nên đi vào con đường núi này, thầy từ đâu tới vậy?”

Thiền sư Động Sơn nói: “Ngọn núi này không có đường và việc tôi làm sao tới được khoan hãy nói, bây giờ hỏi thầy rốt cuộc từ đâu đến ngọn núi này thế?”

Thiền sư Long Sơn nói: “Dù sao tôi chẳng phải từ trên trời rớt xuống, từ dưới đất chui lên.”

Thiền sư Động Sơn nói: “Xin hỏi thầy! Từ khi thầy vào núi này đến nay đã bao nhiêu năm rồi?”

Thiền sư Long Sơn trả lời: “Trong núi chẳng có giáp tý, năm tháng cuộc đời chẳng liên quan gì đến ta.”

Thiền sư Động Sơn nói: “Vậy tôi xin hỏi thầy là thầy trước tiên ở đây ngọn núi này ở trước?”

Thiền sư Long Sơn nói: “Không biết!”

Thiền sư Động Sơn không hiểu hỏi tiếp: “Tại sao không biết?”

Thiền sư Long Sơn trả lời: “Ta đã chẳng phải người phạm trần, cũng chẳng là người thiên giới, ta làm sao biết được chứ?”

Thiền sư Động Sơn nói: “Thầy đã chẳng phải người, cũng chẳng phải tiên, chẳng lẽ thầy đã thành Phật?”

Thiền sư Long Sơn nói: “Chẳng phải Phật!”

Thiền sư Động Sơn nói: “Vậy là gì?”

Thiền sư Long Sơn nói: “Nói là một vật tức không trúng!”

Thiền sư Động Sơn cuối cùng đưa ra chủ đề của mình, ông hỏi: “Vi duyên cớ nào thầy tới ở ngọn núi sâu thế này?”

Thiền sư Long Sơn cũng vẫn trả lời chủ đề: “Vi trước kia ta từng thấy hai con trâu húc nhau, bên này húc bên kia cuối cùng rớt xuống biển, cho đến nay cũng chẳng thấy tăm hơi của trâu.”

Thiền sư Động Sơn vừa nghe câu nói đó không khỏi tỏ lòng cung kính, liền bái lạy thiền sư Long Sơn.¹

1. Chùa Quốc Thanh – Tổ đình Thiên Đài tông - Chùa Quốc Thanh nằm ở khu rừng phía nam núi Thiên Đài, tỉnh Triết Giang, cách huyện Thiên Đài 3km, là tổ đình Thiên Đài tông Phật giáo Trung Quốc, cũng là tổ đình Thiên Đài tông của Phật giáo Nhật Bản. Chùa Quốc Thanh quay về hướng nam, tổng diện tích 73.000m², diện tích xây dựng là 23.000m² với hơn 700 điện, đường, phòng khách, còn 14 tòa điện trùng kiến triều Thanh. Chùa được tổ hợp bởi mười mấy Viện lạc và quần thể kiến trúc với phong cách,

CHÚ BÉ BÍNH ĐÌNH TỚI XIN LỬA

Một thầy Giám viện ở một ngôi chùa tham gia Pháp hội của thiền sư Pháp Nhãn, thiền sư Pháp Nhãn hỏi: “Thầy tham gia Pháp hội của ta được bao lâu rồi?”

Giám viện nói: “Tôi tham gia Pháp hội của thiền sư đã được 3 năm rồi.”

Pháp Nhãn hỏi: “Tại sao chẳng thấy tới Trượng thất của ta để hỏi về Phật pháp?”

Giám viện trả lời: “Chẳng giấu thiền sư, tôi đã lãnh ngộ Phật pháp ở chỗ của thiền sư Thanh Phong.”

Pháp Nhãn hỏi: “Thầy dựa vào những lời lẽ nào mà lãnh ngộ được Phật pháp?”

không gian gian khác nhau. Tất cả có 4 điện (điện Di Lạc, điện Vũ Hoa, Đại Hùng bảo điện, điện Quan Âm), 5 lầu (lầu Chung, lầu Cổ, lầu Phương trượng, lầu Nghênh đài, lầu Tạng Kinh), 6 đường (đường Diệu Pháp, đường An Dưỡng, đường Tề, đường Tĩnh Quan, đường Đại Dịch, Khách đường). Gần 2.000m đường hành lang xuyên qua chùa, đường hanh lang có lang hiên Khiêu, lang trụ liền mái, lang hiên trụ trùng, lang trụ song tầng, lang trụ đơn tầng, lang song hiên, song tầng... tập trung các loại mái lang trong kiến trúc cổ Trung Quốc, thực là tác phẩm quý giá về kiến trúc cổ đại Trung Quốc.

Giám viện đáp: “Con từng hỏi thiền sư Thanh Phong rằng: Người học Phật pháp làm sao mới có thể nhận thức được mình một cách thực sự? Thiền sư Thanh Phong trả lời con: chú bé Bính Đình tới xin lửa.”

Pháp Nhãn hỏi: “Nói hay, nhưng con chẳng thể hiểu thực sự hàm ý của câu nói đó đâu!”

Giám viện trả lời: “Bính đình thuộc hỏa, lấy hỏa cầu hỏa, đó chính là nói chuyện phàm trần phải cầu nơi bản thân.”

Pháp Nhãn hỏi: “Thầy quả không hiểu thật, nếu Phật giáo đơn giản thế, thì đã chẳng lưu truyền từ thời Phật Tổ cho đến nay.”

Giám viện nghe xong, vô cùng phần uất, cho rằng thiền sư miệt thị mình, bèn rời thiền sư Pháp Nhãn.

Trên đường ông nghĩ: “Thiền sư là người học rộng biết nhiều, đồng thời hiện nay là thầy hướng dẫn lớn của hàng 500 người, thầy khuyên ta chắc có lý của nó.”

Vì thế ông trở về nơi cũ sám hối với thiền sư Pháp Nhãn, rồi hỏi: “Người học Phật pháp, bản thân chân chính là gì?”

Pháp Nhãn trả lời: “Chú bé Bính Đình tới xin lửa.”

Giám viện nghe bỗng lãnh ngộ.¹

1. Chùa Quang Hiếu – Tổ đình Thiền tông - Chùa Quang Hiếu nằm ở Đường Bắc Hồng Thư, Quảng Châu, bắt đầu được xây dựng thời

TRÍ TUỆ THIÊN:

Cùng một câu nói có hai hoặc nhiều tầng nghĩa khác nhau. Mỗi người đều có thể có những góc nhìn khác nhau, nên đối với chân lý đừng đắm đầu vào bụi rậm, “hãy cầu nơi mình” đương nhiên quan trọng, mở mang thông suốt càng quan trọng hơn.

Đông Tấn, trong điện có tượng thật của Lục Tổ Huệ Năng, nên được tôn làm tổ đình. Chùa Quang Hiếu từng nhiều lần đổi tên, năm Long An thứ 5 đời Đông Tấn gọi là chùa Ngũ Nguyên, đời Đường gọi là chùa Càn Minh Pháp Tính, thời Ngũ đại, Nam Hán gọi là chùa Càn Hanh, thời Bắc Tống gọi là chùa Vạn Thọ Thiên, thời Nam Tống gọi là chùa Bao Ân Quảng Hiếu. Năm Thành Hóa Minh Hiến Tông đổi tên là “chùa Quang Hiếu”. Từ đó về sau, trải qua nhiều triều đại trở thành một nơi nổi tiếng. “Quang Hiếu Bồ Đề” là một trong “Dương thành bát cảnh” thời Tống. Chùa Quang Hiếu có kết cấu xây dựng nghiêm cẩn, điện vũ hùng vĩ hiên ngang, có nhiều di tích, văn vật lịch sử. Đại Hùng bảo điện, suối Tây bát, đài Ế Phát, cột Thạch Kinh, tháp sắt Thiên Phật, điện Lục Tổ, điện Ngọa Phật và bia khắc, tượng Phật, cây Hà Tử, Bồ Đề... đều là những di vật di tích Phật giáo quý giá.

NHẮM THẰNG VÀO BẢN TÂM

Một hôm, thiền sư Vi Sơn Linh Hựu nói với đệ tử của mình là thiền sư Ngưỡng Sơn rằng: “Có một tín đồ Tục gia cầm ba mảnh lụa đến muốn ta gióng chuông cầu phước cho và mong thế nhân hòa bình, an lạc.”

Thiền sư Ngưỡng Sơn nghe lão thiền sư nói xong, cố ý hỏi: “Tín đồ đã thành tâm như vậy đối với Phật pháp và có hy vọng cầu phước thế, thầy nhận lụa của anh ta, xin hỏi sẽ dùng thứ gì để trả ơn anh ta vậy?”

Thiền sư Linh Hựu liền chống gậy gõ giường ba cái, nói: “Ta lấy cái này trả ơn anh ta!”

Thiền sư Ngưỡng Sơn không cho vậy, nói: “Nếu là cái này thì dùng để làm gì?”

Thiền sư Linh Hựu lại gõ ba cái, nói: “Con chê cái này vẫn chưa đủ à?”

Thiền sư Ngưỡng Sơn giải thích: “Con chẳng chê Cái này, Cái này là của mọi người. Con chỉ cho rằng thầy đừng lấy cái của mọi người để trả ơn anh ta.”

Thiền sư Linh Hựu nói: “Con đã biết cái này là của mọi người, tại sao muốn ta tìm thứ khác cho anh ta chứ?”

Con nói, trừ Cái này ra, còn thứ gì khác có thể thù tạc anh ta được?”

Thiền sư Ngưỡng Sơn vẫn không cho như thế, nói: “Bản thân đã đầy đủ, đâu làm khổ người?”

Thiền sư Linh Hựu nói: “Bản thân ta mặc dù đã đủ, nhưng không có người khác, đâu nhận ra được nhân duyên? Con quên mất ban đầu Đại sư Đạt Ma từ Đông sang nước ta chẳng phải cũng đem theo Cái này cho người ta sao? Mỗi vị Thiền giả các con đều là người nhận tín vật của ngài!”

“Cái này” là chỉ thứ gì? Thiền sư nói Cái này, tức nhắm vào Bản lai diện mục của chúng ta, đã là Bản lai diện mục đâu có vất vả tha nhân ban tặng? Nhưng lời lẽ là thế, nếu không có thầy chỉ bảo, đâu có thể nhận ra được Bản lai diện mục? Như Thiền môn chẳng chú trọng lời nói, chữ viết, cái gọi là nhắm thẳng vào Bản tâm, kiến tánh thành Phật, nhưng nếu bỏ đi lời nói, chữ viết, đâu thể nhắm thẳng Bản tâm, kiến tánh thành Phật. Thiền sư Hoàng Bách nói: “Bất chấp Phật cầu, bất chấp Pháp cầu, bất chấp Tăng cầu, Đương tác như thị cầu!” Một câu “Đương tác như thị cầu” này thực là chỗ ra sức.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Lời nói, chữ viết mặc dù là công cụ, không phải là mục đích, như ngồi thuyền qua sông, sông còn chưa qua, đâu thể bỏ thuyền? Nhưng, nếu tới được bến bờ, tức phải bỏ thuyền mà đi.

ĐẦU HỔ MỘC SỪNG

Thiền sư Hoàng Bách Hy Vận có một lần tới nhà bếp nhìn thấy Điền tọa - người phụ trách bếp núc - bèn hỏi: “Con đang làm gì vậy?”

Điền tọa đáp: “Con đang đong gạo cho các Thiền tăng ăn.”

Hoàng Bách hỏi: “Mỗi ngày cần tới bao nhiêu gạo?”

Điền tọa đáp: “Mỗi ngày ba bữa, ăn khoảng 2 thạch rưỡi (149kg)”

Hoàng Bách hỏi: “Có phải ăn nhiều quá không?”

Điền tọa đáp: “Con vẫn lo ăn chưa đủ đấy!”

Hoàng Bách vừa nghe câu đó, tiện tay tát cho Điền tọa hai phát vào mang tai, Điền tọa liền kể chuyện này với thiền sư Lâm Tế.

Sau khi thiền sư Lâm Tế nghe xong không cho là như thế, cho rằng trả lời như vậy cũng không có lỗi làm gì, tại sao phải đánh người chứ? Ông bèn an ủi Điền tọa nói: “Ta thay con hỏi lão hòa thượng đó xem sao!”

Nhưng, thiền sư Lâm Tế vừa tới phòng của thiền sư Hoàng Bách, thiền sư Hoàng Bách liền nhắc tới việc đó trước.

Thiền sư Lâm Bách nói: “Vị, Diên tọa không hiểu thầy tại sao đánh ông ta, nên mới nhờ ta tới hỏi thầy một tiếng.”

Thiền sư Hoàng Bách hỏi: “Tại sao à? Thầy nói tại sao đánh ông ta?”

Thiền sư Lâm Tế không phục nói: “Chẳng lẽ lo không đủ ăn cũng không được sao?”

Thiền sư Hoàng Bách nói: “Tại sao không trả lời ngày mai còn phải ăn một bữa nữa chứ?”

Thiền sư Lâm Tế giọng cao nắm đấm, la lớn: “Nói gì ngày mai, bây giờ phải ăn rồi.” Nói xong, thuận tay vung nắm đấm ra.

Thiền sư Hoàng Bách chặn nắm đấm của Lâm Tế, trách rằng: “Tên hòa thượng điên này còn tới đây vật râu hùm!”

Thiền sư Lâm Tế gầm lên đi khỏi tăng đường, ngược lại thiền sư Hoàng Bách vui vẻ, nói trên đầu con hổ nhỏ đó mọc sừng rồi.

Về sau thiền sư Vi Sơn Linh Hựu hỏi Ngưỡng Sơn Huệ Tịch về câu chuyện này: “Cả hai thiền sư đó rốt cuộc đang làm gì thế?”

Ngưỡng Sơn nói: “Dụng ý của thầy thế nào vậy?”

Vi Sơn đáp: “Sinh con mới biết tình thân vĩ đại.”

Ngưỡng Sơn nói: “Ta chẳng cho là vậy.”

Vi Sơn hỏi: “Vậy thầy còn cách nào khác chứ?”

Ngưỡng Sơn nói: “Đây vừa giống như đưa trộm vào trong, trộm đồ của mình.”

Thiền sư Vi Sơn Linh Hựu nghe rồi cười ngất.

TRÍ TUỆ THIÊN:

Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền là đệ tử của Thiền sư Hoàng Bách Hy Vận, đệ tử đánh thầy, đó là phản nghịch. Nhưng, Hoàng Bách không cho là phản nghịch, ngược lại khen ngợi Lâm Tế, tục ngữ nói: “Đánh là tình, chửi là yêu.” Xét ở góc độ tiếp tâm trong Thiền tông thì đó lại mang một ý nghĩa khác nữa.

LUÂN HỒI LƯU CHUYỂN

Thiền sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ sau 5 năm học ở chỗ thiền sư Kinh Sơn, thì đi vân du khắp nơi. Khi ông vân du tới đạo tràng của Thạch Đầu Hy Thiên, thỉnh thị rằng: “Nếu ngoài siêu thoát định tuệ ra, xin hỏi thầy con có thể nói cho người khác điều gì không?”

Thiền sư Thạch Đầu trả lời: “Chỗ ta đây vốn chẳng có gì trói buộc và áp bức, nói về siêu thoát, xin hỏi phải siêu thoát gì chứ?”

Thiền sư Đạo Ngộ không hài lòng trả lời vậy, hỏi: “Thầy nói thế, dạy người làm sao hiểu được?”

Thiền sư Thạch Đầu hỏi lại: “Thầy có hiểu được Ban nhược chân không?”

Thiền sư Đạo Ngộ gật gật đầu, nói: “Điểm này tôi tâm đắc từ lâu, cái gọi là Chân không, không cản trở Diệu hữu, Diệu hữu không cản trở Chân không.”

Thiền sư Thạch Đầu vô cùng thất vọng nói: “Chẳng ngờ thầy cũng là người từ bên đó đến!”

Thiền sư Đạo Ngộ vội phủ nhận, nói: “Ta chẳng phải là người ở bên đó! Vì có “bên đó” sẽ có “bên này”, ý thầy nơi ta đến còn có tông tích sao?”

Thiền sư Thạch Đầu khẳng định nói: “Ta sớm biết nơi thầy rồi.”

Đạo Ngộ trả lời: “Thầy không có căn cứ, làm sao vu khống ta chứ!”

Thiền sư Thạch Đầu cười lớn, chỉ Đạo Ngộ nói: “Cơ thể của thầy chính là căn cứ, đó chẳng phải là có xuất xứ sao?”

Thiền Hoàng Đạo Ngộ cúi đầu, trầm tư hồi lâu, lại hỏi thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên rằng: “Lời nói của thầy tuy như vậy, xuất xứ tự nó đến, nơi đi tự nó đi. Ta bây giờ chỉ xin nói với thầy, chúng ta cuối cùng nên dùng thứ gì để dẫn dắt người sau vậy?”

Thiền sư Thạch Đầu nói lớn: “Xin hỏi! Ai là người sau của chúng ta chứ?”

Thiền Hoàng Đạo Ngộ nghe bỗng hoảng nhiên đại ngộ!¹

-
1. Chùa Đại Hưng Thiện – Tổ đình Mật tông - Chùa Đại Hưng Thiện nằm ở mé tây đường Tiểu Trại Trường An, ngoại ô phía nam Tây An, bắt đầu được xây dựng từ năm Thái Sử vua Phổ Vũ đến năm Thái Khang (265 – 289). Đầu đời Tùy nó được mở rộng quy mô và đổi tên thành chùa Đại Hưng Thiện, cách nay hơn 1.600 năm, đây là một trong những chùa Phật lâu đời nhất trong lịch sử hiện còn tồn tại ở thành phố Tây An. Hòa thượng Bất Không truyền Pháp giới ở đây và dịch hơn 500 bộ kinh điển Phật giáo Mật tông, trở thành Đại sư Mật tông nổi tiếng. Chùa Đại Hưng Thiện là một trong ba Kinh trường lớn về dịch kinh Phật ở Trường An bấy giờ, cũng là nơi phát tích của Phật giáo Mật tông Trung Quốc. Hiện

TRÍ TUỆ THIÊN:

Bên này, bên kia mà hai người nói chủ yếu nhằm chỉ ý lưu chuyển trong sinh tử luân hồi. “Ta biết thầy đến từ bên đó”, nhằm chỉ vẫn mê vọng trong sinh tử, Thiên Hoàng Đạo Ngộ sau khi trải qua suy xét thâm sâu, thừa nhận bản thân còn chưa siêu thoát, nói: “Xuất xứ tự nó đến, nơi đi tự nó đi.” Đó chính là ý nghĩa của sinh tử do nó vậy.

giờ trong chùa có xây dựng quần thể kiến trúc bao gồm Sơn môn, đại điện Kim Cang, lầu Chung cổ, điện Quan Âm, phòng Phương trượng... Chùa Đại Hưng Thiện có Pháp duyên đặc biệt, phong cảnh thanh nhã, hoa thơm chim ca, cảnh sắc mê hồn, là thánh địa nghỉ ngơi của những tín đồ hành hương du khách khắp nơi.

PHẬT VÀ PHÂN BÒ

Tô Đông Pha đời Tống tới chùa Kim Sơn tụng kinh, tọa Thiền cùng với thiền sư Phật Ấn. Tô Đông Pha cảm thấy thân tâm sảng khoái, vì thế hỏi thiền sư: “Thiền sư! Thầy trông bộ dạng ngài của con thế nào?”

“Rất trang nghiêm, giống như một pho tượng Phật!”

Tô Đông Pha nghe rồi vô cùng vui sướng.

Thiền sư Phật Ấn hỏi Tô Đông Pha: “Học sĩ! Ngài thấy tư thế của ta ngài ra sao?”

Tô Đông Pha xưa nay chưa từng bỏ qua cơ hội chòng ghẹo thiền sư, liền trả lời: “Giống như một đồng phân bò!”

Thiền sư Phật Ấn nghe xong cũng rất vui! Tô Đông Pha thấy thiền sư bị mình ví như phân bò, mà không thể đối đáp lại, trong bụng cho là đã thắng thiền sư Phật Ấn, vì thế gặp người bên nói: “Hôm nay ta thắng rồi!”

Tin tức loan tới tai cô em của ông, em gái hỏi: “Anh! Rốt cuộc anh làm sao thắng được thiền sư vậy?” Tô Đông Pha đắc ý, hớn hờ thuật lại sự thật một lần. Em gái Tô Đông Pha thiên tư hơn người, tài hoa xuất chúng, sau khi cô nghe ông anh kể một cách đắc ý mới nghiêm nghị nói: “Anh ạ! Anh thua rồi! Trong lòng thiền sư như Phật, nên

ngài thấy anh giống Phật, còn trong bụng anh giống như phân bò, nên anh thấy thiền sư mới ra phân phân bò!”

Người cười người bị người cười, Tô Đông Pha cứng họng, mới biết thiền công của mình không bằng thiền sư Phật Ấn.¹

TRÍ TUỆ THIỀN:

Chúng ta nhìn thế giới ra sao, thế giới đối đãi với chúng ta như thế ấy.

-
1. Chùa Đông Lâm – Tổ đình của Tịnh thổ tông - Chùa Đông Lâm nằm ở rừng tây Lưu Sơn, bắt đầu xây dựng vào năm Thái Nguyên thứ 12 đời Đông Tấn, tới nay đã có lịch sử hơn 1.600 năm, là Tổ đình của Tịnh thổ tông (Liên tông), tổ sư Khai Sơn là Pháp sư Huệ Viễn. Tổ đường ở mé đông lầu Tàng Kinh, cạnh ao Xuất Mục, xưa gọi là “Viễn Công Ảnh đường”, “Thập bát cao hiền đường”, nay vẫn còn tám biển “Viễn Công Đường”. Trong chùa điện đường lầu thất tới hơn 300 gian, cất giữ hơn 10.000 cuốn kinh, là tự viện đứng đầu cả nước bấy giờ. Đại hùng bảo điện là điện Phật chủ yếu trong chùa Đông Lâm, cao 19m, sâu 24m, tổng diện tích là 386m², là một công trình kiến trúc hùng vĩ phỏng theo triều Tống, hoàn thành vào năm 1986, toàn điện có tất cả hơn 70 pho tượng Phật lớn nhỏ thân bằng vàng.

MỤC LỤC

BỒ THÍ CÓ MỨC.....	5
ĂN CƠM, NGỦ NGHÊ CŨNG LÀ TU HÀNH.....	7
THIỆN SỰ HÓA DIÊM.....	9
TÂM TỈNH MỚI ĐẠI NGỘ.....	11
ĐẠO TÍN CHỐNG THÁNH CHỈ.....	14
ĐÁ RỬA CHÂN CỦA THIỀN SƯ.....	16
BÀ KHÓC TRỞ THÀNH BÀ CƯỜI.....	19
LỤC THỨC XÓA LỤC TRẦN.....	21
TÂM TỨC LÀ PHẬT.....	23
LINH QUANG ĐÓN NGỘ.....	25
CHỈ CÓ THOÁT RA NGOÀI VẬT.....	27
THIỆN VÔ SINH TỬ.....	29
THIỆN HÓA ĐÁ CỨNG.....	32
PHÁP LỰC VÔ BIÊN.....	35
NHƯ CHẴNG PHẢI HƯ VÔ.....	37
MẸ DẮT LA CHO CON.....	39
THIỆN LÀ TỰ DO.....	41
KHÔNG THỂ ĐEM ĐI.....	43
VÔ TÂM TỰ NHIÊN.....	46
THIỆN NÓI VỀ TÂM TÍNH.....	48
ĐỀU CÓ SINH TỬ.....	50
MỌI SỰ ĐỀU TÙY.....	52

HỘI TÂM ĐÓN NGỘ	54
TỪ BI CHẴNG ĐỂ.....	56
NGÔN NGỮ NGÓN TAY	59
TY CHUNG SÂM ĐIỀN	62
TÂM NHƯ ĐÀI GƯƠNG SÁNG	65
MƯỜI ĐIỀU HỐI HẬN	67
CỨNG QUẢ NHÂN QUẢ	70
ÁO CUỘN TRẦN CHÂU	72
ĐỘ NGƯỜI ĐỘ TÂM	74
NHÂN SINH DIÊM TƯƠNG	77
THIỆN ĐỊNH LÀ ĐỊNH LỰC.....	80
CUNG KÍNH CẦU PHẬT.....	83
LO XA MỜ GẦN.....	85
VẠN VẬT ĐỀU CÓ TÂM	87
THIỆN SỰ GIEO MẠ	89
THẤT LÝ THẢ TRỘM	92
THIỆN TÙY CƠ ỨNG BIẾN.....	95
KHÔNG DO TÂM MÀ RA.....	99
CHÍNH THỤ ĐÓT SÁCH.....	101
RỬA BÁT QUÉT SÂN.....	103
ĐỪNG NIỆM THIẾT SINH.....	105
CUỘC SỐNG THIỀN CƠ.....	108
KHOAN THỨ CỦA THIỀN.....	111
CON ĐƯỜNG TÁNH KHÔNG	113

PHẬT PHÁP VÔ NHI	115
TÂM SINH PHÁP SINH, TÂM DIỆT PHÁP DIỆT	118
NGỘ RÒI SẼ TỈNH.....	120
THIỆN VÔ BÀNG TÂM.....	124
VẠN SỰ ĐỀU LÀ NHÂN QUẢ	127
THIỆN KHÔNG THAY ĐỔI.....	129
TỰ TÍNH KHÓ TẶNG	131
PHẬT TÍNH CỦA CÂY	133
MỘT BÁT NGHÌN NHÀ ĂN.....	135
TỰ ĐOẠN HY VỌNG	137
HIỂU NHẦM.....	140
SỨC HẤP DẪN CỦA THIỀN	143
NGHIÊM SỰ NGHI SƠN	146
NƯỚC CHẾT KHÔNG CHỨA RỒNG.....	149
THIỆN CHẴNG TRANH BIỆN	152
NHÂN QUẢ CỦA LƯỠI	155
TÂM CHẴNG BẰNG CHÚ HỀ NHỎ.....	157
TỊNH THỔ TRONG TÂM	160
PHÁP MÔN TRONG THIỀN.....	163
SỰ KỶ DIỆU CỦA THIỀN.....	166
VÔ HÌNH VÔ TƯỚNG	169
TA VÀ VẬT ĐỀU LÀ MỘT.....	172
ĐỘ BAY SINH TỬ CỦA CHIM ĐẠI BẰNG	174
MỘT CÂU MANG Ý VỊ THIỀN	177

Ý NGHĨA THỰC SỰ CỦA TRIỆU CHÂU.....	179
TRÔNG BÓNG TỰ NGỘ	182
KHẲNG ĐỊNH MÌNH.....	184
MÂY NƯỚC TÙY DUYÊN	186
ĐÁNH ĐÒN PHỦ ĐẦU.....	188
TÂM VÔ NGOẠI VẬT	191
DUYÊN NGỘ VÔ BIÊN	194
PHẬT TỔ UỐNG NƯỚC	197
CHẲNG HỀ NGỘ	199
BÁNH VÀ THIỀN.....	201
THIỀN VÔ VỌNG NGŨ.....	202
LỜI KỆ.....	204
LỜI THIỀN ĐƯỢC MÁT.....	206
LỜI DẠY VÔ NGÔN	208
TẾ THẦN NHƯ CÓ THẦN ĐANG NGỰ TRỊ.....	211
TỰ NGÃ TỰ PHẬT.....	213
NGỘ TÍNH KHÔNG ĐƯỢC BẮT CHƯỚC.....	215
TRONG CỬA HAY NGOÀI CỬA.....	217
TRẢ LỜI HAY KHÔNG	219
HUYỀN DIỆU CỦA THIỀN	221
TRẢ LỜI ĐIỀU KHÔNG HỎI.....	224
GIỎI BIẾT TỰ GIỮ GÌN.....	227
THIỀN KHÔNG CÓ TA VÀ NGƯỜI	229
LỤC TỔ NÓI VỀ THIỀN	232

AI LÀ THIỀN SƯ	234
CHÂN TÂM CỦA MẮT	236
SIÊU ĐỘ CHO CHÓ	238
MỘT VÀ BA.....	240
NGOẠI GIÁO ĐÙNG TRUYỀN.....	243
NGỘ RA TÂM YẾU	246
1 2 3 4 5.....	248
ĐỘNG SƠN HỎI VỀ THIỀN.....	251
CHÚ BÉ BÌNH ĐÌNH TỚI XIN LỬA.....	253
NHẢM THẰNG VÀO BẢN TÂM.....	256
ĐÀU HỔ MỘC SÙNG	258
LUÂN HỎI LƯU CHUYỂN	261
PHẬT VÀ PHÂN BÒ	264

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ THIỀN (Tập 2)

MỘ VÂN CƯ

Lê Hải Đăng *dịch*

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Tác giả
Trình bày & bìa: Khánh Chi

Đối tác liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số 1155-2020/CXBIPH/22-17/HĐ. Số QĐXB của NXB: 226/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 16/4/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-9948-56-5.